BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1176 /QĐ-ĐHLĐXH

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Công tác xã hội

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

Căn cứ Quyết định số 1263/QĐ-LĐTBXH ngày 07/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Lao động – Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 500/QĐ-LĐTBXH ngày 08/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về kiện toàn cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 09/2017/TT-BGDĐT ngày 04/4/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1854/QĐ-ĐHLĐXH ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội về việc ban hành Quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ;

Theo đề nghị của Thường trực Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Lao động – Xã hội và Trưởng khoa Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Công tác xã hội (*có chương trình kèm theo*).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông, bà Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính - Tổng hợp, Trưởng phòng Kế toán – Tài chính, Trưởng khoa Sau đại học, Trưởng khoa Công tác xã hội và Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, K.SĐH.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG XÃ HỘI

Hà Xuân Hùng

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
CHUYÊN NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1176/QĐ-ĐHLĐXH ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

Tên chuyên ngành đào tạo	: **Công tác xã hội**
Mã số	: **8760101**
Tên cơ sở đào tạo	: **Trường Đại học Lao động - Xã hội**
Trình độ đào tạo	: **Thạc sĩ**

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Công tác xã hội được xây dựng theo định hướng ứng dụng trang bị cho học viên những kiến thức nền tảng về công tác xã hội, các kiến thức về sức khoẻ hành vi của con người, bối cảnh thực tiễn trong việc phát triển các cơ sở cung cấp dịch vụ xã hội cũng như những kiến thức cập nhật về chính sách liên quan tới lĩnh vực công tác xã hội. Ngoài ra, học viên cũng được trang bị những kiến thức chung và kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực nghiên cứu ứng dụng trong công tác xã hội để học viên có khả năng thực hiện và vận dụng những kết quả nghiên cứu vào các hoạt động can thiệp chuyên sâu với các nhóm đối tượng khác nhau. Học viên sau khi học xong sẽ có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực công tác xã hội, có khả năng điều phối, quản lý, giám sát việc cung cấp các dịch vụ xã hội một cách hiệu quả; đề xuất cũng như hỗ trợ tham gia vào thực hiện các nghiên cứu, phân tích và tư vấn chính sách xã hội cũng như đào tạo về công tác xã hội.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức

- Trang bị cho người học các kiến thức liên quan tới giới, các vấn đề về hành vi cũng như sức khoẻ hành vi và việc xây dựng quản lý dự án… từ đó phục vụ cho việc thực hiện các công việc trong thực tiễn.

- Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về khoa học nghiên cứu từ đó ứng dụng những kiến thức nghiên cứu này trong lĩnh vực công tác xã hội.

- Trang bị cho người học các kiến thức công tác xã hội chuyên sâu trong việc giải quyết vấn đề hoặc đáp ứng nhu cầu với từng nhóm đối tượng xã hội tập trung vào các lĩnh vực về tham vấn cũng như quản lý trường hợp trong hỗ trợ các nhóm đối tượng đa dạng khác nhau như trẻ em bị xâm hại, phụ nữ bị bạo lực gia đình, người nghèo, người khuyết tật, trẻ tự kỷ, người tâm thần… Ngoài ra kiến thức can thiệp hỗ trợ các đối tượng trong 2 lĩnh vực khá phổ biến hiện nay là trong bệnh viện và trong

trường học cũng được trang bị cho người học.

- Trang bị cho người học các kiến thức liên quan tới quản trị các cơ sở cung cấp dịch vụ, các dự án phát triển cộng đồng cũng như kiểm huấn nhân viên để từ đó thực hiện được tốt các công việc của người trưởng nhóm, lãnh đạo cơ sở.

1.2.2. Về kỹ năng

- Trang bị cho người học những kỹ năng quan sát, phân tích, đánh giá, thực hành nghề nghiệp với các nhóm đối tượng yếu thế khác nhau.

- Trang bị cho người học những kỹ năng phân tích và đánh giá được những nội dung liên quan tới các chương trình, chính sách đặc thù với các nhóm đối tượng khác nhau từ đó vận dụng vào việc hỗ trợ làm việc với các nhóm đối tượng cũng như biện hộ và đề xuất phát triển các nhóm chính sách này.

1.3. Vị trí công tác có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

- Cán bộ quản lý, triển khai các chương trình, dự án tại các cơ quan thuộc của ngành Lao động – Thương binh và Xã hội cũng như trong các ban, ngành đoàn thể khác như Công đoàn, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn thanh niên…

- Điều phối viên, quản lý các chương trình, dự án xã hội trong các tổ chức quốc tế trong và ngoài nước có chức năng nhiệm vụ liên quan tới phát triển xã hội, công tác xã hội, an sinh xã hội.

- Làm việc tốt trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ trực tiếp và điều phối quản lý việc cung cấp các dịch vụ xã hội đó tại các cơ sở cung cấp dịch vụ khác như trong bệnh viện, trường học…

- Nghiên cứu tại các viện nghiên cứu về các lĩnh vực liên quan đến công tác xã hội, chính sách xã hội, an sinh xã hội, dịch vụ xã hội.

2. Chuẩn đầu ra mà người học đạt được sau tốt nghiệp

2.1 Yêu cầu về kiến thức

- Hiểu được những tri thức về triết học cũng như cũng như kiến thức về phục vụ cho việc nâng cao nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới. Ngoài ra khối kiến thức chung liên quan đến quản lý lãnh đạo là cơ sở để học viên có xử lý các vấn đề với tư cách là một người quản lý trong các cơ sở cung cấp dịch vụ xã hội.

- Hiểu và vận dụng các kiến thức liên quan tới giới, các vấn đề về hành vi cũng như sức khoẻ hành vi và việc xây dựng quản lý dự án… vào việc thực hiện các công việc trong thực tiễn.

- Hiểu và vận dụng các kiến thức cơ bản về khoa học nghiên cứu vào lĩnh vực công tác xã hội. Đây là cơ sở để người học có thể thực hiện các can thiệp hỗ trợ đối tượng một cách khoa học.

- Vận dụng thành thạo các kiến thức trong thực hành công tác xã hội chuyên sâu thông qua việc quan sát, phân tích, đánh giá, thực hành nghề nghiệp với các nhóm đối tượng yếu thế khác nhau.

- Vận dụng được các kiến thức liên quan tới quản trị các cơ sở cung cấp dịch vụ, các dự án phát triển cộng đồng cũng như kiểm huấn nhân viên để từ đó thực hiện được tốt các công việc của người trưởng nhóm, lãnh đạo cơ sở.

- Phân tích và đánh giá được những nội dung liên quan tới các chương trình, chính sách đặc thù với các nhóm đối tượng khác nhau từ đó vận dụng vào việc hỗ trợ làm việc với các nhóm đối tượng cũng như biện hộ và đề xuất phát triển các nhóm chính sách này.

- Có khả năng phân tích và vận dụng thành thạo các kiến thức công tác xã hội chuyên sâu trong việc giải quyết vấn đề hoặc đáp ứng nhu cầu với từng nhóm đối tượng xã hội tập trung vào các lĩnh vực về tham vấn cũng như quản lý trường hợp trong hỗ trợ các nhóm đối tượng đa dạng khác nhau như trẻ em bị xâm hại, phụ nữ bị bạo lực gia đình, người nghèo, người khuyết tật, trẻ tự kỷ, người tâm thần… Ngoài ra kiến thức can thiệp hỗ trợ các đối tượng trong 2 lĩnh vực khá phổ biến hiện nay là trong bệnh viện và trong trường học cũng được trang bị cho người học.

2.2. Yêu cầu về kỹ năng

- Vận dụng thành thạo và khả năng hướng dẫn những người khác về các kỹ năng chuyên sâu trong làm việc với các nhóm thân chủ khác nhau trong các cơ sở bảo trợ xã hội và tại cộng đồng như: Kỹ năng thu thập, phân tích thông tin; kỹ năng kiểm huấn, các kỹ năng tham vấn can thiệp tâm lý xã hội hỗ trợ các nhóm đối tượng khác nhau, kỹ năng biện hộ vận động chính sách, liên kết các cơ quan tổ chức và mạng lưới trong xã hội để cung cấp các dịch vụ tốt nhất cho thân chủ; các kỹ năng phân tích hoạch định chính sách, điều phối, kết nối giám sát cung cấp dịch vụ xã hội và có khả năng nghiên cứu độc lập, phân tích tư vấn các chính sách xã hội..

- Vận dụng thành thạo và khả năng hướng dẫn người khác về các kỹ năng đặc thù chuyên sâu về lĩnh vực quản lý trường hợp, tham vấn nhằm trợ giúp các nhóm đối tượng đặc thù trong bệnh viện, trường học, cộng đồng và cơ sở bảo trợ xã hội và các trung tâm chăm sóc và nuôi dưỡng đối tượng. Đồng thời có kỹ năng phát hiện, giải quyết độc lập những vấn đề liên quan đến công tác xã hội trong thực tiễn.

- Khả năng phân tích chính sách, hoạch định chính sách, đưa ra những đề xuất cho quá trình hoạch định, thực thi các chính sách xã hội cụ thể ở Việt Nam, xây dựng và quản lý các dự án công tác xã hội. Ngoài ra người học có kỹ năng thực hành nghiên cứu, phân tích các trường hợp ứng dụng trong lĩnh vực công tác hỗ trợ đối tượng.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có thể tự định hướng phát triển năng lực cá nhân; tự chủ trong hoạt động; có tinh thần trách nhiệm với công việc;

- Bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn;

- Có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn.

2.4. Yêu cầu về thái độ

Người học có thái độ tôn trọng pháp luật và chính sách của Đảng và Nhà nước; có thái độ cầu thị trong việc học tập, nâng cao trình độ về phương pháp luận và tư duy khoa học sáng tạo; nghiêm túc, trách nhiệm trong công việc. Luôn có thái độ hoà nhã và sẵn sàng giúp đỡ đối tượng và đồng nghiệp trong công việc. Nâng cao trách nhiệm và thái độ đạo đức ngề nghiệp công tác xã hội.

2.5. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

- Có đủ năng lực làm cán bộ quản lý, triển khai các chương trình, dự án tại các cơ quan thuộc của ngành Lao động – Thương binh và Xã hội cũng như trong các ban, ngành đoàn thể khác như Công đoàn, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn thanh niên…

- Có đủ năng lực làm việc tốt ở các vị trí điều phối, quản lý các chương trình, dự án xã hội trong các tổ chức quốc tế trong và ngoài nước có chức năng nhiệm vụ liên quan tới phát triển xã hội, công tác xã hội, an sinh xã hội.

- Có đủ năng lực làm việc tốt trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ trực tiếp và điều phối quản lý việc cung cấp các dịch vụ xã hội đó tại các các cơ sở cung cấp dịch vụ khác như trong bệnh viện, trường học…

- Có đủ năng lực để phối hợp và triển khai các nghiên cứu độc lập trong cơ quan, viện nghiên cứu về các lĩnh vực liên quan đến công tác xã hội, chính sách xã hội, an sinh xã hội, dịch vụ xã hội.

2.6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Người học có thể đăng ký thi tuyển học tập nâng cao trình độ ở cấp học tiến sĩ đào tạo trong nước và ngoài nước. Đồng thời, có thể chủ động nghiên cứu, phát hiện, giải quyết vấn đề độc lập trong quá trình tích lũy kinh nghiệm, tri thức nâng cao trình độ.

3. Yêu cầu đối với người dự tuyển

3.1. Điều kiện văn bằng

- Thí sinh đã tốt nghiệp hoặc đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành đúng với chuyên ngành Công tác xã hội, không phải học bổ sung kiến thức khi dự tuyển. Danh mục ngành đúng với chuyên ngành Công tác xã hội gồm:

+ Ngành tốt nghiệp đại học là ngành Công tác xã hội, hoặc

+ Ngành tốt nghiệp đại học là các ngành: Công tác thanh thiếu niên, Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật,…nếu các ngành này có chương trình đào tạo đại học khác chương trình đào tạo ngành Công tác xã hội của Trường Đại học Lao động - Xã hội dưới 10% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.

- Thí sinh đã tốt nghiệp hoặc đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp với chuyên ngành Công tác xã hội, phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức tại Trường Đại học Lao động - Xã hội trước thời hạn nộp hồ sơ dự tuyển. Danh mục ngành phù hợp với chuyên ngành Công tác xã hội gồm:

+ Ngành tốt nghiệp đại học là các ngành: Công tác thanh thiếu niên, Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật, hoặc

+ Ngành tốt nghiệp đại học là các ngành: Xã hội học, Tâm lý học, Tâm lý học giáo dục, Truyền thông đại chúng, Quan hệ công chúng, Gia đình học, Quản lý dự án,… nếu các ngành này có chương trình đào tạo đại học khác chương trình đào tạo ngành Công tác xã hội của Trường Đại học Lao động - Xã hội từ 10% đến 40% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.

+ Ngành tốt nghiệp đại học là các ngành khác nhưng đã có chứng chỉ tốt nghiệp lớp đào tạo cán bộ quản lý công tác xã hội cấp cao hoặc tương đương.

(Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp được cập nhật hàng năm)

3.2. Điều kiện năng lực ngoại ngữ

a) Thí sinh dự tuyển phải có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Ứng viên đáp ứng yêu cầu này khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

- Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Bảng sau hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố còn hiệu lực trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự tuyển.

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ/ Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30-45	46-93
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 -6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance francaise diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2

		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2

(b). Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của Trường (nếu có).

3.3. Điều kiện về lý lịch

Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

3.4. Có đủ sức khỏe để học tập.

3.5. Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của trường.

4. Đối tượng và chính sách ưu tiên

4.1. Đối tượng ưu tiên

- Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;
- Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;
- Con liệt sĩ;
- Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;
- Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại mục a nêu trên;
- Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

4.2.Mức ưu tiên

Người dự tuyển thuộc một hoặc nhiều diện ưu tiên được cộng 1 điểm (theo thang điểm 10) hoặc 0,4 điểm (theo thang điểm 4) vào tổng điểm xét tuyển hồ sơ.

5. Phương thức tuyển sinh

Theo đề án tuyển sinh hàng năm của Trường.

6. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ

Căn cứ theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Lao động - Xã hội ban hành ngày 06/01/2022, người học được công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ chuyên ngành Công tác xã hội khi có đủ các điều kiện sau:

(1) Điều kiện để học viên được công nhận tốt nghiệp

a) Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ đề án đạt yêu cầu;

b) Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục của Quy chế này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

c) Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của Trường; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bi kỷ luật, đình chỉ học tập

(2). Nhà trường tổ chức xét và ra quyết định công nhận tốt nghiệp trong thời hạn 02 tháng tính từ ngày học viên bảo vệ thành công đề án; tối đa thêm 03 tháng trong trường hợp phải tổ chức thẩm định luận văn, đề án.

7. Chương trình đào tạo

7.1. Khái quát chương trình

- Tổng số tín chỉ tích lũy: 60 tín chỉ
- Tổng số học phần: 18 học phần

Nhóm các học phần:

Phần 1: Khối các kiến thức chung: 02 học phần

- Triết học: 04 tín chỉ
- Phương pháp nghiên cứu khoa học: 2 tín chỉ

Tổng số: 06 tín chỉ

Phần 2: Kiến thức cơ sở: 04 học phần

- *Các học phần bắt buộc:*

+ Số học phần: 02 học phần

+ Số tín chỉ: 06 tín chỉ

- *Các học phần tự chọn:*

+ Số học phần: 02 học phần

+ Số tín chỉ: 06 tín chỉ

Phần 3: Kiến thức chuyên ngành: 10 học phần

- *Các học phần bắt buộc:*

+ Số học phần: 05 học phần

+ Số tín chỉ: 12 tín chỉ

- *Các học phần tự chọn:*

+ Số học phần: 05 học phần

+ Số tín chỉ: 15 tín chỉ

Phần 4. Thực tập: 06 tín chỉ

Phần 5. Đề án tốt nghiệp: 09 tín chỉ

Bảng 7.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

Stt	Nội dung	Số tín chỉ
1	**Phần 1. Kiến thức chung**	**6**
	Triết học	4
	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
2	**Phần 2. Kiến thức cơ sở**	**12**
	Phần kiến thức chuyên ngành bắt buộc	6
	Phần kiến thức chuyên ngành tự chọn	6
3	**Phần 3. Kiến thức chuyên ngành**	**27**
	Phần kiến thức chuyên sâu bắt buộc	12
	Phần kiến thức chuyên sâu tự chọn	15
4	**Phần 4. Thực tập tốt nghiệp**	**6**
5	**Phần 5. Đề án tốt nghiệp**	**9**
Tổng số		**60**

7.2. Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo

Bảng 7.2 Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành công tác xã hội

Stt	Mã số học phần		Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)		
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Thảo luận
I.	**PHẦN KIẾN THỨC CHUNG**			**6**		
1	TRH	101	Triết học	4	4	
2	PPN	102	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	
II.	**PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ**			**12**		
2.1	***Các học phần bắt buộc***			***6***		
1	CTX	201	Phân tích và hoạch định chính sách xã hội	3	3	
2	CTX	202	Sức khoẻ hành vi trong CTXH	3	3	

Stt	Mã số học phần		Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)		
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Thảo luận
2.2	***Các học phần tự chọn*** *(chọn 2 trong 4 học phần sau)*			***6***		
1	QTN	307	Kỹ năng lãnh đạo và quản lý	3	3	
2	CTX	203	Giới và phát triển bền vững	3	3	
3	CTX	204	Xây dựng và quản lý dự án phát triển cộng đồng	3	3	
4	CTX	205	Hành vi lệch chuẩn xã hội	3	3	
III.	**PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH**			**27**		
3.1	***Các học phần bắt buộc***			***15***		
1	CTX	306	Công tác xã hội với An sinh xã hội	3	3	
2	CTX	307	Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ công tác xã hội	3	3	
3	CTX	309	Nghiên cứu ứng dụng trong Công tác xã hội	2	2	
4	CTX	310	Thực hành công tác xã hội chuyên sâu 1	2	0	2
5	CTX	311	Thực hành công tác xã hội chuyên sâu 2	2	0	2
6	CTX	312	Phúc lợi gia đình và trẻ em	3	3	
3.2	***Các học phần tự chọn*** *(chọn 4 trong 10 học phần sau)*			***12***		
1	CTX	313	Phục hồi chức năng người khuyết tật dựa vào cộng đồng	3	3	
2	CTX	314	Quản lý trường hợp với trẻ em bị xâm hại trong trường học	3	3	
3	CTX	315	Quản lý trường hợp với người tâm thần	3	3	
4	CTX	316	Quản lý trường hợp với trẻ tự kỷ	3	3	
5	CTX	317	Quản lý trường hợp hỗ trợ sinh kế người nghèo	3	3	
6	CTX	318	Tham vấn điều trị nghiện ma tuý	3	3	
7	CTX	319	Tham vấn tâm lý cho trẻ em bị xâm hại	3	3	
8	CTX	320	Tham vấn trong bệnh viện	3	3	
9	CTX	321	Tham vấn cho nạn nhân bị bạo lực gia đình	3	3	
10	CTX	322	Quản lý trường hợp với người nghiện ma tuý	3	3	
IV	**THỰC TẬP (CTX.423)**			**6**		
V.	**ĐỀ ÁN (CTX.524)**			**9**		
TỔNG CỘNG (I+II+III + IV+V+V)				**60**		

8. Kế hoạch đào tạo

	Mã số học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ				Giảng viên giảng dạy		
	Phần chữ	Phần số			I	II	III	IV	Họ và tên, học vị	Chuyên ngành	Đơn vị công tác
I.	**PHẦN KIẾN THỨC CHUNG**			**6**	X						
1	TRH	101	Triết học	4	X				TS. Nguyễn Thị Giáng Hương TS. Đoàn Thị Thu Hà	Triết học Tôn giáo học	Trường ĐH LĐXH
2	PPN	102	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	X				TS. Nguyễn Quang Vĩnh TS. Ngô Anh Cường TS. Mai Thị Hường	QTKD QTKD Tài chính – NH	Trường ĐH LĐXH
II.	**PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ**			**12**							
2.1	**Các học phần bắt buộc**			**6**							
1	CTX	201	Phân tích và hoạch định chính sách xã hội	3	X				TS. Nguyễn Hải Hữu TS. Phạm Hồng Trang	Kinh tế QL Khoa học và Công nghệ	Hội Dạy nghề VN Trường ĐH LĐXH
2	CTX	202	Sức khoẻ hành vi trong CTXH	3		X			TS. Tiêu Thị Minh Hường TS. Nguyễn Thị Hoài An	Tâm lý học Xã hội học	Trường ĐH LĐXH
2.2	***Các học phần tự chọn*** *(chọn 2 trong 4 học phần sau)*			**6**							
1	QTN	307	Kỹ năng lãnh đạo và quản lý	3		X			TS. Nguyễn Thị Hồng PGS.TS. Lê Thanh Hà TS. Phạm Ngọc Thành TS. Doãn Thị Mai Hương	Quản lý kinh tế Kinh tế Lao động Kinh tế Kinh tế	Trường ĐH LĐXH
2	CTX	203	Giới và phát triển bền vững	3	X				TS. Đặng Thị Lan Anh TS. Nguyễn Hồng Linh	Xã hội học Xã hội học	Trường ĐH LĐXH
3	CTX	204	Xây dựng và quản lý dự án phát triển cộng đồng	3	X				TS. Đặng Quang Trung PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Hoa	Xã hội học Xã hội học	Trường ĐH LĐXH Trường KHXHNV

	Mã số học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ				Giảng viên giảng dạy		
	Phần chữ	Phần số			I	II	III	IV	Họ và tên, học vị	Chuyên ngành	Đơn vị công tác
4	CTX	205	Hành vi lệch chuẩn xã hội	3					TS. Đặng Thị Lan Anh TS. Chu Thị Huyền Yến	Xã hội học Xã hội học	Trường ĐH LĐXH
III.	**PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH**			**27**							
3.1	**Các học phần bắt buộc**			**15**							
1	CTX	306	Công tác xã hội với An sinh xã hội	3	X				TS. Nguyễn Thị Hoài An PGS.TS. Nguyễn Thị Thái Lan	Xã hội học Công tác xã hội	Trường ĐH LĐXH Trường KHXHNV
2	CTX	307	Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ công tác xã hội	3		X			TS. Nguyễn Hải Hữu TS. Phạm Hồng Trang	Kinh tế QL Khoa học và Công nghệ	Hội Dạy nghề VN ĐH LĐXH
3	CTX	309	Nghiên cứu ứng dụng trong CTXH	2			X		TS. Đặng Quang Trung TS. Đặng Thị Lan Anh	Xã hội học Xã hội học	Trường ĐH LĐXH
4	CTX	310	Thực hành công tác xã hội chuyên sâu 1	2		X			TS. Lê Thị Thuỷ TS. Nguyễn Thị Hoài An	Công tác xã hội Xã hội học	Trường ĐH LĐXH
5	CTX	311	Thực hành công tác xã hội chuyên sâu 2	2			X		TS. Nguyễn Trung Hải TS. Đặng Quang Trung	Phúc lợi xã hội Xã hội học	Trường ĐH LĐXH
6	CTX	312	Phúc lợi gia đình và trẻ em	3			X		TS. Nguyễn Thị Hoài An PGS.TS. Nguyễn Thị Thái Lan	Xã hội học Công tác xã hội	Trường ĐH LĐXH Trường KHXHNV
3.2	***Các học phần tự chọn*** *(chọn 4 trong 10 học phần sau)*			**12**							
1	CTX	313	Phục hồi chức năng người khuyết tật dựa vào cộng đồng	3			X		TS. Tiêu Thị Minh Hường TS. Hà Thị Thư	Tâm lý học Tâm lý học	Trường ĐH LĐXH Học viện KHXH
2	CTX	314	Quản lý trường hợp với trẻ em bị	3			X		TS. Đặng Quang Trung	Xã hội học	Trường ĐH

	Mã số học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ				Giảng viên giảng dạy		
	Phần chữ	Phần số			I	II	III	IV	Họ và tên, học vị	Chuyên ngành	Đơn vị công tác
			xâm hại trong trường học						TS. Nguyễn Trung Hải	Phúc lợi xã hội	LĐXH
3	CTX	315	Quản lý trường hợp với người tâm thần	3			X		TS. Nguyễn Trung Hải PGS.TS. Nguyễn Hồi Loan	Phúc lợi xã hội Tâm lý học	Trường ĐH LĐXH Trường KHXHNV
4	CTX	316	Quản lý trường hợp với trẻ tự kỷ	3			X		TS. Nguyễn Trung Hải TS. Đặng Quang Trung	Phúc lợi xã hội Xã hội học	Trường ĐH LĐXH
5	CTX	317	Quản lý trường hợp hỗ trợ sinh kế người nghèo	3			X		TS. Nguyễn Hải Hữu TS. Phạm Hồng Trang	Kinh tế QL Khoa học và Công nghệ	Hội Dạy nghề Việt Nam Trường ĐH LĐXH
6	CTX	318	Tham vấn điều trị nghiện ma tuý	3			X		TS. Tiêu Thị Minh Hường TS. Lê Thị Thuỷ	Tâm lý học Xã hội học	Trường ĐH LĐXH
7	CTX	319	Tham vấn tâm lý cho trẻ em bị xâm hại	3			X		TS. Tiêu Thị Minh Hường TS. Nguyễn Thị Hương TS. Nguyễn Hữu Hùng TS. Vũ Thúy Ngọc	Tâm lý học Tâm lý học Tâm lý học Tâm lý học	Trường ĐH LĐXH
8	CTX	320	Tham vấn trong bệnh viện	3			X		TS. Lê Thị Thuỷ TS. Phạm Tiến Nam	Xã hội học Xã hội học	Trường ĐH LĐXH ĐH Y tế công cộng
9	CTX	321	Tham vấn cho nạn nhân bị bạo lực gia đình	3			X		TS. Tiêu Thị Minh Hường TS. Lê Thị Thuỷ	Tâm lý học Xã hội học	Trường ĐH LĐXH
10	CTX	322	Quản lý trường hợp với người nghiện ma tuý	3			X		TS. Nguyễn Trung Hải TS. Đặng Quang Trung	Phúc lợi xã hội Xã hội học	Trường ĐH LĐXH
IV.	**THỰC TẬP (CTX.423)**			**6**				X	TS. Nguyễn Trung Hải TS. Đặng Quang Trung TS. Lê Thị Thuỷ	Phúc lợi xã hội Xã hội học Công tác xã hội	Trường ĐH LĐXH

	Mã số học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ				Giảng viên giảng dạy		
	Phần chữ	Phần số			I	II	III	IV	Họ và tên, học vị	Chuyên ngành	Đơn vị công tác
									TS. Nguyễn Hoài An	Xã hội học	
V.	**ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP (CTX.524)**			**9**				X	TS. Tiêu Thị Minh Hường TS. Nguyễn Trung Hải TS. Đặng Quang Trung TS. Lê Thị Thuỷ TS. Nguyễn Hoài An TS. Nguyễn Thị Hương TS. Nguyễn Hữu Hùng TS. Nguyễn Hồng Linh TS. Chu Thị Huyền Yến TS. Đặng Thị Lan Anh TS. Phạm Hồng Trang	Tâm lý học Phúc lợi xã hội Xã hội học Công tác xã hội Xã hội học Tâm lý học Tâm lý học Xã hội học Xã hội học Xã hội học QL Khoa học và Công nghệ	Trường ĐH LĐXH
TỔNG CỘNG (I+II+III + IV+V)				**60**							

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TRIẾT HỌC
PHILOSOPHY

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ/ĐHLĐXH ngày / /2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

1. **Tên học phần (tiếng Việt):** Triết học; **Mã học phần:** TRH.101
2. **Tên học phần (tiếng Anh): Philosophy**
3. **Số tín chỉ:** 04
4. **Điều kiện tiên quyết:** Không
5. **Giảng viên tham gia giảng dạy**

TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Điện thoại liên hệ	Email
1	TS.Nguyễn Thị Giáng Hương	0912349129	gianghuongnguyen75@yahoo.com.vn
2	TS. Đoàn Thị Thu Hà	0912274257	hadoan5@gmail.com

6. **Mục tiêu của học phần**

- Củng cố tri thức triết học cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực các khoa học xã hội – nhân văn; nâng cao nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.

- Hoàn thiện và nâng cao kiến thức triết học trong chương trình Lý luận chính trị ở bậc đại học nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo các chuyên ngành khoa học xã hội – nhân văn ở trình độ sau đại học.

7. **Mô tả vắn tắt nội dung của học phần**

Chương trình môn Triết học có 8 chương, trong đó gồm: chương mở đầu (*chương 1*: Khái luận về triết học) nhằm giới thiệu tổng quan về triết học và lịch sử triết học; 3 chương bao quát các nội dung cơ bản thuộc về thế giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn (*chương 2*: Bản thể luận, *chương 3:* Phép biện chứng, *chương 4*: Nhận thức luận); 4 chương bao quát các nội dung lý luận triết học về xã hội và con người (*chương 5*: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, *chương 6*: Triết học chính trị, *chương 7:* Ý thức xã hội, *chương 8*: Triết học về con người).

8. **Nhiệm vụ của học viên**

- Thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu của giáo viên.
- Tích cực phát biểu xây dựng bài, tích cực tham gia các bài thảo luận nhóm.
- Thực hiện 01 bài kiểm tra giữa kỳ.
- Hoàn thành bài thi kết thúc học phần.

9. **Tài liệu học tập**

[1] *Giáo trình Triết học (Dùng cho học viên Cao học và Nghiên cứu sinh không*

thuộc chuyên ngành triết học) (2007), Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

[2] Bộ Giáo dục và Đào tạo - *Giáo trình Triết học (Dùng cho học viên Cao học và Nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành triết học) (2006)*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

[3] PGS. TS Phạm Công Nhất – PGS. TS Đoàn Thị Minh Oanh (chủ biên): *Giáo trình Triết học*.

[4] Nguyễn Hữu Vui (2008), *Lịch sử Triết học*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[5] Nguyễn Thế Nghĩa (2007), *Những chuyên đề triết học*, Nxb. Khoa học Xã hội.

[6] Nguyễn Thế Kiệt (2009), *Triết học Mác – Lênin với việc xác định con đường và động lực đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Chính trị Quốc gia.

[7] *Giáo trình triết học Mác-Lênin* (1999), Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội

[8] *Tập bài giảng triết học Mác-Lênin* (2000), Tập I, tập II Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Phân viện Hà Nội, Khoa Triết học, Nxb chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[9] Nguyễn Thế Kiệt (2009), *Triết học Mác – Lênin với việc xác định con đường và động lực đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Chính trị Quốc gia.

[10] *Giáo trình Triết học* (Dùng cho học viên Cao học và Nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành triết học), Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội

[11] Nguyễn Hữu Vui, *Lịch sử Triết học*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

10. Hình thức và phương pháp đánh giá học phần

- Hình thức đánh giá: Thi viết, tự luận

- Phương thức đánh giá học phần

TT	Căn cứ đánh giá	Trọng số
1	Tham gia học tập, thảo luận trên lớp (A)	0,1
2	Bài tập, tiểu luận, kiểm tra (B)	0,3
3	Thi kết thúc học phần (C)	0,6
	ĐMH = A x 0,1 + B x 0,3 + C x 0,6	

11. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân

với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt:

A (8,5 – 9,1); A+ (9,2 – 10): Giỏi

B (7,0 – 7,6); B+ (7,7 – 8,4): Khá

C (5,5 – 6,1); C+ (6,2 – 6,9): Trung bình

+ Loại không đạt:

D (4,0 – 4,6); D+ (4,7 – 5,4): Trung bình yếu

F (dưới 2,0); F+ (2,0 – 3,9): Kém

12. Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian *(giờ)*			Tự học *(giờ)*
			Tổng số	LT	KT	
1	Chương 1. Khái luận của triết học	[1], [2], [3] [5], [6], [8] [9]	11	11		22
2	Chương 2. Bản thể luận	[1], [3], [4] [6], [10], [11]	7	7		14
3	Chương 3. Phép biện chứng	[1], [3], [5] [6], [8]	9	9		18
4	Chương 4. Nhận thức luận	[1], [2], [4] [6], [7]	6	6		12
5	Kiểm tra				1	2
6	Chương 5. Học thuyết hình thái Kinh tế - Xã hội	[1], [3], [6] , [7]	10	10		20
7	Chương 6. Triết học chính trị	[1], [4] [5], [7], [8]	6	6		12
8	Chương 7. Ý thức xã hội	[1] [5], [7]	6	6		12
9	Chương 8. Triết học về con người	[1], [3] [5], [7],	4	4		8
	Tổng số		**60**	**59**	**1**	**120**

B. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. KHÁI LUẬN CỦA TRIẾT HỌC

1.1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học

1.1.1. Triết học và đối tượng của triết học.

- Tính tất yếu và những điều kiện ra đời của triết học.
- Các cách tiếp cận và các quan niệm khác nhau về "triết học" trong lịch sử.
- Quan niệm đương đại về triết học và triết lý.
- Vấn đề đối tượng của triết học.

1.1.2. Vấn đề cơ bản của triết học và chức năng cơ bản của triết học.

- Vấn đề cơ bản của triết học (mối quan hệ giữa tư duy và tồn tại; tinh thần và tự nhiên).

- Chức năng cơ bản của triết học (thế giới quan, phương pháp luận, giá trị luận và các chức năng khác).

1.2. Sự hình thành, phát triển tư tưởng triết học trong lịch sử

1.2.1. Những vấn đề có tính quy luật của sự hình thành, phát triển tư tưởng triết học trong lịch sử.

- Sự hình thành, phát triển của các tư tưởng triết học phụ thuộc vào điều kiện kinh tế xã hội và nhu cầu phát triển của thực tiễn xã hội.

- Sự hình thành, phát triển của các tư tưởng triết học phụ thuộc vào sự phát triển của khoa học tự nhiên và khoa học xã hội.

- Sự hình thành, phát triển của các tư tưởng triết học phụ thuộc vào cuộc đấu tranh giữa hai khuynh hướng triết học cơ bản - chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm.

- Sự hình thành, phát triển của tư tưởng triết học phụ thuộc vào cuộc đấu tranh giữa hai phương pháp nhận thức trong lịch sử - phương pháp biện chứng và phương pháp siêu hình.

- Sự hình thành, phát triển của tư tưởng triết học nhân loại phụ thuộc vào sự kế thừa và phát triển các tư tưởng triết học trong tiến trình lịch sử.

- Sự hình thành, phát triển của tư tưởng triết học phụ thuộc vào sự liên hệ, ảnh hưởng, kế thừa, kết hợp giữa các học thuyết triết học trong mối quan hệ dân tộc và quốc tế.

- Sự hình thành, phát triển của các tư tưởng triết học phụ thuộc vào mối quan hệ với các hình thái tư tưởng chính trị, pháp quyền, đạo đức, tôn giáo, nghệ thuật...

1.2.2. Sự ra đời và phát triển của triết học phương Đông.

- Khái niệm triết học phương Đông và các đặc điểm cơ bản của nó.

- Khái lược sự ra đời và phát triển của triết học phương Đông.

- Những thành tựu cơ bản của triết học phương Đông.

1.2.3. Sự ra đời và phát triển của triết học phương Tây.

- Khái niệm triết học phương Tây.

- Khái lược sự ra đời và phát triển của triết học phương Tây.

- Những thành tựu cơ bản của triết học phương Tây.

1.2.4. Khái lược về sự ra đời và phát triển tư tưởng triết học Việt Nam thời phong kiến.

- Điều kiện lịch sử của sự ra đời và phát triển tư tưởng triết học Việt Nam thời phong kiến.

- Những giá trị của tư tưởng triết học Việt Nam thời phong kiến.

1.3. Triết học Mác - Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội

1.3.1. Triết học Mác – Lênin.

- Khái niệm triết học Mác – Lênin.
- Đối tượng của triết học Mác – Lênin.
- Chức năng nhận thức và thực tiễn của triết học Mác – Lênin.
- Những đặc trưng chủ yếu của triết học Mác-Lênin.

1.3.2. Vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội.

- Triết học Mác – Lênin trong sự phát triển của lịch sử triết học nhân loại.
- Vai trò của triết học Mác – Lênin trong chủ nghĩa Mác – Lênin.
- Vai trò của triết học Mác – Lênin đối với thực tiễn cách mạng Việt Nam.
- Vai trò của triết học Mác – Lênin đối với sự phát triển của khoa học và khoa học xã hội – nhân văn..

1.4. Sự kế thừa, phát triển và vận dụng sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng cộng sản Việt Nam trong thực tiễn cách mạng Việt Nam

- Sự kế thừa, phát triển của Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- Sự vận dụng sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thực tiễn cách mạng Việt Nam.

Chương 2. BẢN THỂ LUẬN

2.1. Khái niệm bản thể luận và nội dung bản thể luận trong lịch sử triết học phương Đông, phương Tây

2.1.1 Khái niệm bản thể luận.

- Nguyên nghĩa của khái niệm bản thể luận.
- Bản thể luận theo nghĩa hẹp và nghĩa rộng.
- Sự đối lập tương đối giữa bản thể luận và nhận thức luận. Sự đối lập tương đối giữa bản thể luận và vũ trụ luận.
- Quan điểm nhất nguyên (duy vật, duy tâm) và quan điểm nhị nguyên trong việc giải quyết vấn đề bản thể luận.
- Vị trí của vấn đề bản thể luận trong triết học và ý nghĩa của nó.

2.1.2. Một số nội dung cơ bản của bản thể luận trong triết học phương Đông (Ấn độ và Trung Hoa cổ - trung đại) và giá trị của nó.

- Bản thể luận trong triết học của Đạo Phật .
- Bản thể luận trong triết học của Âm – Dương gia.
- Bản thể luận trong triết học của Đạo gia.
- Bản thể luận trong triết học của Nho gia.

2.1.3. Một số nội dung cơ bản của bản thể luận triết học phương Tây trong lịch sử đương đại và giá trị của nó.

- Bản thể luận của triết học Hy Lạp cổ đại (trọng tâm: Lý luận về bản thể của

Đêmôcrit, học thuyết về Ý niệm của Platon và học thuyết về 4 nguyên nhân của Aristot).

- Bản thể luận của triết học phương Tây trung đại (trọng tâm: Luận lý về 5 con đường luận chứng của Tôma Đacanh).

- Bản thể luận của triết học nước Anh và Pháp cận đại (trọng tâm: Nhất nguyên luận duy vật của Ph.Bêcơn và Nhị nguyên luận trong siêu hình học của R.Đềcáctơ).

- Bản thể luận duy tâm của triết học Đức cận đại (trọng tâm: Bản thể luận của I. Kant và G.Hêghen.

- Bản thể luận trong triết học phương Tây đương đại (trọng tâm: Lý luận về "tồn tại của vật tồn tại" (being of existence) của Heidegger).

2.2. Nội dung bản thể luận trong triết học Mác-Lênin

2.2.1. Cách tiếp cận giải quyết vấn đề bản thể luận trong triết học Mác – Lênin.

- Những hạn chế của các cách tiếp cận giải quyết vấn đề bản thể luận trong lịch sử triết học trước Mác và nhu cầu xác lập cách tiếp cận mới.

- Cách tiếp cận mới của triết học Mác-Lênin (trọng tâm: Quan điểm của Ph.Ăngghen về cách tiếp cận mới đối với việc giải quyết vấn đề về bản chất, nguồn gốc và tính thống nhất của mọi tồn tại trong thế giới theo lập trường duy vật hiện đại: tính thống nhất của thế giới là ở tính vật chất của nó; phương pháp tiếp cận của V.I Lênin trong việc giải quyết vấn đề bản thể luận triết học và sự thống nhất giữa phương pháp tiếp cận của Lênin với phương pháp tiếp cận của Ăngghen).

2.2.2. Quan niệm của triết học Mác – Lênin về vật chất

- V.I Lênin định nghĩa khái niệm "vật chất" với tư cách là "phạm trù triết học" và các nội dung cơ bản của định nghĩa.

- Sự thống nhất giữa bản thể luận và nhận thức luận trong định nghĩa vật chất của Lênin và ý nghĩa của nó.

- Các hình thức cơ bản của tồn tại vật chất và các phương thức vận động của vật chất.

- Những thành tựu mới trong nghiên cứu về vật chất.

2.2.3. Quan điểm của triết học Mác-Lênin về nguồn gốc và bản chất của ý thức.

- Khái niệm ý thức và nguồn gốc vật chất của ý thức.

- Bản chất phản ánh năng động sáng tạo của ý thức.

- Kết cấu và chức năng của ý thức.

- Những thành tựu nghiên cứu mới về ý thức.

2.2.4. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức trong hoạt động thực tiễn.

- Tính quyết định của vật chất đối với ý thức.

- Vai trò của ý thức đối với vật chất.

2.3. Mối quan hệ khách quan - chủ quan và ý nghĩa đối với sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay

2.3.1. Mối quan hệ khách quan và chủ quan.

- Khái niệm khách quan, chủ quan – Sự đồng nhất và khác biệt giữa hai cặp phạm trù khách quan, chủ quan với vật chất và ý thức.

- Mối quan hệ biện chứng giữa khách quan và chủ quan.

2.3.2. Nguyên tắc kết hợp tôn trọng khách quan với phát huy tính năng động chủ quan trong nhận thức và thực tiễn.

- Nội dung của nguyên tắc.

- Yêu cầu của nguyên tắc.

2.3.3. Vấn đề kết hợp tôn trọng khách quan với phát huy tính năng động chủ quan trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam hiện nay.

- Về phương pháp "nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật…" trong đánh giá tình hình.

- Về bài học "Tôn trọng quy luật khách quan…" trong quá trình đổi mới.

- Về khắc phục bảo thủ, trì trệ và chủ quan, duy ý chí trong đổi mới toàn diện xã hội.

CHƯƠNG 3. PHÉP BIỆN CHỨNG

3.1. Khái quát về sự hình thành, phát triển của phép biện chứng trong lịch sử

- Lịch sử khái niệm "biện chứng" và khái niệm "siêu hình".

- Phép biện chứng "tự phát" (sơ khai) trong nền triết học Trung Quốc Ấn Độ và Hy Lạp cổ đại.

- Phép biện chứng duy tâm trong triết học Cổ điển Đức (Kant, Hêghen).

- Sự hình thành, phát triển của phép biện chứng duy vật trong triết học Mác – Lênin.

3.2. Các nguyên lý và quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật

3.2.1. Hai nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật.

- Nguyên lý mối liên hệ phổ biến.

+ Tính khách quan, phổ biến của mối liên hệ. Phân biệt giữa "liên hệ" và "quan hệ".

+ Tính phong phú nhiều vẻ của các kiểu liên hệ trong tự nhiên và xã hội.

+ Về các mối liên hệ phổ biến của phép biện chứng duy vật.

- Nguyên lý phát triển.

+ Phát triển và vận động; phát triển và tăng trưởng.

+ Nội dung nguyên lý phát triển của phép biện chứng duy vật.

+ Sự phát triển trong xã hội: tiến bộ và thoái bộ lịch sử.

- Ý nghĩa phương pháp luận.

3.2.2. Các quy luật cơ bản và các cặp phạm trù của phép biện chứng duy vật.

- Hệ thống phạm trù và quy luật trong phép biện chứng duy vật.

+ Phép biện chứng duy vật với tính cách sự phản ánh tính biện chứng khách quan của hiện thực. Mối quan hệ giữa biện chứng khách quan và biện chứng chủ quan.

+ Quan niệm về phạm trù trong phép biện chứng duy vật. Phạm trù là hình thức phản ánh phổ biến về hiện thực và nấc thang phát triển của nhận thức.

+ Quan niệm về quy luật trong phép biện chứng duy vật. Quy luật và tính quy luật, phân loại quy luật.

+ Tương quan giữa các phạm trù và các quy luật cơ bản của phép biện chứng. Quan điểm của V.I Lênin về các yếu tố của phép biện chứng duy vật.

+ Phép biện chứng duy vật với tính cách là một hệ thống và sự vận động theo quy luật biện chứng.

- Các quy luật cơ bản của phép biện chứng

Vị trí và nội dung cơ bản của các quy luật:

+ Những thay đổi về lượng dẫn đến thay đổi về chất và ngược lại. Ý nghĩa phương pháp luận.

+ Thống nhất và đấu tranh các mặt đối lập. Ý nghĩa phương pháp luận.

+ Phủ định của phủ định. Ý nghĩa phương pháp luận.

- Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng

Vị trí và nội dung cơ bản của mối quan hệ biện chứng giữa: cái riêng và cái chung, nguyên nhân và kết quả, tất nhiên và ngẫu nhiên, khả năng và hiện thực, nội dung và hình thức, bản chất và hiện tượng. Ý nghĩa phương pháp luận.

3.3. Những nguyên tắc phương pháp luận cơ bản của phép biện chứng duy vật trong nhận thức và thực tiễn

3.3.1. Những nguyên tắc phương pháp luận biện chứng duy vật.

- Nguyên tắc toàn diện trong nhận thức và thực tiễn (nội dung và yêu cầu)

- Nguyên tắc phát triển và phương pháp đi từ trừu tượng đến cụ thể (nội dung và yêu cầu).

- Nguyên tắc lịch sử - cụ thể và phương pháp thống nhất lịch sử - lôgíc (nội dung và yêu cầu).

3.3.2. Sự vận dụng các nguyên tắc phương pháp luận biện chứng duy vật trong quá trình đổi mới ở Việt Nam.

- Phương pháp luận biện chứng duy vật với việc giải quyết các vấn đề về phát triển kinh tế, chính trị và văn hóa – xã hội.

- Phương pháp luận biện chứng duy vật với việc khái quát lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

- Phương pháp luận biện chứng duy vật với hoạt động nghiên cứu khoa học xã

hội và nhân văn.

CHƯƠNG 4. NHẬN THỨC LUẬN

4.1. Các quan niệm chính trong lịch sử triết học về nhận thức

+ Các khái niệm "nhận thức", "ý thức", "tư duy", "tư tưởng" và "lý luận nhận thức"; "lý luận nhận thức duy vật" và "lý luận nhận thức duy tâm".

+ Chủ thể, khách thể và đối tượng của nhận thức.

+ Đối tượng của nhận thức.

+ Nguồn gốc, bản chất của nhận thức.

+ Mục đích, nội dung của nhận thức.

+ Về khả năng của nhận thức: chủ nghĩa khả tri, chủ nghĩa hoài nghi, chủ nghĩa bất khả tri.

+ Sự đa dạng và thống nhất các kiểu tri thức.

4.2. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng

4.2.1. Các nguyên tắc và đối tượng của lý luận nhận thức duy vật biện chứng.

+ Các nguyên tắc xây dựng lý luận nhận thức duy vật biện chứng.

+ Phản ánh tích cực, sáng tạo hiện thực khách quan - nguyên tắc nền tảng của nhận thức.

+ Đối tượng của lý luận nhận thức duy vật biện chứng.

4.2.2. Các giai đoạn cơ bản của quá trình nhận thức.

+ Sự phản ánh trực quan về hiện thực: đặc điểm; các hình thức của nhận thức cảm tính (cảm giác, tri giác, biểu tượng); vai trò của chúng trong nhận thức.

+ Tư duy trừu tượng: đặc điểm; các hình thức cơ bản của tư duy trừu tượng (khái niệm, phán đoán, suy luận, chứng minh), vai trò của chúng trong nhận thức.

+ Mối quan hệ, sự chuyển hoá từ nhận thức cảm tính đến nhận thức lý tính. Lôgic của nhận thức. Sự thống nhất giữa quan niệm "đi từ trừu tượng đến cụ thể" (của C.Mác) và quan niệm "đi từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng" (của V. I. Lênin).

4.2.3. Biện chứng của quá trình nhận thức

+ Mâu thuẫn biện chứng và sự giải quyết mâu thuẫn trong quá trình phát triển của nhận thức.

+ Lượng - chất và sự chuyển hoá giữa lượng và chất trong quá trình phát triển của nhận thức.

+ Phủ định biện chứng và sự phủ định biện chứng trong quá trình phát triển của nhận thức.

4.2.4. Quan điểm biện chứng duy vật về chân lý

+ Khái niệm chân lý; sự đối lập giữa chân lý và sai lầm; tiêu chuẩn của chân lý.

+ Tính tương đối và tính tuyệt đối của chân lý; chân lý tương đối và chân lý tuyệt

đối.

+ Tính cụ thể của chân lý.

4.3. Phương pháp đặc thù của nhận thức xã hội

- Tính đặc thù của nhận thức xã hội.

- Những phạm trù cơ bản của nhận thức xã hội (hệ tư tưởng; các khoa học xã hội, các khoa học - nhân văn...).

- Vai trò của nhận thức xã hội.

- Định hướng phát triển khoa học xã hội - nhân văn.

+ Các trình độ phát triển của nhận thức khoa học: quan sát và thí nghiệm, dữ kiện và trừu tượng khoa học, mô tả và giải thích, giả thuyết và lý thuyết, dự báo khoa học.

+ Các đặc điểm của nhận thức khoa học xã hội và nhân văn.

+ Những nguyên tắc cơ bản của nhận thức khoa học xã hội và nhân văn.

4.4. Nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay

a) Nội dung của nguyên tắc.

- Một số quan niệm trong lịch sử triết học về mối quan hệ lý luận và thực tiễn.

- Các khái niệm cơ bản: Lý luận, lý luận khoa học xã hội, lý luận Mác – Lênin; khái niệm thực tiễn, thực tiễn với tính cách là hiện thực trực tiếp của tư tưởng, là mắt khâu quan trọng của quá trình nhận thức.

- Mối quan hệ biện chứng giữa lý luận và thực tiễn.

+ Vai trò của thực tiễn đối với nhận thức lý luận.

+ Vai trò của lý luận đối với thực tiễn.

+ Tư tưởng Hồ Chí Minh về sự thống nhất lý luận và thực tiễn; giữa lý thuyết với thực hành, giữa lý thuyết, lý luận và thực tế.

- Ý nghĩa phương pháp luận.

b) Vận dụng nguyên tắc thống nhất lý luận và thực tiễn trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.

- Sự tụt hậu và tách rời giữa thực tiễn và lý luận - hậu quả và nguyên nhân.

- Những phương hướng cơ bản nhằm vận dụng đúng nguyên tắc thống nhất lý luận và thực tiễn.

+ Đối với hoạt động lý luận (các nhà khoa học, các cơ quan hoạch định chính sách của Đảng và Nhà nước): lý luận phải luôn bám sát thực tiễn, nắm bắt được yêu cầu của thực tiễn, khái quát được những kinh nghiệm của thực tiễn; khắc phục bệnh giáo điều.

+ Đối với hoạt động thực tiễn (các chủ thể vận dụng lý luận – đường lối chính sách): hoạt động thực tiễn phải có sự chỉ đạo của lý luận, vận dụng lý luận phải phù hợp với hoàn cảnh lịch sử - cụ thể; khắc phục bệnh kinh nghiệm chủ nghĩa.

+ Vấn đề tổng kết thực tiễn và phát triển lý luận của sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.

CHƯƠNG 5. HỌC THUYẾT HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI

5.1. Các phương pháp tiếp cận khác nhau về xã hội và sự vận động, phát triển của lịch sử nhân loại

- Phương pháp tiếp cận của chủ nghĩa duy tâm, tôn giáo và những hạn chế của nó.

- Phương pháp tiếp cận của lý thuyết về sự tiến triển các nền văn minh trong triết học phương Tây đương đại – giá trị và hạn chế của nó.

- Phương pháp tiếp cận của triết học Mác-Lênin và bản chất khoa học, cách mạng của nó.

5.2. Những nội dung khoa học và cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội

a) Sản xuất vật chất là nền tảng của sự vận động, phát triển xã hội

- Khái niệm xã hội và khái quát quá trình phát triển của xã hội.

- Vai trò của sản xuất vật chất.

+ Sự sản xuất xã hội và ba quá trình sản xuất của xã hội.

+ Vai trò của sản xuất vật chất đối với đời sống xã hội.

+ Ý nghĩa phương pháp luận.

- Vai trò của phương thức sản xuất.

+ Khái niệm phương thức sản xuất và tính thống nhất giữa phương thức tổ chức kinh tế với phương thức kỹ thuật – công nghệ của quá trình sản xuất.

+ Vai trò quyết định của phương thức sản xuất đối với trình độ phát triển của nền sản xuất vật chất của xã hội.

+ Khuynh hướng phát triển khách quan của các phương thức sản xuất trong lịch sử nhân loại – nhân tố quyết định sự phát triển của các nền văn minh và tiến bộ xã hội.

+ Ý nghĩa phương pháp luận chung.

b) Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất

- Khái niệm lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất (các mặt, các yếu tố cấu thành, vai trò, đặc điểm trong xã hội công nghiệp và trong nền kinh tế thị trường hiện đại).

- Mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong quá trình vận động, phát triển của phương thức sản xuất. Ý nghĩa phương pháp luận.

- Ý nghĩa phương pháp luận chung.

c) Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội

- Khái niệm cơ sở hạ tầng, kiến trúc thượng tầng (kết cấu cơ bản và vai trò của các yếu tố).

- Mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng trong quá

trình vận động, phát triển của xã hội. Biện chứng giữa kinh tế và chính trị.

- Ý nghĩa phương pháp luận chung.

d) Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử tự nhiên.

- Kết cấu cơ bản của hình thái kinh tế - xã hội.

- Tính quy luật khách quan của quá trình vận động, phát triển xã hội.

- Vai trò của các nhân tố chủ quan đối với tiến trình vận động, phát triển xã hội.

- Về khả năng và các điều kiện "bỏ qua" một số hình thái kinh tế-xã hội trong tiến trình phát triển của lịch sử xã hội.

- Những giá trị khoa học bền vững và ý nghĩa cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế-xã hội.

5.3. Giá trị khoa học và cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội đối với sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay

a) Vấn đề lựa chọn con đường phát triển của xã hội Việt Nam

- Các quan điểm khác nhau về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

- Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về con đường phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Tính tất yếu, khả năng và những điều kiện (khách quan, chủ quan) của sự lựa chọn con đường định hướng phát triển đất nước theo mục tiêu xã hội chủ nghĩa.

- Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và thực chất của sự "phát triển rút ngắn" con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

- Mục tiêu tổng quát và những định hướng lớn của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam (theo Cương lĩnh bổ sung và phát triển năm 2011 và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 – 2020: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; phát triển kinh tế; xây dựng văn hóa, phát triển giáo dục, đào tạo, khoa học và công nghệ; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; xây dựng Đảng ngang tầm với nhiệm vụ; kết hợp hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, …)

b) Vấn đề phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

- Xác định vị trí của chiến lược phát triển kinh tế trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

- Các nội dung cơ bản của mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Các nhiệm vụ cơ bản của phát triển kinh tế ở Việt Nam trong giai đoạn 2011 – 2020.

CHƯƠNG 6. TRIẾT HỌC CHÍNH TRỊ

6.1. Các quan niệm về chính trị trong lịch sử triết học

a) Quan niệm của triết học ngoài mácxit về chính trị

- Quan niệm về chính trị trong lịch sử triết học trước Mác.

+ Quan niệm về chính trị trong triết học Ấn Độ cổ, trung đại.

+ Quan niệm về chính trị trong triết học Trung Quốc cổ, trung đại.

+ Quan niệm về chính trị trong triết học Hy Lạp, La Mã cổ đại.

+ Quan niệm về chính trị trong triết học phương Tây thời trung, cận đại.

- Các quan niệm của triết học đương đại về chính trị.

+ Các lý thuyết đương đại về chính trị.

+ Về triết học chính trị và chính trị học (nghĩa rộng và nghĩa hẹp).

b) Quan điểm của triết học Mác - Lênin về chính trị.

+ Các tiền đề hình thành quan niệm về chính trị trong triết học Mác.

+ Định nghĩa về chính trị của Lênin.

+ Các đặc trưng cơ bản của chính trị (bản chất, quyền lực và sự tha hóa quyền lực, động lực,…).

c) Quan niệm đương đại về hệ thống chính trị.

- Sự phát triển từ quan điểm Mác-Lênin về chuyên chính vô sản đến quan niệm đương đại về hệ thống chính trị.

+ Quan niệm Mác - Lênin về chuyên chính vô sản (định nghĩa, bản chất, nội dung…).

+ Hệ thống chính trị - cấu trúc chính trị phổ biến trong xã hội hiện đại (định nghĩa hệ thống chính trị; kết cấu; các đặc trưng của hệ thống chính trị).

- Hệ thống chính trị của xã hội tư bản và hệ thống chính trị của xã hội xã hội chủ nghĩa.

6.2. Các phương diện cơ bản về chính trị trong đời sống xã hội

a) Vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp

- Các quan điểm triết học ngoài Mácxit về giai cấp và đấu tranh giai cấp.

- Nguồn gốc và bản chất giai cấp.

- Đấu tranh giai cấp trong lịch sử (tính tất yếu, nội dung, hình thức, vai trò)

- Cách mạng xã hội – hình thức phát triển cao nhất của đấu tranh giai cấp.

- Đặc thù của vấn đề giai cấp ở Việt Nam.

b) Dân tộc và vấn đề quan hệ giai cấp - dân tộc - nhân loại

- Dân tộc - Hình thức cộng đồng người cao nhất và phổ biến nhất trong lịch sử.

- Quan hệ giai cấp - dân tộc - nhân loại.

- Đặc thù của vấn đề dân tộc ở Việt Nam.

c) Nhà nước - Tổ chức đặc biệt của quyền lực chính trị

- Các quan điểm triết học ngoài mácxit về nhà nước.

- Nguồn gốc, bản chất nhà nước.

- Đặc trưng, chức năng của nhà nước.

- Các kiểu và hình thức nhà nước.

- Nhà nước TBCN và Nhà nước XHCN.

- Đặc thù của Nhà nước Việt Nam trong lịch sử và hiện đại.

6.3. Vấn đề đổi mới chính trị ở Việt Nam hiện nay

a) Vấn đề phát huy dân chủ ở Việt Nam hiện nay

- Quan niệm về dân chủ (trong triết học phi mácxít và triết học Mác-Lênin).

- Những phát triển mới trong nhận thức về dân chủ của Đảng Cộng sản Việt Nam (từ chế độ làm chủ tập thể đến dân chủ XHCN).

- Thực chất của phát huy dân chủ XHCN. Mục tiêu, nội dung và các điều kiện để phát huy dân chủ XHCN ở Việt Nam hiện nay.

b) Vấn đề đổi mới hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay

- Nhận thức mới của Đảng ta về hệ thống chính trị XHCN (Từ hệ thống chuyên chính vô sản đến hệ thống chính trị XHCN) – Kết cấu; vai trò.

- Quan niệm về đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay - Thực chất, mục tiêu, nội dung cơ bản.

c) Vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay

- Tư tưởng về nhà nước pháp quyền là thành quả của nền văn minh nhân loại. Các cách tiếp cận; những đặc trưng cơ bản.

- Quan điểm về nhà nước pháp quyền XHCN và xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam là kết quả của một quá trình nhận thức và khảo nghiệm trong thực tiễn đổi mới của Đảng ta.

- Quan niệm của Đảng ta về nhà nước pháp quyền XHCN – những đặc trưng cơ bản - Kết quả kế thừa và phát triển quan điểm của Chủ nghĩa Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, phù hợp với thực tiễn.

- Phương hướng xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân ở Việt Nam.

d) Ý nghĩa của đổi mới chính trị đối với việc nghiên cứu, phát triển khoa học xã hội và nhân văn.

- Vai trò của phát huy dân chủ đối với sự phát triển khoa học xã hội và nhân văn.

- Vai trò của đổi mới hệ thống chính trị đối với việc đổi mới tổ chức, hoạt động khoa học xã hội và nhân văn.

- Vai trò của vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN đối với việc phát huy vai trò của KHXHNV trong sự nghiệp đổi mới ở nước ta hiện nay.

CHƯƠNG 7. Ý THỨC XÃ HỘI

7.1. Khái niệm tồn tại xã hội, ý thức xã hội

a) Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản hợp thành tồn tại xã hội

- Khái niệm tồn tại xã hội.

- Các yếu tố cơ bản hợp thành tồn tại xã hội và vai trò quyết định của phương

thức sản xuất trong tồn tại xã hội.

b) Khái niệm ý thức xã hội và kết cấu cơ bản của ý thức xã hội

- Khái niệm ý thức xã hội.
- Kết cấu cơ bản của ý thức xã hội (hai trình độ phản ánh của ý thức xã hội và các hình thái cơ bản của ý thức xã hội).

7.2. Vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức *xã hội*

a) Vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội

- Tồn tại xã hội quyết định sự ra đời, bản chất của ý thức xã hội.
- Tồn tại xã hội quyết định nội dung của ý thức xã hội.
- Tồn tại xã hội quyết định tính chất của ý thức xã hội.
- Tồn tại xã hội quyết định sự biến đổi của ý thức xã hội.
- Phương thức sản xuất vật chất quyết định phương thức sản xuất đời sống tinh thần của xã hội.

b) Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội và vai trò của ý thức xã hội đối với tồn tại xã hội

- Nội dung tính độc lập tương đối của ý thức xã hội.
- Vai trò của ý thức xã hội đối với tồn tại xã hội.

7.3. Xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay

a) Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và tính tất yếu của việc xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay

- Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.
- Tính tất yếu của việc xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay.

b) Một số vấn đề cơ bản của việc xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay.

- Kết hợp giữa truyền thống và hiện đại trong việc xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay.
- Phát huy tinh thần khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp đổi mới.
- Kế thừa và phát huy các giá trị tinh hoa trong lịch sử tư tưởng Việt Nam.
- Tiếp thu và phát huy các giá trị tư tưởng tiến bộ của nhân loại
- Khắc phục những hạn chế và tác động tiêu cực của tư tưởng, tâm lý tiểu nông trong sự nghiệp công nghiệp hóa và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ đổi mới hiện nay.

CHƯƠNG 8. TRIẾT HỌC VỀ CON NGƯỜI

8.1. Khái lược các quan điểm triết học về con người trong lịch sử

a) Triết học phương Đông

- Về nguồn gốc con người theo quan điểm duy tâm, duy vật mộc mạc, tôn giáo.

- Về bản chất con người trong triết lý Đạo giáo, Phật giáo, Nho giáo...

b) Triết học phương Tây trước Mác

- *Thời kỳ tiền triết học*: Tư tưởng duy tâm, thần bí; tư tưởng duy vật về con người.

- *Thời kỳ cổ đại:* Quan điểm duy vật chất phác, mộc mạc trong triết học tự nhiên, phái nguyên tử luận ...Quan điểm duy tâm về con người trong tư tưởng triết học của Pitago, Xôcrát, Platôn, Aritxtốt ...

- *Thời kỳ trung cổ*: Quan niệm con người theo quan điểm duy tâm của giáo lý Kitô, Ôguýtxtanh, Tômát Đacanh...

- *Thời kỳ Phục hưng - Cận đại:* Tư tưởng triết học duy vật về con người của Bêcơn, Đềcác, Điđrô, Henvêtyúyt...

- *Triết học cổ điển Đức:* Tư tưởng triết học về con người trong triết học Hêghen, Phoiơbắc.

c) Quan niệm về con người trong một số trào lưu triết học ngoài mác-xít đương đại

Quan niệm về con người trong Triết học nhân bản, Triết học hiện sinh, Chủ nghĩa thực chứng mới, Thuyết nhân bản trong tôn giáo hiện đại, Chủ nghĩa Phrớt và chủ nghĩa Phrớt mới – Những hạn chế và giá trị lịch sử của nó.

8.2. Quan điểm triết học Mác – Lênin về con người

a) Khái niệm con người

- Quan niệm con người là thực thể sinh học xã hội.

- Hai mặt, hai yếu tố cơ bản cấu thành con người.

- Về vai trò của con người là chủ thể hoạt động thực tiễn.

- Các quan niệm và cấp độ khác nhau trong tiếp cận về con người: Cá thể, cá nhân, nhân cách…

b) Các phương diện tiếp cận nguồn gốc, bản chất con người

- *Sự hình thành, phát triển con người là một quá trình gắn liền với lịch sử sản xuất vật chất.* Lao động là điều kiện chủ yếu quyết định sự hình thành, phát triển của con người. Sáng tạo là thuộc tính tối cao của con người.

- *Con người là một chỉnh thể thống nhất giữa mặt sinh học và mặt xã hội.* Các yếu tố và mối quan hệ giữa mặt sinh học và mặt xã hội; cơ chế di truyền và hoạt động xã hội của con người.

- *Con người tồn tại, phát triển trong môi trường cư trú xã hội- hành tinh- vũ trụ* và mang những thuộc tính tự nhiên - sinh học – xã hội.

- *Con người là một thực thể cá nhân - xã hội.* Con người vừa là một chỉnh thể

đơn nhất, vừa mang những phẩm chất của hệ thống các quan hệ xã hội.

- *Sự thống nhất biện chứng giữa con người giai cấp và con người nhân loại.* Bản chất xã hội, địa vị kinh tế xã hội và điều kiện sinh hoạt vật chất quy định sự đồng nhất và sự khác biệt giữa tính giai cấp và tính nhân loại của con người.

- *Con người thống nhất biện chứng giữa tất yếu và tự do.* Hoạt động của con người là sự thống nhất biện chứng giữa tự phát và tự giác, giữa tất yếu và tự do.

c) Hiện tượng tha hoá của con người và vấn đề giải phóng con người

- *Hiện tượng tha hoá của con người.*

+ Quan niệm về tha hoá, nguồn gốc của tha hoá, khắc phục sự tha hoá.

+ Triết học Mác – Lênin với tính cách là lý luận triết học về khắc phục sự tha hoá của con người.

- *Vấn đề giải phóng con người trong Triết học Mác-Lênin.*

Thực chất của triết học Mác – Lênin là học thuyết giải phóng con người, vì sự phát triển toàn diện của con người.

8.3. Vấn đề con người trong tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh

- Quan niệm về con người.
- Về mục tiêu giải phóng con người.
- Về vai trò động lực của con người trong Cách mạng Việt Nam.

8.4. Vấn đề phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay

a) Quan niệm triết học về nhân tố con người

- Khái niệm nhân tố con người; những đặc trưng xã hội quy định vai trò chủ thể tích cực, tự giác, sáng tạo của con người.
- Quan niệm về phát huy nhân tố con người.
- Nhân tố con người trong quan hệ với nhân tố xã hội, nguồn lực con người, nguồn nhân lực, nguồn nhân lực chất lượng cao, phát triển con người…

b) Phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp đổi mới ở nước ta hiện nay

- Sự nghiệp đổi mới đặt con người vào vị trí trung tâm - vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển.
- Vấn đề chiến lược con người ở Việt Nam hiện nay.
- Những động lực cơ bản phát huy nhân tố con người trong đổi mới đất nước hiện nay.

+ Lợi ích với tính cách là một động lực tích cực hoá nhân tố con người. Vấn đề giải quyết hài hòa các mối quan hệ lợi ích, thực hiện công bằng xã hội trong sự nghiệp đổi mới hiện nay.

+ Dân chủ với tính cách là một động lực tích cực hoá nhân tố con người. Vấn đề dân chủ hoá mọi mặt đời sống xã hội trong sự nghiệp đổi mới hiện nay.

+ Trí tuệ - động lực bên trong của tính tích cực, tự giác, sáng tạo con người. Giáo dục – Đào tạo với vấn đề phát triển trí tuệ và nền tảng thể chất của con người Việt Nam hiện nay.

13. Hướng dẫn thực hiện

- Giảng viên cần chuẩn bị slide bài giảng, câu hỏi thảo luận, giới thiệu nguồn tham khảo thực tế.
- Nên sử dụng phương pháp thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.
- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
RESEARCH METHODOLOGY

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLĐXH ngày / /2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

1. **Tên học phần (tiếng Việt):** Phương pháp nghiên cứu khoa học;
   Mã học phần: PPN 102
2. **Tên học phần (tiếng Anh):** Research Methodology
3. **Số tín chỉ:** 02
4. **Điều kiện tiên quyết:** Không
5. **Giảng viên tham gia giảng dạy**

TT	Họ và tên, chức danh, học vị	Điện thoại liên hệ	Email
1	TS. Nguyễn Quang Vĩnh	0978418866	Quangvinh191081@gmail.com
2	TS. Ngô Anh Cường	0986530345	cuong_tmc@yahoo.com
3	TS. Mai Thị Hường	0983135086	mthuongins@gmail.com

6. **Mục tiêu của học phần**

Học phần này được thiết kế nhằm giúp cho học viên nắm vững kiến thức cơ bản nhất về nghiên cứu khoa học và phương pháp nghiên cứu khoa học, bước đầu thực hiện được một nghiên cứu khoa học. Đồng thời, học phần còn trang bị cho sinh viên những kiến thức cần thiết để tiếp thu tốt các môn học có liên quan và có thể tự nâng cao trình độ về nghiên cứu khoa học sử dụng trong nghề nghiệp.

- *Kiến thức:*

+ Mô tả được các bước thực hiện thành công một đề tài khoa học.

+ Trình bày được tổng quan tài liệu, câu hỏi nghiên cứu, mục tiêu, đối tượng phạm vi nghiên cứu.

+ Trình bày được cách thức thu thập số liệu sơ cấp, thứ cấp để phục vụ đề tài.

+ Xác định được qui trình nghiên cứu, mô hình nghiên cứu và các biến trong nghiên cứu.

+ Biết thiết kế thang đo và sử dụng công cụ và phương pháp phân tích và xử lý dữ liệu phù hợp với từng nội dung nghiên cứu.

+ Hiểu được các bước xây dựng một đề cương nghiên cứu và cách thức trình bày một luận văn thạc sĩ hoặc đề tài nghiên cứu khoa học.

- *Kỹ năng:*

+ Phát triển kỹ năng nghiên cứu các vấn đề kinh tế và xã hội.

+ Phát triển kỹ năng tổng hợp, phân tích và ra quyết định.

+ Áp dụng các kiến thức thống kê để hình thành các phương pháp tính toán

+ Thiết lập câu hỏi điều tra và Kỹ năng khảo sát và thu thập dữ liệu

+ Kỹ năng viết báo cáo nghiên cứu và thuyết trình trước đám đông

- *Thái độ:*

+ Nâng cao ý thức tự giác, trung thực và độc lập trong nghiên cứu, có sự tự tin trong việc tìm hiểu và giải quyết các vấn đề.

+ Có tinh thần trách nhiệm với tổ chức, cộng đồng, xã hội. Tôn trọng pháp luật, qui định của tổ chức nơi mình học và làm việc, chấp hành chủ trương, chính sách của nhà nước.

+ Chấp hành nội qui, qui định, kỷ luật lao động nơi công sở, hiểu và tôn trọng, giữ gìn văn hóa tổ chức, có tác phong công nghiệp.

7. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn. Thông qua môn học, học viên sẽ nắm được các nguyên lý cơ bản trong phương pháp nghiên cứu, biết được mục đích của nghiên cứu cũng như cách thức tiến hành nghiên cứu. Học viên sẽ nắm được các bước trong một quy trình nghiên cứu, từ việc xác định vấn đề nghiên cứu, đặt câu hỏi nghiên cứu, lập kế hoạch nghiên cứu cho tới tiến hành thu thập và xử lý dữ liệu, viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu. Học phần cũng sẽ cung cấp cho người học các công cụ và phương pháp phân tích và sử lý dữ liệu như: SPSS, PLS-SEM, AMOS, Fuzzy AHP…Bên cạnh giờ giảng lý thuyết, học viên sẽ thực hiện đề án nghiên cứu để làm quen với việc tiến hành một nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế và xã hội.

8. Nhiệm vụ của học viên

- Đọc trước các tài liệu do giảng viên cung cấp.
- Tập trung nghe giảng và tham gia thuyết trình, thảo luận theo sự hướng dẫn của giảng viên.
- Thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu của giảng viên đối với bài tập thực hành theo nhóm và bài tập cá nhân.
- Cài đặt các phần mềm vào máy tính cá nhân phục vụ phân tích dữ liệu: SPSS, PLS-SEM…
- Hoàn thành một bài kiểm tra giữa kỳ.

9. Tài liệu học tập

- *Tài liệu bắt buộc:*

[1]. Bài giảng Phương pháp nghiên cứu, Khoa Quản trị Kinh doanh, Trường Đại học Lao động - Xã hội.

[2]. Nguyễn Đình Thọ, Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh. Nhà xuất bản Tài chính

- *Tài liệu tham khảo:*

[3]. Dahlia K. Remler, Gregg G. Van Ryzin, *Research Methods in Practice Strategies for Description and Causation*, NXB SAGE Publications, Inc, 2014.

[4] by Robert Cavana, Brian L. Delahaye, Uma Sekaran, *Applied Business Research*, John Wiley & Sons Inc (August 20, 2001)

[5] Lai Wen Shiang, Nguyen Quang Vinh, An Application of AHP Approach to Investigate Tourism Promotional Effectiveness, Tourism and Hospitality Management, Vol.19 (1), pp. 1-22 (2013)

[6] Nguyen Quang Vinh (2017) Ứng dụng phương pháp AHP mờ (FAHP) trong xếp hạng thứ tự các yếu tố chủ yếu dẫn đến thành công trong khởi nghiệp

[7] Lai Wen Shiang, Nguyen Quang Vinh, A Study of Analyzing the Selection of Promotion Activities and Destination attributes in Tourism Industry in Vietnam (2012)

10. Hình thức và phương thức đánh giá học phần

- Hình thức đánh giá: Thi viết

- Phương thức đánh giá học phần

TT	Căn cứ đánh giá	Trọng số
1	Tham gia học tập, thảo luận trên lớp (A)	0,1
2	Bài tập, tiểu luận, kiểm tra (B)	0,3
3	Thi kết thúc học phần (C)	0,6
	ĐMH = A x 0,1 + B x 0,3 + C x 0,6	

11. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt:

A (8,5 – 9,1); A+ (9,2 – 10): Giỏi
B (7,0 – 7,6); B+ (7,7 – 8,4): Khá
C (5,5 – 6,1); C+ (6,2 – 6,9): Trung bình
+ Loại không đạt:
D (4,0 – 4,6); D+ (4,7 – 5,4): Trung bình yếu
F (dưới 2,0); F+ (2,0 – 3,9): Kém

12. Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian *(giờ)*			Tự học *(giờ)*
			Tổng số	LT	KT	
1	Chương 1. Tổng quan về nghiên cứu khoa học	[1], [2], [3].	3	3		6
2	Chương 2. Cơ sở lý luận và phát triển khung nghiên cứu	[1], [2], [3], [4]	3	3	1	8

TT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian *(giờ)*			Tự học *(giờ)*
			Tổng số	LT	KT	
3	Chương 3. Nghiên cứu định tính	[1], [2], [7]	4	4		8
4	Chương 4. Nghiên cứu định lượng	[1], [2], [4]	4	4		8
5	Chương 5. Xử lý và phân tích số liệu	[1], [2], [4]	5	5		10
6	Chương 6. Một số Phương pháp phân tích định lượng	[4], [5], [6]	5	5	1	12
7	Chương 7 Viết và trình bày nghiên cứu	[1], [2], [4]	4	4		8
	Tổng số		**30**	**28**	**2**	**60**

Ghi chú: LT: Lý thuyết; ThH: Thực hành; TL: Thảo luận; KT: Kiểm tra

B. Nội dung chi tiết

Chương I Tổng quan về nghiên cứu khoa học

1.1 Các khái niệm Nghiên cứu khoa học

1.1.1 Phương pháp nghiên cứu khoa học

1.2 Phân loại nghiên cứu khoa học

1.2.1 Nghiên cứu ứng dụng và nghiên cứu cơ bản

1.2.2 Nghiên cứu diễn dịch và quy nạp

1.2.3 Nghiên cứu định tính và định lượng

1.2.4 Nghiên cứu thực chứng, nghiên cứu giải thích và nghiên cứu phê phán

1.3 Xác định và mô tả vấn đề nghiên cứu

1.3.1 Xác định vấn đề nghiên cứu

1.3.2 Xác định mục tiêu nghiên cứu và câu hỏi nghiên cứu

1.3.3 Lựa chọn và đặt tên đề tài

1.4 Trình tự của nghiên cứu khoa học

Chương II Cơ sở lý luận và phát triển khung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận (tổng quan nghiên cứu)

2.1.2 Khái niệm

2.2.1 Tài liệu và trích dẫn tài liệu

2.2. Phát triển khung lý thuyết và xây dựng giả thuyết nghiên cứu

2.2.1 Khung lý thuyết

2.2.2 Giả thuyết nghiên cứu

Chương III Nghiên cứu định tính

3.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của nghiên cứu định tính

3.1.1. Khái niệm
3.1.2. Đặc điểm nghiên cứu định tính
3.1.3. Vai trò của nghiên cứu định tính

3.2. Công cụ nghiên cứu định tính

3.2.1. Phỏng vấn
3.2.2. Thảo luận nhóm
3.2.3. Phương pháp quan sát

3.3. Chọn mẫu cho nghiên cứu định tính

3.3.1. Lựa chọn thực địa
3.3.2. Lựa chọn đối tượng

3.4. Phân tích và sử lý thông tin trong nghiên cứu định tính

3.4.1. Các kỹ thuật phân tích dữ liệu định tính
3.4.2. Thời điểm và quy trình tiến hành phân tích
3.4.3. Sử dụng các phần mềm hỗ trợ

3.5. Một số phương pháp nghiên cứu định tính

3.5.1. Phương pháp Hệ thống ra quyết định (Decision systerm analysis -DSA)
3.5.2. Phương pháp câu chuyện kể của khách hàng (Consumer story telling – CST)
3.5.3. Phương pháp Phân tích so sánh định tính (Qualitative Comparative Analysis - QCA)

Chương IV Nghiên cứu định lượng

4.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của nghiên cứu định lượng

4.1.1. Khái niệm nghiên cứu định lượng
4.1.2. Đặc điểm nghiên cứu định lượng
4.1.3. Vai trò nghiên cứu định lượng

4.2. Phương pháp chọn mẫu

4.2.1. Tổng thể và mẫu
4.2.2. Tổng điều tra và điều tra mẫu
4.2.3. Khung chọn mẫu
4.2.4. Một số phương pháp lấy mẫu
4.2.5. Kích thước mẫu

4.3. Các công cụ thu thập số liệu

4.3.1. Thiết kế Bảng khảo sát
4.3.2. Các loại thang đo
4.3.3. Cấu trúc của bảng hỏi

Chương V Xử lý và phân tích số liệu

5.1. Thống kê mô tả

5.1.1. Các giá trị đặc trưng của một mẫu
5.1.2. Một số loại thống kê mô tả

5.2. Thống kê so sánh

5.2.1. Kiểm định T (T-test)

5.2.2. Kiểm định ANOVA

5.3. Thông kê suy luận

5.3.1. Phân tích độ tin cậy

5.3.2. Phân tích nhân tố khám phá

5.3.3. Phân tích hệ số tương quan

5.3.4. Phân tích hồi quy

Chương VI Một số Phương pháp phân tích định lượng trong kinh doanh

6.1. Phương pháp cấu trúc tuyến tính (structure equaltion modeling – SEM)

6.1.1. Các khái niệm

6.1.2. Các bước phân tích

6.1.3. Các chỉ số phân tích sự phù hợp của mô hình và diễn giải kết quả

6.2. Phương pháp PLS-SEM

6.2.1. Các khái niệm

6.2.2. Các bước phân tích

6.2.3. Các chỉ số phân tích sự phù hợp của mô hình và diễn giải kết quả

6.3. Phương pháp cấu trúc phân tầng (Analytical hierarchy process - AHP)

6.3.1. Các khái niệm

6.3.2. Các bước phân tích

6.3.3. Các chỉ số phân tích sự phù hợp của mô hình và diễn giải kết quả

6.4. Phương pháp Fuzzy – AHP, Fuzzy TOPIS, Fuzzy Logic

6.4.1. Các khái niệm

6.4.2. Các bước phân tích

6.4.3. Diễn giải kết quả

Chương VII Viết và trình bày kết quả nghiên cứu

7.1. Đề cương nghiên cứu (đề xuất nghiên cứu)

7.2. Kế hoạch nghiên cứu

7.3. Trình bày nội dung nghiên cứu

7.4. Thuyết trình nghiên cứu

7.5. Một số lưu ý khi đăng bài tạp chí

13. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Giảng viên cần chuẩn bị, slide bài giảng, câu hỏi thảo luận, giới thiệu nguồn tham khảo thực tế, phần mềm SPSS, PLS-SEM.

- Nên sử dụng phương pháp thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.

- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
PHÂN TÍCH VÀ HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
ANALYZING AND PLANNING SOCIAL POLICY

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLĐXH ngày / /2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

1. Tên học phần: Phân tích và hoạch định chính sách xã hội; **Mã học phần:** CTX 201

2. Tên học phần (tiếng Anh): Analyzing and planing social policy

3. Số tín chỉ: 03

4. Điều kiện tiên quyết: Không

5. Giảng viên tham gia giảng dạy

TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Điện thoại liên hệ	Email
1	TS. Nguyễn Hải Hữu	0913219815	haihuuhn@gmail.com
2	TS. Phạm Hồng Trang	0979082686	hongtrangctxh@gmail.com

6. Mục tiêu của học phần

- *Về kiến thức:* Người học cần nắm được Học phần nhằm trang bị kiến thức chuyên sâu, có tính lý luận và thực tiễn về quá trình hoạch định và phân tích chính sách xã hội, từ đó giúp học viên hiểu được quá trình này và có khả năng phân tích chính sách, hoạch định chính sách, đưa ra những đề xuất cho quá trình hoạch định, thực thi các chính sách xã hội cụ thể ở Việt Nam.

- *Về kỹ năng:* Người học sẽ hiểu và vận dụng được các kỹ năng liên quan tới việc phân tích và hoạch định các chính sách xã hội với các nhóm đối tượng đặc thù

- *Về thái độ:* Người học sẽ hiểu và vận dụng được những thái độ nghiêm túc và tư duy phân tích logic trong việc đánh giá hoạch định chính sách

7. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Học phần này phân tích về quá trình hoạch định chính sách và những nhiệm vụ chủ yếu của hoạt động phân tích chính sách. Học phần đề cập đến các nội dung như cơ sở của hoạch định chính sách, quy trình hoạch định chính sách, yêu cầu của phân tích chính sách, các điều kiện để tiến hành phân tích chính sách và các giai đoạn phân tích chính sách. Việc hoạch định và phân tích chính sách sẽ được thực hành trên một số chính sách xã hội cụ thể ở Việt Nam.

8. Nhiệm vụ của học viên

- Thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu của giáo viên.
- Tích cực phát biểu xây dựng bài, tích cực tham gia các bài thảo luận nhóm.
- Thực hiện 01 bài kiểm tra giữa kỳ (hết 2/3 nội dung chương trình).
- Hoàn thành bài thi kết thúc học phần.

9. Tài liệu học tập

- *Tài liệu bắt buộc:*

[1] Chính sách xã hội và quá trình toàn cầu hoá, Bruno Palier, Louis -Charles viossat, NXBCTQG, 2003.

[2] Chính sách xã hội và đổi mới cơ chế quản lý việc thực hiện. PGS.PTS Trần Đình Hoan. NXB Chính trị Quốc gia. Hà Nội, 1996.

[3] Chính sách kinh tế - xã hội, TS Đoàn Thị Thu Hà, TS. Nguyễn Thị Ngọc Huyền, NXBKHKT, 1999.

- *Tài liệu tham khảo*

[4] Đổi mới chính sách xã hội – Luận cứ và giải pháp. GS.TS Phạm Xuân Nam (chủ biên). NXB Chính trị Quốc gia. Hà Nội, 1997.

[5] Giáo trình chính sách xã hội. PGS.TS Nguyễn Tiệp (chủ biên). NXB Lao động – Xã hội, 2011.

[6] Introducing social policy, Cliff Alcock, 2000; Pearson Education Limited Edinbugh Gate Harlow, Essex CM20 2 JE England.

[7] Social policy, John Baldock, Oxford University Press.

[8] Understanding social policy, Michalel Hill; 6th edition 2000, Blackwell Publishers Ltd, 108 Cowley Road, Oxford OX4 IJF, UK.

10. Hình thức và Phương pháp đánh giá học phần

- Hình thức đánh giá: Thi viết

- Phương thức đánh giá học phần:

TT	Căn cứ đánh giá	Trọng số
1	Tham gia học tập, thảo luận trên lớp (A)	0,1
2	Bài tập, tiểu luận, kiểm tra (B)	0,3
3	Thi kết thúc học phần (C)	0,6
ĐMH = A x 0,1 + B x 0,3 + C x 0,6		

11. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt:

A (8,5 – 9,1); A+ (9,2 – 10): Giỏi

B (7,0 – 7,6); B+ (7,7 – 8,4): Khá

C (5,5 – 6,1); C+ (6,2 – 6,9): Trung bình

+ Loại không đạt:

D (4,0 – 4,6); D+ (4,7 – 5,4): Trung bình yếu

F (dưới 2,0); F+ (2,0 – 3,9): Kém

12. Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian (giờ)			
			Tổng số	Lý thuyết	KT	Tự học
1	Chương 1. Các vấn đề lý luận cơ bản về CSXH	[1], [2], [3], [5]	10	10		20
2	Chương 2. Hoạch định chính sách xã hội	[1], [5], [6]	20	19	1	40
3	Chương 3. Phân tích chính sách xã hội	[3], [4], [7]	15	15		30
	Tổng		**45**	**44**	**1**	**90**

B. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. CÁC VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

1.1. Khái quát chung về chính sách xã hội

1.1.1. Khái niệm chính sách xã hội

1.1.2. Chức năng của chính sách xã hội

1.1.2.1. Chức năng định hướng sự vận động xã hội

1.1.2.2. Chức năng điều chỉnh các vấn đề xã hội

1.1.2.3. Chức năng phát triển con người

1.1.2.4. Chức năng thúc đẩy sự phát triển

1.1.3. Yêu cầu đối với chính sách xã hội

1.1.3.1. Tính chính trị

1.1.3.2. Tính khoa học

1.1.3.3. Tính thực tiễn

1.1.3.4. Tính hệ thống

1.1.3.5. Tính đồng bộ

1.1.3.6. Tính hài hòa

1.1.4. Quy trình của chính sách xã hội

1.1.4.1. Hoạch định chính sách

1.1.4.2. Tổ chức thực hiện chính sách

1.1.4.3. Chỉ đạo, phối kết hợp

1.1.4.4. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách

1.1.4.5. Điều chỉnh chính sách

1.1.5. Chính sách xã hội trong các mối quan hệ

1.1.5.1. Quan hệ với chính sách kinh tế

1.1.5.2. Quan hệ với công bằng xã hội

1.1.5.3. Quan hệ với công tác xã hội

1.2. Hệ thống chính sách xã hội ở Việt Nam hiện nay

1.3. Tình hình công tác hoạch định và phân tích chính sách trên thế giới và Việt Nam

1.3.1. Tình hình công tác hoạch định và phân tích chính sách trên thế giới

1.3.2. Tình hình công tác hoạch định và phân tích chính sách ở Việt Nam

CHƯƠNG 2. HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

2.1. Khái niệm, vai trò của hoạch định CSXH

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Vai trò của hoạch định chính sách xã hội

2.2. Cơ sở của hoạch định CSXH

2.2.1. Căn cứ khoa học nhân văn

2.2.2. Tính hệ thống

2.2.3. Định hướng của Đảng, chính sách của Nhà nước

2.2.4. Điều kiện kinh tế hiện tại của quốc gia

2.2.5. Tính lịch sử trong hoạch định chính sách xã hội

2.3. Quá trình hoạch định CSXH

2.3.1. Xác định và lựa chọn vấn đề xã hội

2.3.2. Xác định mục tiêu

2.3.3. Xây dựng các phương án chính sách xã hội

2.3.4. Lựa chọn phương án tối ưu

2.3.5. Thông qua và quyết định chính sách

CHƯƠNG 3. PHÂN TÍCH CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

3.1. Khái niệm, vai trò của phân tích CSXH

3.2. Các điều kiện cần thiết cho phân tích CSXH

3.2.1. Đội ngũ nhà phân tích chính sách

3.2.2. Kiến thức cần thiết

3.2.3. Thông tin sử dụng trong phân tích

3.3. Các bước phân tích CSXH

3.3.1. Nhận biết vấn đề

3.3.2. Tìm nguyên nhân vấn đề

3.3.3. Đặt mục tiêu và giải pháp

3.3.4. Xây dựng đề án khả thi

3.4. Một số công cụ phân tích chính sách xã hội

3.4.1. Phương pháp RIA

3.4.2. Phương pháp phân tích các chỉ số đánh giá

3.4.3. Phương pháp phân tích lợi ích – chi phí CBA

3.4.4. Phương pháp phân tích mô hình so sánh chuẩn

13. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Giảng viên cần chuẩn bị slide bài giảng, câu hỏi thảo luận, giới thiệu nguồn tham khảo thực tế.
- Nên sử dụng phương pháp thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.
- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
SỨC KHỎE HÀNH VI TRONG CÔNG TÁC XÃ HỘI
INTEGRATED BEHAVIORAL HEALTH IN SOCIAL WORK

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLĐXH ngày / /2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

1. **Tên học phần:** Sức khỏe hành vi trong Công tác xã hội **Mã học phần:** CTX 202
2. **Tên học phần (tiếng Anh):** Integrated Behavioral Health in Social work
3. **Số tín chỉ:** 3
4. **Điều kiện tiên quyết: Không**
5. **Giảng viên tham gia giảng dạy**

TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Điện thoại liên hệ	Email
1	TS. Tiêu Thị Minh Hường	0975126800	huongulsa0372@gmail.com
2	TS. Nguyễn Thị Hoài An	0912338618	hoaianctxh34@gmail.com

6. **Mục tiêu của học phần**

- *Về kiến thức:* Học phần nhằm trang bị kiến thức chuyên sâu, có tính lý luận và thực tiễn về tích hợp sức khỏe hành vi .

- *Về kỹ năng:* Học viên có khả năng phân tích vai trò, tầm quan trọng và mối liên hệ và kết nối được giữa công tác xã hội và tích hợp sức khỏe hành vi, thực hành nghiên cứu và phân tích các hoạt động can thiệp của công tác xã hội trong tích hợp sức khỏe hành vi trong các môi trường khác nhau .

- *Về thái độ:* Học viên từ việc hiểu về mối quan hệ giữa công tác xã hội với tích hợp sức khỏe hành vi, có khả năng phân tích được sự liên quan sẽ hình thành thái độ hợp tác trong việc triển khai tổ chức thực hiện các can thiệp công tác xã hội phù hợp trong tích hợp sức khỏe hành vi để đóng góp cho sự nghiệp bảo vệ sức khỏe cũng như đảm bảo công bằng trong tiếp cận các dịch vụ y tế, xã hội ở Việt Nam.

7. **Mô tả vắn tắt nội dung của học phần**

Học phần giúp học viên nắm được kiến thức tổng quan sức khỏe hành vi. Học phần đề cập đến các khái niệm sức khỏe hành vi, và các khái niệm liên quan, các mô hình can thiệp sức khỏe hành vi ở các nước cũng như ở Việt Nam. Học phần cung cấp cho học viên các kiến thức khái niệm, mục đích vai trò của nhân viên công tác xã hội trong can thiệp tích hợp sức khỏe hành vi, một số vấn đề đạo đức đối với vai trò của nhân viên CTXH trong can thiệp sức khoẻ hành vi. Đồng thời cũng cung cấp kiến thức về tiến trình can thiệp của CTXH trong sức khỏe hành vi và cập nhật những xu hướng mới trong can thiệp tích hợp sức khỏe hành vi.

8. **Nhiệm vụ của học viên**

- Thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu của giáo viên
- Tích cực phát biểu xây dựng bài, tích cực tham gia các bài thảo luận nhóm
- Thực hiện 01 bài kiểm tra giữa kỳ (hết 2/3 nội dung chương trình)

- Hoàn thành bài thi kết thúc học phần

9. Tài liệu học tập

- Tài liệu bắt buộc:

[1] Đại học lao động Xã hội, Đại học Arizonal , (2021). " Sức khỏe hành vi tích hợp cho nhân viên CTXH trong bệnh viện và các cơ sở y tế tại Việt Nam, Mô hình can thiệp tích hợp.

[2] Hunter, C.L., Goodie, J.L., Oordt, M.S., & Dobmeyer, A.C. (2009). *Integrated Behavioral Health in Primary Care: Step by Step Guidance for Assessment and Intervention.* Washington, DC: American Psychological Association.

- Tài liệu tham khảo:

[3] Rishel, C. (2015). Establishing a prevention-focused integrative approach to social work practice. Families and Society,

[4] Stanhope, V., Videka, L., Thorning, H., & McKay, M. (2015). Moving toward integrated health: An opportunity for social work. Social Work in Health Care Lisa de Saxe Zerden MSW, PhD, Brianna M. Lombardi MSW, PhD & Anne Jones MSW, PhD, Social workers in integrated health care:

[5] Zerden, L. D., Lombardi, B. M., Fraser, M., Jones, A., & Garcia Rico, Y. (2018). Social work: Integral to interprofessional education and integrated practice. Journal of Interprofessional Education and Practice

[6] Zerden, L. D. S., Jones, A., Brigham, R., Kanfer, M., & Zomorodi, M. (2017).

[7] Infusing integrated behavioral health in an MSW program: Curricula, field, and interprofessional educational activities. Journal of Social Work Education

10. Hinh thức và Phương pháp đánh giá học phần

- Hình thức đánh giá: Thi viết

- Phương thức đánh giá học phần:

TT	Căn cứ đánh giá	Trọng số
1	Tham gia học tập, thảo luận trên lớp (A)	0,1
2	Bài tập, tiểu luận, kiểm tra (B)	0,3
3	Thi kết thúc học phần (C)	0,6
ĐMH = A x 0,1 + B x 0,3 + C x 0,6		

11. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

- Loại đạt:

A (8,5 – 9,1); A+ (9,2 – 10): Giỏi
B (7,0 – 7,6); B+ (7,7 – 8,4): Khá
C (5,5 – 6,1); C+ (6,2 – 6,9): Trung bình

+ Loại không đạt:
D (4,0 – 4,6); D+ (4,7 – 5,4): Trung bình yếu
F (dưới 2,0); F+ (2,0 – 3,9): Kém

12. Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Nội dung		Phân bổ thời gian (giờ)			
		Tài liệu	Tổng số	Lý thuyết	KT	Tự học
1	Chương 1. Những vấn đề chung về sức khoẻ hành vi	[1] [2], [5],	8	8		16
2	Chương 2. Vai trò của nhân viên công tác xã hội trong các mô hình can thiệp về sức khoẻ hành vi	[1], [2], [6]	16	15	1	32
3	Chương 3. Các can thiệp của nhân viên CTXH về sức khoẻ hành vi	[1], [2], [4]	21	21		42
	Tổng		**45**	**44**	**1**	**90**

B. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ SỨC KHỎE HÀNH VI

1.1. Khái niệm sức khoẻ hành vi và một số khái niệm liên quan

1.1.1. Khái niệm sức khoẻ hành vi

1.1.2. Một số khái niệm liên quan

1.2. Mục đích, ý nghĩa của sức khoẻ hành vi trong CTXH

1.2.1. Mục đích

1.2.2. Ý nghĩa

1.3. Các mô hình can thiệp về sức khoẻ hành vi

CHƯƠNG 2. VAI TRÒ CỦA NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG CÁC MÔ HÌNH CAN THIỆP VỀ SỨC KHỎE HÀNH VI

2.1. Thực trạng vai trò của nhân viên CTXH trong can thiệp sức khoẻ hành vi trên Thế giới và tại Việt Nam

2.2. Vai trò của nhân viên CTXH trong nhóm chuyên môn can thiệp về sức khoẻ hành vi

2.3. Một số vấn đề đạo đức đối với vai trò của nhân viên CTXH trong can thiệp sức khoẻ hành vi

CHƯƠNG 3. TIẾN TRÌNH HỖ TRỢ, CAN THIỆP CỦA NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI VỀ SỨC KHỎE HÀNH VI

3.1. Sàng lọc ban đầu

3.2. Đánh giá chi tiết

3.3. Lập kế hoạch hỗ trợ và trị liệu

3.4. Thực hiện kế hoạch với sự tham gia của đối tượng

3.4.1. Các kỹ thuật và chiến lược can thiệp

3.4.2. Làm việc, với nhóm chuyên môn

3.5. Kết thúc và theo dõi

13. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Giảng viên cần chuẩn bị slide bài giảng, câu hỏi thảo luận, giới thiệu nguồn tham khảo thực tế.
- Nên sử dụng phương pháp thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.
- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
KỸ NĂNG LÃNH ĐẠO VÀ QUẢN LÝ
LEADERSHIP AND MANAGEMENT SKILLS

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHLĐXH ngày / /2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

1. Tên học phần (Tiếng Việt): Kỹ năng lãnh đạo và quản lý **Mã học phần:** QTN 307

2. Tên học phần (Tiếng Anh): Leadership and Management Skills

3. Số tín chỉ: 3

4. Điều kiện tiên quyết: Không

5. Giảng viên tham gia giảng dạy:

TT	Họ và tên, chức danh, học vị	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Thị Hồng	0912.657.838	honghrm@gmail.com
2	PGS.TS. Lê Thanh Hà	0942.162.962	halt@ulsa.edu.vn
3	TS. Phạm Ngọc Thành	0936.757.589	phamngocthanhulsa@gmail.com
4	TS. Doãn Thị Mai Hương	0904.864.518	huongdoanthimai@yahoo.com

6. Mục tiêu của học phần

Sau khi học xong học phần này:

- *Về kiến thức:* Học viên sẽ hiểu rõ bản chất, sự khác biệt, mỗi liên hệ và vai trò của quản lý và lãnh đạo - chức năng và người thực hiện; Nắm vững các kỹ năng cần có để thực hiện tốt các chức năng quản lý đặc biệt là chức năng lãnh đạo; Hiểu rõ các lưu ý cần thiết khi thực hiện các kỹ năng quản lý, lãnh đạo.
- *Về kỹ năng:* Học viên có thể phân tích và giải quyết các tình huống xảy ra trong quá trình lãnh đạo, quản lý. Khéo léo trong lựa chọn, bố trí sử dụng nhân lực và tạo ảnh hưởng đến nhân viên, Biết lựa chọn phong cách lãnh đạo phù hợp theo từng tình huống. Quản lý và lãnh đạo một cách khoa học và nghệ thuật để đạt được mục tiêu quản lý thông qua nỗ lực của nhân viên và vận hành các quy trình quản lý.
- *Về thái độ:* Nhận thức rõ về quyền uy và tầm quan trọng của chữ tín, việc xây dựng tài khoản tình cảm đối với cấp dưới, cấp trên, đối tác. Nhận thức rõ tầm ảnh hưởng của lãnh đạo, quản lý đến hiệu quả hoạt động của nhân viên, của tổ chức. Chủ động hướng tới tính chuyên nghiệp trong phong cách lãnh đạo, quản lý.

7. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Học phần Kỹ năng lãnh đạo và quản lý là học phần cơ sở, áp dụng chung trong chương trình đào tạo bậc thạc sĩ các ngành học. Học phần này nghiên cứu mối quan hệ giữa chủ thể lãnh đạo, quản lý và đối tượng lãnh đạo, quản lý nhằm tìm ra quy luật, tính quy luật và những nguyên tắc, quy trình, phương pháp hình thành và phát triển kỹ năng lãnh đạo, quản lý.

8. Nhiệm vụ của học viên

- Tự nghiên cứu tài liệu học tập trước khi đến lớp
- Tham gia học tập và tìm hiểu thực tế học phần theo một nhóm học chính thức thuộc lớp học phần (có bài tập nhóm nộp cuối kỳ).
- Tham gia nghe giảng và thực hiện các nhiệm vụ học tập do giảng viên giao.
- Thực hiện 01 bài kiểm tra giữa kỳ
- Hoàn thành bài thi kết thúc học phần

9. Tài liệu học tập

[1]. John C.Maxwell (2011). Phát triển kỹ năng lãnh đạo. NXB Lao động – Xã hội.

. [2] Nguyễn Thị Anh Trâm (2019), Bài giảng Kỹ năng quản lý và lãnh đạo, Đại học Lao động - Xã hội (lưu hành nội bộ).

[3] Nguyễn Thị Hồng (2020), Quản lý thực hiện công việc, NXB Lao động - Xã hội.

10. Hình thức và phương thức đánh giá học phần:

- Hình thức: trắc nghiệm + tự luận (được sử dụng tài liệu)
- Phương thức đánh giá học phần

STT	Căn cứ đánh giá	Trọng số
1	Tham gia học tập, thảo luận trên lớp (A)	0,1
2	Bài tập, tiểu luận, kiểm tra (B)	0,3
3	Thi kết thúc học phần (C)	0,6
	ĐMH = A x 0,1 + B x 0,3 + C x 0,6	

11. Thang điểm:

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân
- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt:

A (8,5 – 9,1); A+ (9,2 – 10): Giỏi

B (7,0 – 7,6); B+ (7,7 – 8,4): Khá

C (5,5 – 6,1); C+ (6,2 – 6,9): Trung bình

D (4,0 – 4,6); D+ (4,7 – 5,4): Trung bình yếu

+ Loại không đạt:

F (dưới 2,0); F+ (2,0 – 3,9): Kém

12. Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian *(giờ)*			Tự học *(giờ)*
			Tổng số	LT	KT	
1	Chương 1. Khái quát chung về Kỹ năng lãnh đạo và quản lý	[1], [2]	8	8		15
2	Chương 2: Phong cách lãnh đạo & lãnh đạo theo tình huống	[1], [2], [3]	14	14		25
3	Chương 3: Tạo ảnh hưởng	[1], [2], [3]	12	12		30
4	Chương 4: Giải quyết vấn đề và ra quyết định	[1], [2]	11	10	1	20
	Tổng số		**45**	**44**	**1**	**90**

Ghi chú: LT: Lý thuyết; ThH: Thực hành; TL: Thảo luận; KT: Kiểm tra

B. Nội dung chi tiết

CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ KỸ NĂNG LÃNH ĐẠO VÀ QUẢN LÝ

1.1. Bản chất, vai trò và các chức năng cơ bản của quản lý

1.1.1. Bản chất, mục tiêu, chủ thể và đối tượng của quản lý

1.1.2. Các chức năng cơ bản của quản lý

1.1.3. Vai trò của quản lý

1.2. Bản chất, vai trò của lãnh đạo và các cấp lãnh đạo

1.2.1. Bản chất, chủ thể, đối tượng của lãnh đạo

1.2.2. Vai trò của lãnh đạo

1.2.3. Các cấp lãnh đạo

1.3. Sự khác biệt, mối liên hệ và xu hướng lãnh đạo quản lý

1.3.1. Sự khác biệt giữa lãnh đạo vào quản lý

1.3.2. Mối liên hệ giữa lãnh đạo và quản lý

1.3.3. Xu hướng lãnh đạo và quản lý

1.4. Kỹ năng lãnh đạo và quản lý

1.4.1. Bản chất và sự cần thiết của kỹ năng lãnh đạo và quản lý

1.4.2. Các kỹ năng lãnh đạo và quản lý

1.5. Đối tượng, nội dung, phương pháp nghiên cứu học phần

1.5.1. Đối tượng nghiên cứu

1.5.2. Nội dung nghiên cứu

1.5.3. Phương pháp nghiên cứu

1.5.4. Mối quan hệ của học phần kỹ năng lãnh đạo và quản lý với các học phần khác

CHƯƠNG 2: PHONG CÁCH LÃNH ĐẠO & LÃNH ĐẠO THEO TÌNH HUỐNG

2.1. Hoạch định chiến lược, định hướng và hỗ trợ thiết lập mục tiêu công việc

2.1.1. Định hướng chiến lược

2.1.2. Mục tiêu & Tiêu chí đánh giá thực hiện công việc

2.1.3. Nguyên tắc SMART trong thiết lập mục tiêu

2.1.4. Phương pháp thiết lập mục tiêu

2.1.5. Hỗ trợ nhân viên thiết lập mục tiêu công việc

2.2. Kỹ năng lập kế hoạch, quản lý thời gian

2.2.1, Kỹ năng quản lý thời gian

2.2.2. Kỹ năng lập kế hoạch

2.3. Giao tiếp và phong cách giao tiếp của lãnh đạo

2.3.1. Kỹ năng giao tiếp trong lãnh đạo và quản lý

2.3.2. Ba phong cách giao tiếp cơ bản của các nhà lãnh đạo

2.4. Kỹ năng giao việc và lãnh đạo theo tình huống

2.4.1. Kỹ năng giao việc

2.4.2. Lãnh đạo theo tình huống

CHƯƠNG 3: KỸ NĂNG TẠO ẢNH HƯỞNG

3.1. Vai trò của quyền uy, tài khoản tình cảm đối với người lãnh đạo

3.1.1. Bản chất và nguồn gốc của quyền uy

3.1.2. Tài khoản tình cảm và cách thức làm gia tăng tài khoản tình cảm

3.2. Hướng dẫn công việc – Huấn luyện nhân viên

3.2.1. Bản chất, vai trò và sự cần thiết hướng dẫn công việc

3.2.2. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình hướng dẫn/huấn luyện nhân viên

3.2.3. Những yêu cầu đối với hướng dẫn/huấn luyện nhân viên

3.3. Kỹ năng khích lệ động viên và góp ý sửa lỗi

3.3.1. Khích lệ động viên

3.3.2. Góp ý sửa lỗi

3.4. Kỹ năng tuyên truyền và thuyết phục

3.4.1. Tuyên truyền

3.3.2. Thuyết phục

CHƯƠNG 4: GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ RA QUYẾT ĐỊNH

4.1. Kỹ năng điều hành

4.1.1. Tổ chức làm việc nhóm

4.1.2. Điều hành họp

4.2. Kỹ năng giải quyết vấn đề

4.2.1. Phân tích vấn đề

4.2.2. Thu thập thông tin

4.2.3. Giải quyết vấn đề

4.3. Kỹ năng giải quyết xung đột

4.3.1. Bản chất, phân loại xung đột

4.3.2. Nguyên lý và yêu cầu trong giải quyết xung đột

4.3.3. Giải quyết xung đột

4.4. Kỹ năng ra quyết định

4.1. Phân loại quyết định trong lãnh đạo và quản lý

4.2. Nguyên lý và yêu cầu đối với ra quyết định

4.3. Căn cứ ra quyết định

4.4. Quy trình ra quyết định

13. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Giảng viên cần chuẩn bị slide bài giảng, câu hỏi hướng dẫn học tập cho học viên, giới thiệu nguồn tham khảo. Sử dụng phương pháp thuyết trình, giảng giải kết hợp tổ chức trải nghiệm, thử sai, sửa sai - nhập vai thực hành các kỹ năng.

- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
GIỚI VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
GENDER AND SUSTAINABLE DEVELOPMENT

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLĐXH ngày / /2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

1. **Tên học phần (tiếng Việt):** Giới và phát triển bền vững; **Mã học phần:** CTX 203
2. **Tên học phần (tiếng Anh):** Gender and sustainable development
3. **Số tín chỉ:** 03
4. **Điều kiện tiên quyết:** Không
5. **Giảng viên tham gia giảng dạy**

TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Điện thoại liên hệ	Email
1	TS. Đặng Thị Lan Anh	0912171971	lananh91176@gmail.com
2	TS. Nguyễn Hồng Linh	0989088977	nguyenhonglinhulsa@gmail.com

6. Mục tiêu của học phần

- *Kiến thức*: Cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết giới, cách tiếp cận Giới và phát triển bền vững, bình đẳng giới trong thực tiễn đời sống xã hội, lồng ghép giới trong xây dựng quy phạm pháp luật và xây dựng dự án phát triển bền vững.

- *Thái độ*: Giảm định kiến và phân biệt đối xử theo giới, tôn trọng giá trị và bản sắc giới. Chấp nhận sự khác biệt sinh học về giới tính và thực hiện công bằng giới.

- *Kỹ năng*: Thực hiện được các bước lồng ghép giới trong xây dựng quy phạm pháp luật và dự án phát triển bền vững.

7. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Môn học này trước hết cung cấp các kiến thức lý luận cơ bản trong tiếp cận nghiên cứu các vấn đề của giới và phát triển và bền vững. Tiếp đó là những phân tích khoa học về giới trong mối quan hệ với phát triển bền vững được nghiên cứu trọng tâm và dưới nhiều khía cạnh khác nhau của đời sống xã hội. Cuối cùng môn học này đề cập đến việc vận dụng các phương pháp khoa học trong việc lồng ghép giới đối với các chương trình, chính sách và dự án.

8. Nhiệm vụ của học viên

- Thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu của giáo viên
- Thực hiện 01 bài kiểm tra giữa kỳ (hết 2/3 nội dung chương trình)
- Hoàn thành bài thi kết thúc học phần.

9. Tài liệu học tập

- *Tài liệu bắt buộc:*

[1] PGS.TS Nguyễn Thị Thuận (chủ biên), giáo trình Giới và Phát triển, NXB lao động xã hội, Hà Nội, 2009

[2] GS.TS Lê Thị Quý (chủ biên), giáo trình Xã hội học giới, NXB Giáo dục Việt Nam, 2009

[3] PGS.TS Hoàng Bá Thịnh (chủ biên), giáo trình Xã hội học về giới, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2008

- *Tài liệu tham khảo:*

[4] Lê Ngọc Hùng – Nguyễn Thị Mỹ Lộc (đồng chủ biên), Xã hội học về giới và phát triển, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2000

[5] Thái Thị Ngọc Dư, Giới, nạn nghèo khó và phát triển bền vững, NXB Đại học Mở bán công TP Hồ Chí Minh, 2000

[6] Nguyễn Thị Hải (chủ biên), giáo trình Phụ nữ và việc làm, NXB Đại học Mở bán công thành phố Hồ Chí Minh, 2002.

[7] Các tạp chí và các báo có liên quan như: Tạp chí Gia đình và Phụ nữ, tạp chí Xã hội học, tạp chí Nguồn nhân lực, báo Phụ nữ Việt Nam, báo Gia đình và Xã hội….

10. Hình thức và phương thức đánh giá học phần

- Hình thức đánh giá: Thi viết

- Phương thức đánh giá học phần:

TT	Căn cứ đánh giá	Trọng số
1	Tham gia học tập, thảo luận trên lớp (A)	0,1
2	Bài tập, tiểu luận, kiểm tra (B)	0,3
3	Thi kết thúc học phần (C)	0,6
ĐMH = A x 0,1 + B x 0,3 + C x 0,6		

11. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt:

A (8,5 – 9,1); A+ (9,2 – 10): Giỏi

B (7,0 – 7,6); B+ (7,7 – 8,4): Khá

C (5,5 – 6,1); C+ (6,2 – 6,9): Trung bình

+ Loại không đạt:

D (4,0 – 4,6); D+ (4,7 – 5,4): Trung bình yếu

F (dưới 2,0); F+ (2,0 – 3,9): Kém

12. Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian (giờ)			
			Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra	Tự học
1	Chương 1: Một số vấn đề cơ bản về giới và phát triển bền vững	[2], [3], [6]; [7]	10	10		20
2	Chương 2. Giới trong sự phát triển bền vững	[1], [2], [3]	16	16		32
3	Chương 3. Lồng ghép Giới trong một số lĩnh vực	[4], [5]	19	18	1	38
	Tổng		**45**	**44**	**1**	**90**

B. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ GIỚI VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1.1. Một số lý thuyết tiếp cận Giới

1.1.1. Quan điểm Giới của chủ nghĩa MácLeNin

1.1.2. Quan điểm Giới của Nho giáo

1.1.3. Quan điểm Giới của trường phái nữ quyền

1.2. Một số lý thuyết tiếp cận phát triển bền vững

1.2.1. Thuyết hiện đại hóa

1.2.2. Thuyết lệ thuộc

1.2.3. Thuyết một mô hình phát triển khác

1.2.4. Thuyết phát triển theo hướng bảo vệ môi sinh

1.2.5. Thuyết phát triển từ dưới lên

1.3. Mối quan hệ giữa giới và phát triển bền vững

1.3.1. Tái sản xuất sức lao động có chất lượng

1.3.2. Tham gia lao động sản xuất

1.3.3. Mở rộng các hoạt động cộng đồng

Phát triển các môi trường sinh thái

CHƯƠNG 2. GIỚI TRONG SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

2.1. Giới và quản lý

2.1.1. Quan niệm về quản lý

2.1.2. Phụ nữ tham gia quản lý lãnh đạo

2.1.3. Những khía cạnh bình đẳng giới về tham gia chính trị ở Việt Nam trong phát triển bền vững

2.2. Giới và giáo dục

2.2.1.Giáo dục và vai trò của giáo dục đối với phát triển bền vững

2.2.2. Vai trò của phụ nữ trong giáo dục

2.2.3.bất bình dẳng giới trong giáo dục

2.2.4. Quan điểm về mục tiêu bình đẳng giới trong giáo dục

2.3. Giới và sức khỏe

2.3.1. Khái niệm sức khỏe

2.3.2. Cách tiếp cận về sức khỏe và bệnh tật

2.3.3. Giới với vai trò chăm sóc các thành viên trong gia đình

2.3.4.Khác biệt giới trong sức khỏe và bệnh tật

2.3.5 Chính sách chăm sóc sức khỏe phụ nữ ở Việt Nam trong phát triển bền vững

2.3. Giới và lao động

2.3.1.Khái niệm lao động và ý nghĩa của lao động trong quá trình xã hội hóa cá nhân

2.3.2. Phân công lao động theo giới

2.3.3. Bình đẳng giới trong lĩnh vực việc làm

2.3.4. Sự bất bình đẳng giới trong lao động

2.4. Giới dân số và môi trường

2.4.1. Dân số đô thị hóa và môi trường

2.4.2. Giới và vấn đề bảo vệ môi trường

2.4.3. Phụ nữ, môi trường và sự phát triển bền vững

2.4.4. Nhạy cảm giới trong chiến lược hành động bảo vệ môi trường

CHƯƠNG 3. LỒNG GHÉP GIỚI TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC

3.1. Lồng ghép giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

3.1.1. Cơ sở lý luận

3.1.2. Mục đích

3.1.3. Các khái niệm liên quan

3.1.4. Các bước thực hiện lồng ghép

3.1.5. Bảng kiểm đánh giá mức độ lồng ghép

3.2. Lồng ghép giới trong thiết kế và thực hiện các chương trình, dự án

3.2.1. Cơ sở lý luận

3.2.2.Mục đích

3.2.3.Các khái niệm liên quan

3.2.4.Các bước thực hiện lồng ghép

3.2.5. Bảng kiểm đánh giá mức độ lồng ghép

13. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Giảng viên cần chuẩn bị slide bài giảng, câu hỏi thảo luận, giới thiệu nguồn tham khảo thực tế.
- Nên sử dụng phương pháp thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.
- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ DỰ ÁN PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG
DEVELOPING AND MANAGING PROJECT IN COMMUNITY DEVELOPMENT

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLĐXH ngày / /2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Xây dựng và quản lý dự án phát triển cộng đồng;
Mã số môn học: CTX 204

2. Tên học phần (tiếng Anh): Developing and Managing Project for Community Development

3. Số tín chỉ: 03

4. Điều kiện tiên quyết: Không

5. Giảng viên tham gia giảng dạy:

TT	Họ tên, học hàm, học vị	Điện thoại liên hệ	E.mail
1	PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Hoa	0913507729	Kimhoaxhh@yahoo.com
2	TS. Đặng Quang Trung	0979672464	trungulsa@gmail.com

6. Mục tiêu của học phần

Học phần trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về xây dựng, vận hành quản lý và một số công cụ, phương pháp hỗ trợ cho quá trình xây dựng và quản lý dự án phát triển cộng đồng. Bên cạnh phần lý thuyết quan trọng đó người học còn được tạo cơ hội để vận dụng kiến thức lý thuyết để thực hành, rèn luyện kỹ năng xây dựng một dự án phát triển cộng đồng cụ thể nào đó mà từng nhóm học viên đề xuất, chọn lọc.

7. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

- *Về kiến thức*: Môn học này giới thiệu phương pháp, quy trình xây dựng và quản lý dự án phát triển cộng đồng dựa trên nền kiến thức cơ bản về phát triển cộng đồng như một phương pháp của công tác xã hội và dựa trên tổng quan về xây dựng và quản lý dự án nói chung. Ngoài ra, môn học cũng giới thiệu một số công cụ và phương pháp quan trọng hỗ trợ cho quá trình xây dựng và quản lý dự án phát triển cộng đồng, trong đó đáng chú ý là phương pháp tiếp cận khung logic cũng như phương pháp xây dựng khung logic

- *Về kỹ năng:* Môn học cung cấp các kỹ năng nhằm giúp người học hiểu và vận dụng được trong quá trình xây dựng và quản lý một dự án phát triển cộng đồng như các kỹ năng điều phối, lập kế hoạch…

- *Về thái độ:* Môn học giúp người học có một thái độ đúng đắn trong khi thực hiện triển khai các hoạt động dự án tại cộng đồng

8. Nhiệm vụ của học viên

- Thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu của giáo viên

- Tích cực phát biểu xây dựng bài, tích cực tham gia các bài thảo luận nhóm
- Thực hiện 01 bài kiểm tra giữa kỳ (hết 2/3 nội dung chương trình)
- Hoàn thành bài thi kết thúc học phần

9. Tài liệu học tập

- *Tài liệu bắt buộc:*

[1] TS. Nguyễn Kim Liên, Giáo trình Phát triển cộng đồng; Nhà xuất bản Lao động- Xã hội; Hà nội 2008.

[2] Nguyễn Hữu Nhân, Phát triển cộng đồng; NXB Đại học quốc gia Hà Nội

- *Tài liệu tham khảo:*

[3] Professor Jean- Marie Deporcq, Director of MBA- International, School of Business Management, University of Quebec at Montreal (UQAM); Project management, Canada, 1995 (Quản lý dự án- Tài liệu tập huấn cho chuyên gia cao cấp VN do Giáo sư Trường Đại học UQAM biên soạn) (nguyên bản tiếng Anh)

[4] Project Cycle Management Guidelines; European Commission, 2004 (Hướng dẫn chu trình quản lý dự án, EC xuất bản năm 2004)

[5] Jules N Pretty; Irene Guijt; London 1995; Participatery lerning & Action; A trainers Guide (Học và hành động theo phương pháp cùng tham gia- Hướng dẫn cho giáo viên)

10. Hình thức và phương pháp đánh giá học phần

- Hình thức đánh giá: Thi viết

- Phương thức đánh giá học phần:

TT	Căn cứ đánh giá	Trọng số
1	Tham gia học tập, thảo luận trên lớp (A)	0,1
2	Bài tập, tiểu luận, kiểm tra (B)	0,3
3	Thi kết thúc học phần (C)	0,6
ĐMH = A x 0,1 + B x 0,3 + C x 0,6		

11. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt:

A (8,5 – 9,1); A+ (9,2 – 10): Giỏi

B (7,0 – 7,6); B+ (7,7 – 8,4): Khá

C (5,5 – 6,1); C+ (6,2 – 6,9): Trung bình

+ Loại không đạt:

D (4,0 – 4,6); D+ (4,7 – 5,4): Trung bình yếu

F (dưới 2,0); F+ (2,0 – 3,9): Kém

12- Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian (giờ)			
			Tổng số	Lý thuyết	KT	Tự học
1	Chương 1. Những vấn đề cơ bản về dự án và dự án phát triển cộng đồng	[1], [2], [3]	10	10		20
2	Chương 2. Xây dựng dự án phát triển cộng đồng	[2], [5]	16	16		32
3	Chương 3. Quản lý dự án phát triển cộng đồng	[1], [4], [5]	19	18	1	38
	Tổng		**45**	**44**	**1**	**90**

B. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ DỰ ÁN VÀ DỰ ÁN PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

1.1. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học xây dựng và quản lý dự án phát triển cộng đồng

1.1.1. Đối tượng nghiên cứu môn học

1.1.2. Phương pháp nghiên cứu môn học

1.2. Dự án và phân loại dự án

1.2.1. Khái niệm về dự án

1.2.2. Phân loại dự án

1.2.3. Ưu điểm và nhược điểm của cách tiếp cận dự án

1.3. Chu trình của dự án

1.3.1. Đánh giá/ xác định dự án

1.3.2. Xây dựng/ viết/ trình duyệt dự án

1.3.3. Thực hiện dự án (bao gồm cả quản lý dự án)

1.3.4. Đánh giá và kiểm toán

1.4. Dự án phát triển cộng đồng

1.4.1. Dự án phát triển cộng đồng như một phương pháp CTXH

1.4.2. Gắn kết các dự án phát triển trên địa bàn với mục đích phát triển cộng đồng và công tác xã hội cộng đồng

1.4.3. Một số thí dụ về dự án phát triển cộng đồng.

CHƯƠNG 2. TIẾN TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

2.1. Xác định nhu cầu của cộng đồng, khả năng dự án

2.1.1 . Nghiên cứu, tìm kiếm ý tưởng dự án từ các chương trình phát triển kinh tế xã hội của địa phương, của các nhà tài trợ trong và ngoài nước.

2.1.2 Điều tra, khảo sát, đánh giá cộng đồng, xác định vấn đề và xác định hướng ưu tiên của cộng đồng;

2.1.3. Xác định chỗ giao thoa giữa nhu cầu cộng đồng với các chương trình phát triển kinh tế xã hội của địa phương hoặc cuả các nhà tài trợ đã có nguồn kinh phí.

2.1.4. Quyết định xây dựng dự án phát triển cộng đồng trên cơ sở tìm thấy nhu cầu nội tại với khả năng nguồn lực nhằm đảm bảo tính hiện thực của dự án.

2.2. Xác định mục tiêu tổng quát mục tiêu cụ thể của dự án

2.2.1. Khái niệm về mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể;

2.2.2. Yêu cầu đối với mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể;

2.2.3. Các bước trong tiến trình xây dựng mục tiêu tổng thể và mục tiêu cụ thể của dự án ;

2.3. Xác định nguồn lực, thời gian, phương pháp thực hiện dự án

2.3.1. Xác định cơ quan/ tổ chức/chủ chốt tham gia dự án

2.3.2. Xác định nguồn lực tài chính từ ngân sách nhà nước/của các nhà tài trợ/ vốn tự có và sự đóng góp của dân…..

2.3.3. Xác định tổng thời gian thực hiện dự án trên cơ sở kết hợp đồng bộ, hợp lý giữa kế hoạch thực hiện chương trình kinh tế, xã hội của địa phương/ chương trình/ dự án của các nhà tài trợ trong nước và quốc tế với khả năng hiện thực của cộng đồng.

2.3.4. Xác định phương pháp thực hiện dự án trên cơ sở thống nhất giữa cộng đồng với các bên tham gia dự án.

2.4. Xác định các hợp phần, các hoạt hoạt động chính của dự án:

2.4.1. Một số hợp phần thường có trong dự án PTCĐ

2.4.2. Xác định các hoạt động chính của dự án trên cơ sở xác định những việc cần l;àm nhằm đạt được mục tiêu cụ thể trong mỗi hợp phần.

2.5. Lập kế hoạch phân bổ ngân sách theo từng hoạt động trong từng thời gian nhất định

2.5.1. Sắp xếp các hoạt động trong các hợp phần của dự án theo cấu trúc hợp lý;

2.5.2. Ước đoán thời gian thực hiện mỗi hoạt động và mối quan hệ trước sau của các hoạt động để lập kế hoạch thời gian hoạt động;

2.5.3. Từ kế hoạch về gian thực hiện hoạt động để phát triển dự toán nguồn lực càn thiết cho mỗi hoạt động.

2.5.4. Một số lưu ý về thực hiện chế độ, chính sách chi tiêu tài chính của các nguồn tài chính khác nhau.

2.6. Viết đề xuất dự án

2.6.1. Hình thức cuả một đề xuất dự án

2.6.2. Tiêu chuẩn/ tiêu chí đánh giá bản đề xuất dự án

2.6.3. Một số lưu ý khi viết đề xuất xin tài trợ nước ngoài

2.7. Tiêu chí và tiêu chuẩn đánh giá đề xuất dự án

2.7.1. Tính phù hợp

2.7.2. Tính khả thi

2.7.3. Đảm bảo tính quản lý tốt

2.8 Một số công cụ và phương pháp hỗ trợ tiến trình xây dựng dự án

2.8.1. Công cụ bảng hỏi trong phỏng vấn bán cấu trúc;

2.8.2. Công cụ bảng kiểm cho các giám sát thường kỳ;

2.8.3. Công cụ viết báo cáo;

2.8.4. Phương pháp tăng cường sự tham gia và sự làm chủ của người dân

CHƯƠNG 3. QUẢN LÝ DỰ ÁN PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

3.1. Những vấn đề chung về quản lý dự án

3.1.1. Chức năng, yêu cầu đối với công tác quản lý

3.1.2. Phân bố quyền lực, giao tiếp trong quản lý

2.1.3. Chức năng, yêu cầu đối với người quản lý

3.2. Nội dung hoạt động quản lý dự án trong các giai đoạn của dự án

3.2.1. Giai đoạn khởi động dự án

3.2.2. Giai đoạn thực hiện dự án

3.2.3. Giai đoạn kết thúc dự án

3.3. Tiêu chí và tiêu chuẩn quản lý

3.3.1. Đảm bảo tính hiệu quả

3.3.2. Đảm bảo tính bền vững

3.4. Kiểm tra, giám sát trong quá trình quản lý dự án

3.4.1. Khái niệm về kiểm tra giám sát

3.4.2. Nội dung kiểm tra, giám sát

3.4.3. Các số liệu, tài liệu cần được thu thập trong quá trình kiểm tra giám

3.4.4. Viết báo cáo kiểm tra giám sát

3.5. Đánh giá dự án

3.5.1. Khái niệm về đánh giá dự án

3.5.2. Khác biệt của đánh giá dự án với kiểm tra giám sát

3.5.3. Nội dung và yêu cầu của đánh giá dự án

3.5.4. Công cụ và tài liệu chính để đánh giá

3.5.5. Viết báo cáo đánh giá

3.6. Kiểm toán dự án

3.6.1. Khái niệm về kiểm toán dự án

3.6.2. Nội dung và yêu cầu của kiểm toán dự án

3.6.3. Công cụ và tài liệu chính để kiểm toán

3.6.4. Viết báo cáo kiểm toán

13- Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Giảng viên cần chuẩn bị slide bài giảng, câu hỏi thảo luận, giới thiệu nguồn tham khảo thực tế.
- Nên sử dụng phương pháp thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.
- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
HÀNH VI LỆCH CHUẨN XÃ HỘI
DEVIANCE BEHAVIOR SOCIAL

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLĐXH ngày / /2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Hành vi lệch chuẩn xã hội; **Mã học phần:** CTX 205

2. Tên học phần (tiếng Anh): Deviance behavior social

3. Số tín chỉ: 03

4. Điều kiện tiên quyết: Không

5. Giảng viên tham gia giảng dạy

TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Điện thoại liên hệ	Email
1	TS. Đặng Thị Lan Anh	0912171971	lananh91176@gmail.com
2	TS. Chu Thị Huyền Yến	0982441080	Chuhuyenyen@gmail.com

6. Mục tiêu của học phần

- *Về kiến thức:* Học phần nhằm trang bị kiến thức chuyên sâu, có tính lý luận và thực tiễn về sai lệch chuẩn mực xã hội

- *Về kỹ năng:* Học viên có khả năng phân tích thực trạng các hành vi sai lệch chuẩn mực xã hội, biết đề xuất những giải pháp can thiệp ứng dụng công tác xã hội trong việc nâng cao năng lực ứng phó với các hành vi sai lệch chuẩn mực xã hội.

- *Về thái độ:* Học viên có thái độ phê phán đối với những hành vi sai lệch chuẩn mực xã hội, tôn trọng các giá trị và chuẩn mực xã hội.

7. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Học phần này cung cấp những kiến thức về cơ sở lý luận về hành vi sai lệch chuẩn mực xã hội, các lý thuyết và quan điểm về sai lệch chuẩn mực xã hội, nhận diện, đánh giá một số hành vi sai lệch chuẩn mực xã hội trong xã hội hiện đại.

8. Nhiệm vụ của học viên

- Thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu của giáo viên
- Tích cực phát biểu xây dựng bài, tích cực tham gia các bài thảo luận nhóm
- Thực hiện 01 bài kiểm tra giữa kỳ (hết 2/3 nội dung chương trình)
- Hoàn thành bài thi kết thúc học phần

9. Tài liệu học tập

- Tài liệu bắt buộc:

[1] Đặng Cảnh Khanh, Đặng Thị Lan Anh, giáo trình Xã hội học chuyên biệt, NXB Lao động – Xã hội, 2010

[2] Ngọ Văn Nhân, giáo trình Xã hội học pháp luật, NXB Hồng Đức, 2015

- Tài liệu tham khảo:

[3] Mai Văn Hai, giáo trinh Xã hội học văn hóa, NXB Khoa học Xã hội 2012

[4] Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, tập tục truyền thống với việc bảo đảm quyền bình đẳng của phụ nữ và quyền trẻ em ở Việt Nam, NXB Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh 2015

10. Hình thức và Phương pháp đánh giá học phần

- Hình thức đánh giá: Thi viết

- Phương thức đánh giá học phần:

TT	Căn cứ đánh giá	Trọng số
1	Tham gia học tập, thảo luận trên lớp (A)	0,1
2	Bài tập, tiểu luận, kiểm tra (B)	0,3
3	Thi kết thúc học phần (C)	0,6
ĐMH = A x 0,1 + B x 0,3 + C x 0,6		

11. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt:

A (8,5 – 9,1); A+ (9,2 – 10): Giỏi

B (7,0 – 7,6); B+ (7,7 – 8,4): Khá

C (5,5 – 6,1); C+ (6,2 – 6,9): Trung bình

+ Loại không đạt:

D (4,0 – 4,6); D+ (4,7 – 5,4): Trung bình yếu

F (dưới 2,0); F+ (2,0 – 3,9): Kém

12. Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian (giờ)			
			Tổng số	Lý thuyết	KT	Tự học
1	Chương 1. Nguồn gốc , bản chất xã hội và chức năng của chuẩn mực xã hội	[2], [3]	8	8		16
2	Chương 2. Quan điểm về sai lệch chuẩn mực xã hội	[1], [2], [3]	22	21	1	44
3	Chương 3. Một số hành vi sai lệch chuẩn mực xã hội	[2], [3], [5]	15	15		30
	Tổng cộng		**45**	**44**	**1**	**90**

B. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. NGUỒN GỐC, BẢN CHẤT XÃ HỘI VÀ CHỨC NĂNG CỦA CHUẨN MỰC XÃ HỘI

1.1. Nguồn gốc của chuẩn mực xã hội

1.1.1. Một số quan điểm về nguồn gốc của chuẩn mực xã hội

1.1.2. Quan điểm mác xít về nguồn gốc của chuẩn mực xã hội

1.2. Bản chất xã hội của chuẩn mực xã hội

1.2.1. Tính tất yếu xã hội

1.2.2. Tính định hướng

1.2.3. Tính vận động

1.3. Chức năng của chuẩn mực xã hội

1.3.1. Chức năng liên kết

1.3.2. Chức năng điều chỉnh hành vi

1.3.3. Chức năng kiểm tra giám sát

CHƯƠNG 2. QUAN ĐIỂM VỀ SAI LỆCH CHUẨN MỰC XÃ HỘI

2.1. Các loại chuẩn mực xã hội

2.1.1.Chuẩn mực chính trị

2.1.2.Chuẩn mực tôn giáo

2.1.3. Chuẩn mực đạo đức

2.1.4. Chuẩn mực phong tục tập quán

2.1.5. Chuẩn mực thẩm mỹ

2.2. Các loại sai lệch chuẩn mực xã hội

2.2.1. Khái niệm sai lệch chuẩn mực xã hội

2.2.2.Phân loại sai lệch chuẩn mực xã hội

2.3. Một số quan điểm về sai lệch chuẩn mực xã hội

2.3.1. Quan điểm của E.Durkheim

2.3.2. Quan điểm của M.Werber

2.3.3. Quan điểm dán nhãn

2.4.Các yếu tố tác động đến sai lệch chuẩn mực xã hội

2.4.1. Hệ thống các giá trị

2.4.2. Sự rối loạn các thiết chế xã hội

2.4.3. Sự biến đổi của các chuẩn mực xã hội

2.4.4. Sự thay đổi của các quan hệ xã hội

CHƯƠNG 3. MỘT SỐ HÀNH VI SAI LỆCH CHUẨN MỰC XÃ HỘI

3.1. Hành vi nghiện ma túy

3.1.1. Khái niệm

3.1.2. Các biểu hiện

3.1.3. Nguyên nhân

3.1.4. Hậu quả

3.1.5. Các giải pháp

3.2. Hành vi say rượu

3.2.1. Khái niệm

3.2.2. Các biểu hiện

3.2.3. Nguyên nhân

3.2.4. Hậu quả

3.2.5. Các giải pháp

3.3.Các hành vi bạo lực

3.3.1. Khái niệm

3.3.2. Các biểu hiện

3.3.3. Nguyên nhân

3.3.4. Hậu quả

3.3.5. Các giải pháp

3.4. Hành vi tự tử

3.4.1. Khái niệm

3.4.2. Các biểu hiện

3.4.3. Nguyên nhân

3.4.4. Hậu quả

3.4.5. Các giải pháp

3.5. Hành vi tha hóa đạo đức

3.5.1. Khái niệm

3.5.2. Các biểu hiện

3.5.3. Nguyên nhân

3.5.4. Hậu quả

3.5.5. Các giải pháp

13. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Giảng viên cần chuẩn bị slide bài giảng, câu hỏi thảo luận, giới thiệu nguồn tham khảo thực tế.

- Nên sử dụng phương pháp thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.

- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI AN SINH XÃ HỘI
SOCIAL WORK WITH SOCIAL SECURITY

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLĐXH ngày / /2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Công tác xã hội với an sinh xã hội;
Mã học phần: CTX 306

2. Tên học phần (tiếng Anh): Social Work with Social Security/Protection

3. Số tín chỉ: 03

4. Điều kiện tiên quyết: Không

5. Giảng viên tham gia giảng dạy

TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Điện thoại liên hệ	Email
1	TS. Nguyễn Thị Hoài An	0912338618	hoaianctxh34@gmail.com
2	PGS. TS. Nguyễn Thị Thái Lan	0902277361	Thailan1974@gmail.com

6. **Mục tiêu của học phần**

- *Về kiến thức:* Học phần nhằm trang bị kiến thức chuyên sâu, có tính lý luận và thực tiễn về công tác xã hội với an sinh xã hội .

- *Về kỹ năng:* Học viên có khả năng phân tích mối quan hệ giữa công tác xã hội và an sinh xã hội , thực hành nghiên cứu và phân tích các hoạt động công tác xã hội với an sinh xã hội .

- *Về thái độ:* Học viên từ việc hiểu về mối quan hệ giữa công tác xã hội với an sinh xã hội, có khả năng phân tích được sự liên quan sẽ hình thành thái độ hợp tác trong việc triển khai tổ chức thực hiện các can thiệp công tác xã hội phù hợp để đóng góp cho sự công bằng, phát triển bền vững của Việt Nam.

7. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Học phần giúp học viên nắm được kiến thức tổng quan về an sinh xã hội. Học phần đề cập đến các khái niệm an sinh, các mô hình an sinh ở các nước cũng như ở Việt Nam, các hợp phần cơ bản của an sinh xã hội. Học phần cung cấp cho học viên các kiến thức khái niệm, mục đích vai trò của công tác xã hội với an sinh xã hội, các hoạt động công tác xã hội với an sinh xã hội. Đồng thời cũng cập nhật kiến thức về hệ thống chính sách an sinh xã hội, chương trình an sinh xã hội ở Việt Nam.

8. Nhiệm vụ của học viên

- Thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu của giáo viên
- Tích cực phát biểu xây dựng bài, tích cực tham gia các bài thảo luận nhóm
- Thực hiện 01 bài kiểm tra giữa kỳ (hết 2/3 nội dung chương trình)
- Hoàn thành bài thi kết thúc học phần

9. Tài liệu học tập

[1] Nguyễn Hải Hữu (chủ biên). Giáo trình Nhập môn an sinh xã hội. NXB Lao động – Xã hội, 2020.

[2] Bùi Thị Xuân Mai (chủ biên). Giáo trình Nhập môn Công tác xã hội. NXH Lao động- Xã hội, 2014.

[3] Tổ chức GIZ, Phát triển hệ thống an sinh xã hội ở Việt nam đến năm 2020

[4] Florence Bonnet, Michael Cichon, Carlos Galian, Gintare Mazelkaite and Valérie Schmitt. *Analysis of the Viet Nam National Social Protection Strategy (2011-2020) in the context of Social Protection Floor objectives*

10. Hình thức và Phương pháp đánh giá học phần

- Hình thức đánh giá: Thi viết

- Phương thức đánh giá học phần

TT	Căn cứ đánh giá	Trọng số
1	Tham gia học tập, thảo luận trên lớp (A)	0,1
2	Bài tập, tiểu luận, kiểm tra (B)	0,3
3	Thi kết thúc học phần (C)	0,6
ĐMH = A x 0,1 + B x 0,3 + C x 0,6		

11. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt:

A (8,5 – 9,1); A+ (9,2 – 10): Giỏi

B (7,0 – 7,6); B+ (7,7 – 8,4): Khá

C (5,5 – 6,1); C+ (6,2 – 6,9): Trung bình

+ Loại không đạt:

D (4,0 – 4,6); D+ (4,7 – 5,4): Trung bình yếu

F (dưới 2,0); F+ (2,0 – 3,9): Kém

12. Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian (giờ)			
			Tổng số	Lý thuyết	KT	Tự học
1	Chương 1. Những vấn đề cơ bản của an sinh xã hội	[1]	8	8		16
2	Chương 2. Hệ thống an sinh xã hội ở một số nước trên thế giới và ở Việt Nam	[1], [3], [4]	12	12		24
3	Chương 3. Công tác xã hội với an sinh xã hội	[2]	13	12	1	26
4	Chương 4. Các hoạt động công tác xã hội với ASXH	[1], [2]	12	12		24
	Tổng		**45**	**44**	**1**	**90**

B. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA AN SINH XÃ HỘI

1.1. Các khái niệm về an sinh xã hội

1.2. Các khái niệm, thuật ngữ liên quan đến an sinh xã hội

1.2.1. Khái niệm về chính sách xã hội

1.2.2. Khái niệm về bảo trợ xã hội

1.2.3. Khái niệm về vấn đề xã hội

1.2.4. Khái niệm về công tác xã hội

1.2.5. Thuật ngữ về bảo đảm xã hội

1.2.6. Thuật ngữ về phúc lợi xã hội

1.2.7. Thuật ngữ về lưới an toàn xã hội

1.2.8. Thuật ngữ về hệ thống an sinh xã hội

1.2.9. Sàn an sinh xã hội

1.3. Phạm vi của an sinh xã hội

1.4. Chức năng của an sinh xã hội

1.5. Mối quan hệ của an sinh xã hội

1.5.1. An sinh xã hội với việc làm, thu nhập

1.5.2. An sinh xã hội với phúc lợi xã hội

1.5.3. An sinh xã hội và chính sách xã hội

1.5.4. Anh sinh xã hội và tăng trưởng kinh tế

1.5.5. An sinh xã và chính sách thuế, tài chính

1.5.6. An sinh xã hội và công tác xã hội

1.6 Các hợp phần cơ bản của an sinh xã hội

1.6.1. Chính sách và chương trình thị trường lao động

1.6.2 Chính sách và chương trình bảo hiểm xã hội

1.6.3. Chính sách và chương trình bảo hiểm y tế

1.6.4. Chính sách và chương trình ưu đãi xã hội

1.6.5. Chính sách và chương trình trợ giúp xã hội

1.7 Các nhân tố ảnh hưởng tới hệ thống an sinh xã hội

1.8. Các chính sách an sinh xã hội cơ bản

CHƯƠNG 2. HỆ THỐNG AN SINH XÃ HỘI Ở MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI VÀ Ở VIỆT NAM

2.1. Mô hình an sinh của một số nước Châu Á

2.2. Mô hình an sinh xã hội một số nước Châu Âu

2.3. Một số mô hình an sinh xã hội Việt Nam

2.3.1. Mô hình an sinh xã hội cổ truyền

2.3.2. Mô hình an sinh xã hội dựa trên nền kinh tế bao cấp

2.3.3. Mô hình an sinh dựa trên nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

2.4. An sinh xã hội Việt Nam giai đoạn 2012-2020

CHƯƠNG 3. CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI AN SINH XÃ HỘI

3.1. Mối quan hệ công tác xã hội với an sinh xã hội

3.2. Mục đích Công tác xã hội với an sinh xã hội

3.3. Vai trò của Công tác xã hội với an sinh xã hội

3.4. Cách tiếp cận Công tác xã hội với an sinh xã hội

3.4.1. Tiếp cận theo nhu cầu

3.4.2. Tiếp cận theo quyền

3.4.5. Tiếp cận theo hệ thống sinh thái

CHƯƠNG 4. CÁC HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI AN SINH XÃ HỘI

4.1. Các hoạt động phòng ngừa rủi ro

4.1.1. Truyền thông

4.1.1.1 Mục đích

4.1.1.2. Nội dung

4.1.1.3. Phương pháp, kỹ năng

4.1.2. Vận động nguồn lực

4.1.2.1. Mục đích

4.1.2.2. Nội dung

4.1.2.3. Phương pháp, kỹ năng

4.2. Các hoạt động can thiệp phục hồi

4.2.1 Can thiệp khẩn cấp

4.2.2 Tham vấn cho những người gặp vấn đề khó khăn trong cuộc sống

4.2.3. Can thiệp xử lý khủng hoảng cho những gặp vấn đề khó khăn trong cuộc sống

4.2.4. Quản lý trường hợp

4.2.5. Biện hộ

4. 3. Kết nối các dịch vụ

4.3.1. Mục đích

4.3.2. Nội dung

4.3.3. Phương pháp, kỹ năng

4.4. Các hoạt động phát triển

4.4.1. Hỗ trợ giáo dục cho các nhóm có nhu cầu

4.4.2. Hoạt động định hướng nghề nghiệp, học nghề , tạo việc làm cho người gặp khó khăn trong việc làm

4.4.3. Nghiên cứu và vận động chính sách

13. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Giảng viên cần chuẩn bị slide bài giảng, câu hỏi thảo luận, giới thiệu nguồn tham khảo thực tế.

- Nên sử dụng phương pháp thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.

- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
QUẢN TRỊ TRONG PHÁT TRIỂN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TÁC XÃ HỘI
ADMINISTRATION IN DEVELOPING SOCIAL WORK SERVICE FACILITIES

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLĐXH ngày / /2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ công tác xã hội;

Mã số học phần: CTX 307

2. Tên học phần (tiếng Anh): Administration in developing social work service facilities

3. Số tín chỉ: 03 `

4. Điều kiện tiên quyết: Không

5. Giảng viên tham gia giảng dạy

TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Điện thoại liên hệ	Email
1	TS. Nguyễn Hải Hữu	0913219815	haihuuhn@gmail.com
2	TS. Phạm Hồng Trang	0979.082.686	hongtrangctxh@gmail.com

6. Mục tiêu của học phần

- *Về kiến thức:* Trang bị cho học viên hiểu được khung lý thuyết, có tầm nhìn kiến thức về quản trị áp dụng trong các cơ quan, đơn vị, tổ chức xã hội, đặc biệt trong các cơ sở cung cấp dịch vụ phục vụ nhân sinh nhằm cung cấp cho học viên phương pháp làm việc cụ thể trong việc định hướng và phát triển cơ quan.

- *Về kỹ năng:*

+ Hoạch định được chiến lược phát triển của một cơ quan quản lý, điều hành và cung cấp các dich vụ xã hội.

+ Áp dụng được các chức năng của quản trị Công tác xã hội trong điều hành phát triển các cơ quan quản lý, cung cấp dịch vụ xã hội.

+ Vận dụng tốt các kỹ năng CTXH, kỹ năng của quản trị cơ quan trong việc điều hành, lãnh đạo cơ quan để đặt được những mục tiêu của cơ quan đề ra một cách hiệu quả.

- *Về thái độ:* Có quan điểm lãnh đạo cấp tiến trên cơ sở giá trị đạo đức của nghề công tác xã hội đó là: Con người là mối quan tâm hàng đầu của cơ quan quản lý và cung cấp dịch vụ. Các dịch vụ cung cấp cho con người là phi lợi nhuận.

7. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Học phần nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng trong việc quản lý, điều hành, tổ chức để phát triển cơ quan, đơn vị nhằm đạt được các mục tiêu của cơ quan là cung cấp các dich vụ tốt nhất cho xã hội. Những kỹ năng cốt lõi của quản trị như việc hoạch định chiến lược phát triển cơ quan nhằm triển khai thực hiện các

chính sách xã hội thành dịch vụ xã hội liên quan đến tiến trình trong việc phát triển cơ quan phù hợp với tình hình chính trị, xã hội và kinh tế để đạt được việc phân phối các nguồn lực trong xã hội, đáp ứng các yêu cầu về an sinh xã hội. Môn học nhấn mạnh đến tinh thần làm việc hợp tác theo nhóm, thông qua hoạt động thực tiễn, nghiên cứu để để xuất các chính sách xã hội cần thiết và phù hợp cho xã hội.

8. Nhiệm vụ của học viên:

- Thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu của giáo viên
- Tích cực phát biểu xây dựng bài, tích cực tham gia các bài thảo luận nhóm
- Thực hiện 01 bài kiểm tra giữa kỳ (hết 2/3 nội dung chương trình)
- Hoàn thành bài thi kết thúc học phần

9. Tài liệu học tập

- *Tài liệu bắt buộc:*

[1] Quản trị học- Những vấn đề cơ bản- tập 1 – TS Hà Văn Hội năm 2007

[2] Cordero, Erlinda, Gutierrez, Consuelo and Pangalangan, Evelina. (1985). Administration and Supervision in Social Work. Manila: Schools of Social Work Association of the Philippines.

[3] Donna Hardina, PhD; Jane Middleton, DSW; Salvador Montana, MSW, PhD(c); Roger A. Simpson, PhD (2007): An Empowering Approach to Managing Social Service Organizations - Springer Publishing Company -New York.

- *Tài liệu tham khảo:*

[4] Quản trị học trong toàn cầu hóa- Trần Thanh mẫn (2006)

[5] Tài liệu Quản trị công tác xã hội – Nguyễn Văn Gia – Đại học Lao động xã hội.

[6] Hành chính nhà nước và công nghệ hành chính- GS TS Đinh Văn Mậu, GS TSKH Nguyễn Văn Thẩm và PGS.TS Võ Kim Sơn, nhà xuất bản khoa học kỹ thuật, Hà Nội,

[7] Quản trị Công tác xã hội- Tác giả Trịnh Thị Trinh- 2011- Nhà xuất bản Lao động- Xã hội.

[8] Tài liệu hướng dẫn xây dựng mô hình Trung tâm Công tác xã hội và nghiệp vụ quản lý trường hợp. Nhà xuất bản thống kê năm 2011.

10. Hình thức và Phương pháp đánh giá học phần

- Hình thức đánh giá: Thi viết

- Phương thức đánh giá học phần:

TT	Căn cứ đánh giá	Trọng số
1	Tham gia học tập, thảo luận trên lớp (A)	0,1
2	Bài tập, tiểu luận, kiểm tra (B)	0,3
3	Thi kết thúc học phần (C)	0,6
ĐMH = A x 0,1 + B x 0,3 + C x 0,6		

11. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt:

A (8,5 – 9,1); A+ (9,2 – 10): Giỏi

B (7,0 – 7,6); B+ (7,7 – 8,4): Khá

C (5,5 – 6,1); C+ (6,2 – 6,9): Trung bình

+ Loại không đạt:

D (4,0 – 4,6); D+ (4,7 – 5,4): Trung bình yếu

F (dưới 2,0); F+ (2,0 – 3,9): Kém

12. Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian (giờ)			
			Tổng số	Lý thuyết	KT	Tự học
1	Chương 1: Một số vấn đề chung về Quản trị trong phát triển tổ chức tổ chức cung cấp dịch vụ CTXH	[1], [3], [5]	11	11		22
2	Chương 2. Các thuyết về Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ CTXH	[3], [6], [8]	15	15		30
3	Chương 3. Chức năng quản trị trong chiến lược phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ CTXH	[1], [2], [3], [7]	19	18	1	38
	Tổng		**45**	**44**	**1**	**90**

B. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ QUẢN TRỊ TRONG PHÁT TRIỂN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TÁC XÃ HỘI

1.1.Một số khái niệm chung về Quản trị trong phát triển cơ quan

1.1.1. Khái niệm về Quản trị trong phát triển cơ quan, tổ chức, đơn vị

1.1.2. Đặc điểm, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan

1.1.3. Các nguyên tắc trong phát triển cơ quan

1.1.4. Tầm quan trọng

1.1.5. Sự đa dạng trong phát triển cơ quan

1.1.6. Quản trị xã hôi, Quản trị an sinh xã hội, quản trị trong phát triển các cơ quan xã hội: Khái niệm; sự giống và khác nhau.

1.2. Cơ quan, tổ chức

1.2.1. Khái niệm cơ quan xã hội và cơ quan cung cấp dịch vụ xã hội

1.2.2. Phân loại cơ quan

1.3. Mối quan hệ của cơ quan với các đơn vị liên quan trong phát triển

1.3.1. Định nghĩa

1.3.2. Ý nghĩa

1.3.3. Chức năng

1.3.4. Chất lượng của mối quan hệ công chúng

1.3.5. Trách nhiệm của các cơ quan trong mối quan hệ công chúng

1.3.6. Các yếu tô gây ảnh hưởng tới mối quan hệ công chúng của cơ quan, tổ chức.

1.4. Hệ thống xã hội

1.4.1. Khái niệm

1.4.2. Bộ phận cấu thành hệ thống xã hội

1.4.3. Sự đa dạng của hệ thống xã hội

1.4.4. Sự cân bằng của hệ thống xã hội

1.4.5. Các cấp độ cung cấp dịch vụ trong hệ thống xã hội

1.4.6. Vị trí mỗi cơ quan xã hội trong hệ thống xã hội

1.5. Các yếu tố ảnh hưởng tới sự phát triển cơ quan

1.5.1. Yếu tố bên trong

1.5.2. Yếu tố bên ngoài

1.5.3. Nhân tố con người

1.5.4. Yếu tố nhà quản trị

CHƯƠNG 2. CÁC THUYẾT VỀ QUẢN TRỊ TRONG CÁC CƠ SỞ CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TÁC XÃ HỘI

2.1. Thuyết quản lý của Frederict Taylor

2.2. Thuyết về mối quan hệ con người của Elton Mayo

2.3. Thuyết X, YDonglads MC Gregon

2.4. Thuyết William Onchi

CHƯƠNG 3. CHỨC NĂNG QUẢN TRỊ TRONG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TÁC XÃ HỘI

3.1 Hoạch định chiến lược phát triển của tổ chức cung cấp dịch vụ CTXH

3.1.1. Định nghĩa

3.1.2. Các yếu tố cơ bản trong hoạch định chiến lược phát triển cơ quan

3.1.3. Các bước của hoạch định

3.1.4. Các nguyên tắc của hoạch định

3.1.5. Đặc điểm của một bản hoạch định có hiệu quả

3.2 Chiến lược phát triển ngành LĐTBXH

3.2.1. Các lĩnh vực phát triển

3.2.2. Phương pháp xây dựng chiến lược phát triển ngành

3.2.2. Nội dung của chiến lược phát triển ngành

3.2.3. Hợp tác trong phát triển

3.3. Chiến lược phát triển các cơ quan cung cấp dịch vụ CTXH

3.3.1. Thực trạng về cơ quan cung cấp dịch vụ xã hội

3.3.2. Cách thức thành lập và tổ chức các cơ sở cung cấp dịch vụ xã hội

3.3.3. Khuyến nghị mô hình trung tâm DV CTXH ở Việt Nam

3.3.4. Định hướng phát triển của Chính phủ

3.4. Chiến lược phát triển các cơ sở BTXH

3.4.1. Khái niệm các cơ sở BTXH

3.4.2. Các mô hình

3.4.3. Tổ chức nhân sự

3.4.4. Quản lý đối tượng

3.4.5. Quản lý tài chính, tài sản

3.4.6. Định hướng phát triển

13. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Giảng viên cần chuẩn bị slide bài giảng, câu hỏi thảo luận, giới thiệu nguồn tham khảo thực tế.
- Nên sử dụng phương pháp thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.
- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG TRONG CÔNG TÁC XÃ HỘI
RESEARCH APPLY IN SOCIAL WORK

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLĐXH ngày / /2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

1. **Tên học phần (tiếng Việt):** Nghiên cứu ứng dụng trong công tác xã hội
   Mã học phần: CTX 309
2. **Tên học phần (tiếng Anh):** Research apply in social work
3. **Số tín chỉ:** 02
4. **Điều kiện tiên quyết:** Không
5. **Giảng viên tham gia giảng dạy**

TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Điện thoại liên hệ	Email
1	TS. Đặng Quang Trung	0979672464	trungulsa@gmail.com
2	TS. Đặng Thị Lan Anh	0912171971	lananh91176@gmail.com

6. **Mục tiêu của học phần**

- *Về kiến thức:*

+ Phương pháp luận nhận thức công tác xã hội đối với các vấn đề của công tác xã hội; biết vận dụng kiến thức đó để phân tích một vấn đề của công tác xã hội;

+ Nắm được phương pháp phát hiện, xác định và lựa chọn một vấn đề nghiên cứu, biết vận dụng lý thuyết công tác xã hội để phân tích, lý giải một vấn đề trong công tác xã hội, từ đó hình thành khung lý thuyết cho việc tiếp cận vấn đề đó;

+ Nắm được bản chất của việc thao tác hóa các khái niệm của đề tài, các kiến thức cần thiết để hình thành bộ công cụ cho việc thu thập thông tin thực nghiệm nhằm giải quyết vấn đề đặt ra trong một đề tài nhất định.

- *Về kỹ năng:*

+ Môn học hướng học viên đến làm quen với các quy trình, thủ tục của nghiên cứu khoa học đến rèn kỹ năng, tay nghề của học viên trong việc thiết kế một nghiên cứu trong công tác xã hội.

+ Nắm bắt và thực hành được các kỹ năng liên quan đến việc xây dựng bộ công cụ cho việc thu thập thông tin, phân tích thông tin, trình bày báo cáo và thiết kế nghiên cứu trong công tác xã hội.

- *Về thái độ:*

+ Có ý thức, trách nhiệm cao, có tính trung thực, tính khoa học với các nghiên cứu khoa học nói chung và nghiên cứu công tác xã hội nói riêng

+ Qua các chương trình nghiên cứu của các đề tài, dự án đã, đang được thực hiện biết tôn trọng kết quả nghiên cứu của những nhà nghiên cứu nghiêm túc, nhưng cũng có cái nhìn phê phán với những công trình nghiên cứu không được chuẩn bị chu đáo, thiếu tính chặt chẽ.

7. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Học phần này nhằm trang bị những kiến thức cơ bản về hệ thống phương pháp nghiên cứu ứng dụng trong công tác xã hội, các bước tiến hành nghiên cứu trong công tác xã hội, cách thức phát hiện, nắm bắt và lựa chọn vấn đề nghiên cứu; cách thiết kế nghiên cứu trong công tác xã hội học từ khâu xác định vấn đề nghiên cứu, xây dựng mục tiêu nghiên cứu, thao tác hoá khái niệm, xây dựng bộ công cụ cho thu thập thông tin; kỹ năng viết báo cáo nghiên cứu, kỹ năng thiết kế các loại hình nghiên cứu trong công tác xã hội cho phù hợp với từng trường hợp nghiên cứu cụ thể.

8. Nhiệm vụ của học viên

- Thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu của giáo viên
- Tích cực phát biểu xây dựng bài, tích cực tham gia các bài thảo luận nhóm
- Thực hiện 01 bài kiểm tra giữa kỳ
- Hoàn thành bài thi kết thúc học phần (viết tự luận)

9. Tài liệu học tập

- *Tài liệu bắt buộc:*

[1] Phạm Quyết – Nguyễn Quý Thanh (chủ biên), *giáo trình nghiên cứu xã hội học*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2002

[2] Nguyễn Văn Liệu – *SPSS ứng dụng phân tích dữ liệu trong quản trị kinh doanh và khoa học tự nhiên – xã hội* – NXB Giao thông vận tải, 2000.

- *Tài liệu tham khảo:*

[3] Nguyễn Xuân Nghĩa, *phương pháp và kỹ thuật trong nghiên cứu xã hội,* NXB trẻ, 2004

[4] Lê Minh Tiến – *Phương pháp thống kê nghiên cứu xã hội* - Nhà xuất bản Trẻ, 2003

[5] Nguyễn Công Khanh, đánh giá và đo lường trong khoa học xã hội, NXB Chính trị Quốc gia, 2004.

10. Hình thức và Phương pháp đánh giá học phần

- Hình thức đánh giá: Thi viết

- Phương thức đánh giá học phần:

TT	Căn cứ đánh giá	Trọng số
1	Tham gia học tập, thảo luận trên lớp (A)	0,1
2	Bài tập, tiểu luận, kiểm tra (B)	0,3
3	Thi kết thúc học phần (C)	0,6
ĐMH = A x 0,1 + B x 0,3 + C x 0,6		

11. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt:

A (8,5 – 9,1); A+ (9,2 – 10): Giỏi

B (7,0 – 7,6); B+ (7,7 – 8,4): Khá

C (5,5 – 6,1); C+ (6,2 – 6,9): Trung bình

+ Loại không đạt:

D (4,0 – 4,6); D+ (4,7 – 5,4): Trung bình yếu

F (dưới 2,0); F+ (2,0 – 3,9): Kém

12. Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian (giờ)			
			Tổng số	Lý thuyết	KT	Tự học
1	Chương 1: Một số vấn đề cơ bản về phương pháp nghiên cứu nâng cao trong CTXH	[2], [3], [4]	7	7		14
2	Chương 2. Phương pháp nghiên cứu định lượng	[1], [2], [3]	10	9	1	20
3	Chương 3. Phương pháp nghiên cứu định tính	[2], [3], [5]	13	13		26
	Tổng		**30**	**29**	**1**	**60**

B. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU TRONG CÔNG TÁC XÃ HỘI

1.1. Hình thành vấn đề nghiên cứu trong công tác xã hội

1.1.1. Xác định câu hỏi nghiên cứu

1.1.2. Xác định giả thuyết nghiên cứu

1.1.3. Cách tiếp cận nghiên cứu (định lượng, định tính, mô tả)

1.1.4. Xây dựng khung nghiên cứu

1.2 Mục đích nghiên cứu trong công tác xã hội

1.2.1. Mục đích khám phá

1.2.2. Mục đích mô tả

1.2.3. Muc đích giải thích

1.4. Đạo đức trong nghiên cứu công tác xã hội

1.4.1. Tự nguyện tham gia và ưng thuận một cách chính thức

1.4.2. Không gây tổn hại cho người tham gia

1.4.3.Tính khuyết danh và tin cẩn

1.4.4. Không lừa gạt đối tượng

1.4.5. Đạo đức trong phân tích và viết báo cáo

1.4.6. Cân nhắc giữa lợi ích và chi phí

CHƯƠNG 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU ĐỊNH LƯỢNG TRONG CÔNG TÁC XÃ HỘI

2.1. Những vấn đề chung trong nghiên cứu định lượng

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Lý do thực hiện nghiên cứu định lượng

2.1.3. Các giai đoạn thiết kế một nghiên cứu định lượng

2.2. Việc đo lường và thang đo trong nghiên cứu định lượng

2.2.1. Vấn đề đo lường trong nghiên cứu công tác xã hội

2.2.2. Thang đo và việc tạo thang đo

2.3. Xử lý thống kê

2.3.1. Các chương trình xử lý thống kê

2.3.2. Tiến hành xử lý thống kê

2.4. Phân tích số liệu

2.4.1. Các đại lượng đo xu hướng tập trung

2.4.2. Các đại lượng đo mối quan hệ giữa các hiện tượng

2.4.3. Việc chọn và sử dụng các đại lượng thống kê phù hợp

2.4.4. Sai số của việc đo lường trong nghiên cứu công tác xã hội

2.5. Phân tích thông tin và trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu

2.5.1. Mô tả và phân tích các dữ liệu

2.5.2. Trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu

CHƯƠNG 3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU ĐỊNH TÍNH

3.1. Thiết kế một nghiên cứu định tính

3.1.1. Khái niệm về nghiên cứu định tính

3.1.2. Những lý do cần thực hiện nghiên cứu định tính

3.1.3. Các giai đoạn thiết kế một nghiên cứu định tính

3.2. Các loại hình nghiên cứu định tính truyền thống

3.1.4. Nghiên cứu tiểu sử (Biography)

3.1.5. Nghiên cứu hiện tượng (Phenonmenological)

3.1.6. Nghiên cứu nền tảng (Grounded theory)

3.1.7. Nghiên cứu dân tộc học (Ethonography)

3.1.8. Nghiên cứu điển cứu

3.3. Cách thức phân tích số liệu nghiên cứu định tính theo chủ đề (thematic analysis)

3.4. Công cụ hỗ trợ phân tích dữ liệu nghiên cứu định tính (NVIVO 10)

13. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Giảng viên cần chuẩn bị slide bài giảng, câu hỏi thảo luận, giới thiệu nguồn tham khảo thực tế.

- Nên sử dụng phương pháp thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.

- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
THỰC HÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI CHUYÊN SÂU 1
SPECIALIZED SOCIAL WORK PRACTICE 1

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLĐXH ngày / /2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

1. **Tên học phần (tiếng Việt):** Thực hành công tác xã hội chuyên sâu 1
   Mã học phần: CTX 310
2. **Tên học phần (tiếng Anh):** Specilized Social work Practice 1
3. **Số tín chỉ: 0**2
4. **Điều kiện tiên quyết:** Công tác xã hội với an sinh xã hội
5. **Giảng viên tham gia giảng dạy**

TT	Họ và tên, chức danh, học vị	Điện thoại liên hệ	Email
1	TS. Lê Thị Thuỷ	0985906793	Thuyexp123@gmail.com
2	TS. Nguyễn Thị Hoài An	0912338618	hoaianctxh34@gmail.com

6. **Mục tiêu của học phần**

- *Kiến thức:* học viên sẽ lựa chọn thực hành công tác xã hội với một nhóm đối tượng đặc thù để vận dụng phương pháp công tác xã hội cá nhân, gia đình và phương pháp công tác xã hội nhóm vào can thiệp, sau khi kết thúc học phần:

+ Học viên có thể miêu tả cụ thể các bước trong quy trình quản lý trường hợp cá nhân, gia đình và quy trình xây dựng nhóm, điều hành hoạt động nhóm để trợ giúp cá nhân hoặc một nhóm đối tượng có nhu cầu đặc biệt.

+ Miêu tả và phân tích những lý thuyết được vận dụng trong 2 phương pháp trợ giúp này

- *Kỹ năng:* Có khả năng vận dụng tốt các kỹ năng trong 2 phương pháp này vào hoạt động công tác xã hội .

- *Thái độ:* Đảm bảo thực hành tốt các chuẩn mực đạo đức, giá trị, nguyên tắc của công tác xã hội cá nhân gia đình và công tác xã hội nhóm.

7. **Mô tả vắn tắt nội dung của học phần**

Trong môn học này, học viên sẽ được vận dụng các kiến thức chuyên sâu của công tác xã hội vào làm việc với các nhóm đối tượng đặc thù trong các cơ sở/trung tâm công tác xã hội . Cụ thể là học viên sẽ vận dụng thái độ, nguyên tắc, tiến trình, kỹ năng công tác xã hội để phân tích đánh giá các hoạt động công tác xã hội tại các cơ sở đó. Ngoài ra, với sự kiểm huấn sát sao, học viên cũng sẽ tham gia trực tiếp vào thực hiện các hoạt động công tác xã hội hỗ trợ những nhóm đối tượng yếu thế như Trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, người tâm thần.

8. **Nhiệm vụ của học viên**

- Lựa chọn chủ đề thực hành
- Xây dựng mục tiêu thực hành

- Thống nhất kế hoạch thực hành và mục tiêu thực hành
- Tham dự các báo cáo, hội thảo, seminar liên quan tới chủ đề
- Chuẩn bị seminar trình bày trước cơ sở thực hành của cá nhân học viên
- Trình bày seminar trước cơ sở thực hành và giáo viên kiếm huấn
- Hỗ trợ, can thiệp, thực hành những nội dung lý thuyết vào thực tiễn
- Chuẩn bị báo cáo
- Thông qua báo cáo với kiểm huấn viên
- Trình bày báo cáo thực nghiệm
- Viết báo cáo tổng hợp

9. Tài liệu học tập

- *Tài liệu bắt buộc:*

[1] Nhóm tác giả (2018). Hướng dẫn thực hành. Tài liệu trường đại học LĐXH

- *Tài liệu tham khảo:*

[2] Regina University, (2009) Field Guides

[3] Học viện phụ nữ Philipines, tài liệu hướng dẫn thực hành cho học viên theo học thạc sỹ, chuyên ngành công tác xã hội

[4] Trường đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh (2011) Sổ tay hướng dẫn thực hành Bogo

10. Hình thức và phương pháp đánh giá học phần

- Hình thức đánh giá: Nộp báo cáo (Tiểu luận)

- Phương thức đánh giá học phần

TT	Căn cứ đánh giá	Trọng số
1	Tham gia kiểm huấn trước thực hành (A)	0,1
2	Tham gia kiểm huấn tại nơi thực hành (B)	0,2
3	Nhật ký cá nhân (C)	0,2
4	Báo cáo cá nhân (D)	0,4
5	Đánh giá của cơ sở thực hành (E)	0,1
	ĐMH = A x 0,1 + B x 0,2 + C x 0,2 + D x 0,4 + E x 0,1	

11. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt:

A (8,5 – 9,1); A+ (9,2 – 10): Giỏi

B (7,0 – 7,6); B+ (7,7 – 8,4): Khá

C (5,5 – 6,1); C+ (6,2 – 6,9): Trung bình

+ Loại không đạt:

D (4,0 – 4,6); D+ (4,7 – 5,4): Trung bình yếu

F (dưới 2,0); F+ (2,0 – 3,9): Kém

12. Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian *(giờ)*		
			Tổng số	LT	ThH/TL
1	***Chủ đề thực hành*** - Lựa chọn chủ đề thực hành - Xây dựng muc tiêu thực hành - Thống nhất kế hoạch thực hành và mục tiêu thực hành	[1], [2]	10	10	
2	Seminar - Tham dự các báo cáo, hội thảo, seminar liên quan tới chủ đề - Chuẩn bị seminar trình bày trước cơ sở thực hành của cá nhân học viên - Trình bày seminar trước cơ sở thực hành và giáo viên kiếm huấn	[1]	15		15
3	Triển khai thực hành tại thực địa Làm việc với thân chủ theo kế hoạch thực hành Hỗ trợ, can thiệp, thực hành những nội dung lý thuyết vào thực tiễn	[1], [2] [3]	45		45
4	Trình bày báo cáo thực nghiệm với chủ đề được lựa chọn - Chuẩn bị báo cáo - Thông qua báo cáo với kiểm huấn viên - Trình bày báo cáo thực nghiệm - Viết báo cáo tổng hợp	[1], [4]	20	20	
	Tổng số		**90**	**30**	**60**

Ghi chú: LT: Lý thuyết; ThH: Thực hành; TL: Thảo luận; KT: Kiểm tra

B. Nội dung chi tiết

Hướng dẫn theo kế hoạch

13. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Giảng viên cần chuẩn bị slide bài giảng, câu hỏi thảo luận, giới thiệu nguồn tham khảo thực tế.

- Nên sử dụng phương pháp thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.

- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
THỰC HÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI CHUYÊN SÂU 2
SPECIALIZED SOCIAL WORK PRACTICE 2

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLĐXH ngày / /2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

1. **Tên học phần (tiếng Việt):** Thực hành công tác xã hội chuyên sâu 2
   Mã học phần: CTX 311
2. **Tên học phần (tiếng Anh):** Specilized Social work Practice 2
3. **Số tín chỉ:** 02
4. **Điều kiện tiên quyết:** Công tác xã hội với An sinh xã hội
5. **Giảng viên tham gia giảng dạy**

TT	Họ và tên, chức danh, học vị	Điện thoại liên hệ	Email
1	TS. Nguyễn Trung Hải	0985.869090	Haitrungnguyen1979@gmail.com
2	TS. Đặng Quang Trung	0979672464	trungulsa@gmail.com

6. **Mục tiêu của học phần**

- *Kiến thức:* Học viên sẽ vận dụng các kiến thức chuyên sâu của công tác xã hội vào làm việc với người dân và các nhóm đối tượng tại cộng đồng, sau khi kết thúc học phần:

+ Học viên có thể miêu tả cụ thể các hoạt động công tác xã hội đang được triển khai tại cộng đồng trong việc trợ giúp đối tượng yếu thế tại cộng đồng.

+ Miêu tả và phân tích những lý thuyết được vận dụng trong phương pháp trợ giúp này

- *Kỹ năng:* Có khả năng vận dụng tốt các kỹ năng trong phương pháp phát triển cộng đồng vào hoạt động can thiệp nhóm yếu thế tại cộng đồng như kỹ năng vận động, biện hộ, huy động nguồn lực cộng đồng (chính quyền, người dân, các cơ quan tổ chức...)...

- *Thái độ:* Đảm bảo thực hành tốt các chuẩn mực đạo đức, giá trị, nguyên tắc của phương pháp phát triển cộng đồng vào trợ giúp đối tượng

7. **Mô tả vắn tắt nội dung của học phần**

Trong môn học này, học viên sẽ được vận dụng các kiến thức chuyên sâu của công tác xã hội vào làm việc với người dân và các nhóm đối tượng tại cộng đồng. Cụ thể là học viên sẽ vận dụng thái độ, nguyên tắc, tiến trình, kỹ năng công tác xã hội để phân tích đánh giá các hoạt động công tác xã hội đang được triển khai tại cộng đồng trong việc trợ giúp đối tượng. Ngoài ra, với sự kiểm huấn sát sao, học viên cũng sẽ tham gia trực tiếp vào thực hiện các hoạt động công tác xã hội nhằm hỗ trợ trực tiếp các nhóm đối tượng yếu thế tại cộng đồng thông qua việc huy động sức mạnh và sự tham gia của người dân, các cơ quan tổ chức và chính quyền địa phương.

8. Nhiệm vụ của học viên

- Lựa chọn chủ đề thực hành
- Xây dựng muc tiêu thực hành
- Thống nhất kế hoạch thực hành và mục tiêu thực hành
- Tham dự các báo cáo, hội thảo, seminar liên quan tới chủ đề
- Chuẩn bị seminar trình bày trước cơ sở thực hành của cá nhân học viên
- Trình bày seminar trước cơ sở thực hành và giáo viên kiểm huấn
- Làm việc với thân chủ theo kế hoạch thực hành
- Hỗ trợ, can thiệp, thực hành những nội dung lý thuyết vào thực tiễn
- Trình bày báo cáo thực nghiệm với chủ đề được lựa chọn
- Chuẩn bị báo cáo
- Thông qua báo cáo với kiểm huấn viên
- Trình bày báo cáo thực nghiệm
- Viết báo cáo tổng hợp

9. Tài liệu học tập

- *Tài liệu bắt buộc:*

[1] Nhóm tác giả (2018). Hướng dẫn thực hành. Tài liệu Trường Đại học Lao động - Xã hội

- *Tài liệu tham khảo:*

[2] Regina University, (2009) Field Guides,

[3] Học viện Phụ nữ Philipines, tài liệu hướng dẫn thực hành cho sinh viên theo học thạc sỹ, chuyên ngành công tác xã hội

[4] Trường đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh (2011) Sổ tay hướng dẫn thực hành Bogo

10. Hình thức và phương pháp đánh giá học phần

- Hình thức đánh giá: Nộp báo cáo (Tiểu luận)

- Phương thức đánh giá học phần

TT	Căn cứ đánh giá	Trọng số
1	Tham gia kiểm huấn trước thực hành (A)	0,1
2	Tham gia kiểm huấn tại nơi thực hành (B)	0,2
3	Nhật ký cá nhân (C)	0,2
4	Báo cáo cá nhân (D)	0,4
5	Đánh giá của cơ sở thực hành (E)	0,1
	ĐMH = A x 0,1 + B x 0,2 + C x 0,2 + D x 0,4 + E x 0,1	

11. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt:

A (8,5 – 9,1); A+ (9,2 – 10): Giỏi

B (7,0 – 7,6); B+ (7,7 – 8,4): Khá

C (5,5 – 6,1); C+ (6,2 – 6,9): Trung bình

+ Loại không đạt:

D (4,0 – 4,6); D+ (4,7 – 5,4): Trung bình yếu

F (dưới 2,0); F+ (2,0 – 3,9): Kém

12. Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian *(giờ)*		
			Tổng số	LT	ThH/TL
1	***Chủ đề thực hành*** - Lựa chọn chủ đề thực hành - Xây dựng muc tiêu thực hành - Thống nhất kế hoạch thực hành và mục tiêu thực hành	[1],[3]	10	10	
2	Seminar - Tham dự các báo cáo, hội thảo, seminar liên quan tới chủ đề - Chuẩn bị seminar trình bày trước cơ sở thực hành của cá nhân học viên - Trình bày seminar trước cơ sở thực hành và giáo viên kiếm huấn	[2],[3]	15		15
3	Triển khai thực hành tại thực địa Làm việc với thân chủ theo kế hoạch thực hành Hỗ trợ, can thiệp, thực hành những nội dung lý thuyết vào thực tiễn	[2],[4]	45		45

4	Trình bày báo cáo thực nghiệm với chủ đề được lựa chọn - Chuẩn bị báo cáo - Thông qua báo cáo với kiểm huấn viên - Trình bày báo cáo thực nghiệm - Viết báo cáo tổng hợp	[1],[3]	20	20	
	Tổng số		**90**	**30**	**60**

Ghi chú: LT: Lý thuyết; ThH: Thực hành; TL: Thảo luận; KT: Kiểm tra

Hướng dẫn theo kế hoạch

13. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Giảng viên cần chuẩn bị slide bài giảng, câu hỏi thảo luận, giới thiệu nguồn tham khảo thực tế.

- Nên sử dụng phương pháp thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.

- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
PHÚC LỢI GIA ĐÌNH VÀ TRẺ EM
CHILD AND FAMILY WELFARE

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLĐXH ngày / /2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

1. **Tên học phần (tiếng Việt):** Phúc lợi gia đình và trẻ em
   Mã học phần: CTX 312
2. **Tên học phần (tiếng Anh):** Child and family welfare
3. **Số tín chỉ:** 03
4. **Điều kiện tiên quyết:** Công tác xã hội với An sinh xã hội
5. **Giảng viên tham gia giảng dạy**

TT	Họ và tên, chức danh, học vị	Điện thoại liên hệ	Email
1	TS. Nguyễn Thị Hoài An	0912338618	hoaianctxh34@gmail.com
2.	PGS. TS. Nguyễn Thị Thái Lan	0902277361	Thailan1974@gmail.com

6. Mục tiêu của học phần

- *Kiến thức*: Học phần nhằm trang bị kiến thức chuyên sâu, có tính lý luận và thực tiễn về phúc lợi xã hội gia đình và trẻ em.

- *Kỹ năng*: Học viên có khả năng phân tích và vận dụng vào quá trình làm việc về các vấn đề hỗ trợ liên quan đến phúc lợi gia đình và trẻ em, đưa ra những đề xuất nâng cao hiệu quả của các chương trình và hoạt động phúc lợi xã hội hiện nay ở nước ta.

- *Thái độ*: Học viên từ việc hiểu về những vấn đề chung về phúc lợi gia đình và trẻ em từ đó học viên sẽ hình thành thái độ tôn trọng, cảm thông, yêu thương và bảo vệ trẻ.

7. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Học phần giúp học viên nắm được kiến thức tổng quan về phúc lợi gia đình và trẻ em. Học phần đề cập đến các khái niệm phúc lợi xã hội, các thể chế pháp luật, các phương pháp tiếp cận quốc tế, mô hình phúc lợi xã hội ở các nước cũng như ở Việt Nam. Học phần cung cấp cho học viên các kiến thức mục đích ,vai trò của phúc lợi xã hội, hệ thống cung cấp dịch vụ phúc lợi cho gia đình và trẻ em, các chương trình hỗ trợ trẻ em và gia đình, các vấn đề phúc lợi trẻ em hiện nay của Việt Nam. Học phần đồng thời giúp người học hiểu và phân tích được các vấn đề chính mà trẻ em và gia đình phải đối mặt, các tác động của các vấn đề xã hội đến sự phát triển của các dịch vụ xã hội cho gia đình và trẻ em.

8. Nhiệm vụ của học viên

- Thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu của giáo viên
- Tích cực phát biểu xây dựng bài, tích cực tham gia các bài thảo luận nhóm

- Thực hiện 01 bài kiểm tra giữa kỳ (hết 2/3 nội dung chương trình)

- Hoàn thành bài thi kết thúc học phần

9. Tài liệu học tập

- *Tài liệu bắt buộc:*

[1] ADB, 2018, thách thức tài khóa, tài chính cho ASXH

[2] Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, UNICEF (2010), Phân tích hệ thống dịch vụ phúc lợi và bảo vệ trẻ em và gia đình tại Việt Nam

- *Tài liệu tham khảo:*

[3] Child Welfare Information Gateway. (2016). *Determining the best interests of the child.* Washington, DC: U.S. Department of Health and Human Services, Children's Bureau.

[4] Nguyễn Hải Hữu(2020), Nhập môn An sinh xã hội, *Đại học Lao động xã hội*

[5] Trần Hữu Quang, 2012, Hệ thống an sinh xã hội theo mô hình nhà nước phúc lợi và mô hình nhà nước xã hội, và việc vận dụng vào Việt Nam.

[6] Anyon, Y. (2010). Reducing racial disparities and disproportionalities in the child

[7] Liên hợp quốc (UN): *Báo cáo hạnh phúc thế giới 2019*

[8] Luật trẻ em, 2016

[9] Lietz, C. A. (2009). Critical thinking in child welfare supervision. Administration in Social Work

10. Hình thức và phương pháp đánh giá học phần

- Hình thức đánh giá: Thi viết

- Phương thức đánh giá học phần

TT	Căn cứ đánh giá	Trọng số
1	Tham gia học tập, thảo luận trên lớp (A)	0,1
2	Bài tập, tiểu luận, kiểm tra (B)	0,3
3	Thi kết thúc học phần (C)	0,6
	ĐMH = A x 0,1 + B x 0,3 + C x 0,6	

11. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt:

A (8,5 – 9,1); A+ (9,2 – 10): Giỏi

B (7,0 – 7,6); B+ (7,7 – 8,4): Khá

C (5,5 – 6,1); C+ (6,2 – 6,9): Trung bình

+ Loại không đạt:

D (4,0 – 4,6); D+ (4,7 – 5,4): Trung bình yếu

F (dưới 2,0); F+ (2,0 – 3,9): Kém

12. Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian *(giờ)*			Tự học *(giờ)*
			Tổng số	LT	KT	
1	Chương 1. Những vấn đề cơ bản về phúc lợi gia đình và trẻ em	[1],[5], [6],[7]	5	5		10
2	Chương 2. Các phương pháp tiếp cận phúc lợi gia đình và trẻ em ở một số nước trên thế giới và ở Việt Nam	[3] [6] [4]	10	10		20
3	Chương 3. Hệ thống dịch vụ phúc lợi và bảo vệ trẻ em và gia đình tại việt nam	[8] [6] [2]	15	14	1	30
4	Chương 4. Các vấn đề phúc lợi trẻ em hiện nay ở Việt Nam	[9];[10]	15	15		30
	Tổng số		**45**	**44**	**1**	**90**

Ghi chú: LT: Lý thuyết; ThH: Thực hành; TL: Thảo luận; KT: Kiểm tra

B. Nội dung chi tiết

CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHÚC LỢI GIA ĐÌNH VÀ TRẺ EM

1.1. Khái niệm

1.1.1. Khái niệm phúc lợi xã hội

1.1.2. Khái niệm phúc lợi trẻ em

1.1.3.Khái niệm phúc lợi gia đình và trẻ em

1.2 Mục đích và vai trò của phúc lợi gia đình và trẻ em

1.2.1. Mục đích

1.2.1 Vai trò

1.3. Các khái niệm, thuật ngữ liên quan phúc lợi gia đình và trẻ em

1.3.1. An sinh xã hội

1.3.2. Chính sách xã hội

1.3.3. Bảo trợ xã hội

1.3.4. Bảo đảm xã hội

1.3.5 Trợ giúp xã hội

1.4. Thể chế phúc lợi gia đình và trẻ em ở Việt Nam hiện nay

1.4.1. Thể chế chính sách liên quan phúc lợi gia đình và trẻ em

1.4.2. Thể chế về hệ thống tổ chức và nhân lực trong phúc lợi gia đình và trẻ em

1.4.3. Thể chế về tài chính phúc lợi gia đình và trẻ em

1.5 Các thể chế khác liên quan đến phúc lợi gia đình và trẻ em

CHƯƠNG 2. CÁC PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN PHÚC LỢI GIA ĐÌNH VÀ TRẺ EM Ở MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI VÀ Ở VIỆT NAM

2.1. Các phương pháp tiếp cận phúc lợi gia đình và trẻ em ở một số nước

2.1.1 Phương pháp tiếp cận phúc lợi gia đình và trẻ em của một số nước Châu Á

2.1.2 Phương pháp tiếp cận phúc lợi gia đình và trẻ em của một số nước Châu Âu

2.2. Phương pháp tiếp cận phúc lợi gia đình và trẻ em ở Việt Nam

2.3 Một số quan điểm tiếp cận trong phúc lợi trẻ em và gia đình

2.3.1. Tiếp cận theo quyền con người/ quyền trẻ em

2.3.2. Tiếp cận theo nhu cầu

CHƯƠNG 3. HỆ THỐNG DỊCH VỤ PHÚC LỢI BẢO VỆ TRẺ EM VÀ GIA ĐÌNH TẠI VIỆT NAM

3.1 Hệ thống cung cấp dịch vụ phúc lợi gia đình và trẻ em

3.1.1 Dịch vụ phòng ngừa

3.1.2 Dịch vụ can thiệp sớm

3.1.3 Dịch vụ can thiệp khẩn cấp

3.1.4 Chăm sóc thay thế

3.1.5 Chăm nuôi tạm thời

3.1.6 Nhận con nuôi

3.1.7 Chăm sóc tập trung

3.1.8 Giám sát

3.1.9. Giám hộ

3.2. Vai trò và chức năng của các bên tham gia vào hệ thống dịch vụ phúc lợi và bảo vệ trẻ em và gia đình

3.2.1 Vai trò của các bên tham gia vào hệ thống phúc lợi gia đình và trẻ em

3.2.2. Chức năng của các bên tham gia vào vào hệ thống phúc lợi gia đình và trẻ em

3.3. Các chương trình phúc lợi gia đình và trẻ em ở Việt Nam

CHƯƠNG 4. CÁC VẤN ĐỀ PHÚC LỢI GIA ĐÌNH VÀ TRẺ EM HIỆN NAY Ở VIỆT NAM

4.1. Những vấn đề ảnh hưởng đến thực hiện phúc lợi trẻ em và gia đình

4.1.1. Ảnh hưởng của nghèo đói và phân biệt đối xử đe doạ hạnh phúc của các gia đình và trẻ em

4.1.2. Giới và bình đẳng giới trong phúc lợi gia đình và trẻ em

4.1.3 Toàn cầu hoá và những tác động

4.2. Những vấn đề gia đình, trẻ em hiện nay đang đối mặt

4.2.1 Tình trạng phạm pháp ở tuổi vị thành niên,

4.2.2. Trẻ em và gia đình trong các nguy cơ thảm hoạ thiên tai

4.2.3. Tử vong ở trẻ em

4.2.4. Sức khoẻ tâm thần ở trẻ em và cha mẹ

13. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Giảng viên cần chuẩn bị slide bài giảng, câu hỏi thảo luận, giới thiệu nguồn tham khảo thực tế.
- Nên sử dụng phương pháp thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.
- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
PHUC HỒI CHỨC NĂNG NGƯỜI KHUYẾT TẬT DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG
FUNCTION DEVELOPMENT FOR PEOPLE WITH DISABILITY BASED COMMUNITY

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLĐXH ngày / /2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Phục hồi chức năng người khuyết tật dựa vào cộng đồng; **Mã học phần:** CTX 313

2. Tên học phần (tiếng Anh): Function development for People with disability based community

3. Số tín chỉ: 03

4. Điều kiện tiên quyết: Công tác xã hội với An sinh xã hội

5. Giảng viên tham gia giảng dạy

TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Điện thoại liên hệ	Email
1	TS. Hà Thị Thư	0914911102	thuulsa@yahoo.com
2	TS. Tiêu Thị Minh Hường	0975126800	Huongulsa0372@gmail.com

6. Mục tiêu của học phần

- *Về kiến thức:* Học viên có khả trình bày những tri thức cơ bản phân loại khuyết tật, mô hình khuyết tật, các nguyên tắc, mục tiêu và vai trò của nhân viên xã hội trong PHCNDVCĐ cho người khuyết tật

- *Về kỹ năng:* Học viên có khả năng thực hiện việc PHCNDVCĐ cho người khuyết tật trên năm lĩnh vực y tế, giáo dục, xã hội, sinh kế và tăng quyền.

- *Thái độ:* Học viên biết tôn trọng, chấp nhận và quan điểm đúng đắn về khuyết tật, người khuyết tật và PHCNDVCĐ cho người khuyết tật.

7. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Học phần trình bày những kiến thức tổng quan, cơ bản, hệ thống về khuyết tật và người khuyết tật, phân loại khuyết tật, mô hình khuyết tật, kiến thức về Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng và năm lĩnh vực cơ bản trong phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng cho người khuyết tật (y tế, giáo dục, sinh kế, xã hội và tăng quyền).

8. Nhiệm vụ của học viên

- Thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu của giáo viên
- Tích cực phát biểu xây dựng bài, tích cực tham gia các bài thảo luận nhóm
- Thực hiện 01 bài kiểm tra giữa kỳ
- Hoàn thành bài thi kết thúc học phần

9. Tài liệu học tập

- *Tài liệu bắt buộc:*

[1] OMS/UNESCO/OIT/OPS/IDDC (Cục Bảo trợ xã hội – Bộ LĐ-TB và XH được trao dịch thuật bởi Tổ chức y tế Thế giới), *Sách giới thiệu- Hướng dẫn về phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng* , xuất bản bởi Tổ chức y tế thế giới, 2010.

[2] OMS/UNESCO/OIT/OPS/IDDC (Cục Bảo trợ xã hội – Bộ LĐ-TB và XH được trao dịch thuật bởi Tổ chức y tế Thế giới), *Hợp phần y tế- Hướng dẫn về phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng* , xuất bản bởi Tổ chức y tế thế giới, 2010.

[3] OMS/UNESCO/OIT/OPS/IDDC (Cục Bảo trợ xã hội – Bộ LĐ-TB và XH được trao dịch thuật bởi Tổ chức y tế Thế giới), *Hợp phần giáo dục- Hướng dẫn về phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng* , xuất bản bởi Tổ chức y tế thế giới, 2010.

[4] OMS/UNESCO/OIT/OPS/IDDC (Cục Bảo trợ xã hội – Bộ LĐ-TB và XH được trao dịch thuật bởi Tổ chức y tế Thế giới), *Hợp phần sinh kế- Hướng dẫn về phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng,* xuất bản bởi Tổ chức y tế thế giới, 2010.

- Tài liệu tham khảo:

[5] OMS/UNESCO/OIT/OPS/IDDC (Cục Bảo trợ xã hội – Bộ LĐ-TB và XH được trao dịch thuật bởi Tổ chức y tế Thế giới), *Hợp phần xã hội- Hướng dẫn về phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng*, xuất bản *bởi* Tổ chức y tế thế giới, 2010.

[6] OMS/UNESCO/OIT/OPS/IDDC (Cục Bảo trợ xã hội – Bộ LĐ-TB và XH được trao dịch thuật bởi Tổ chức y tế Thế giới), *Hợp phần tăng cường quyền năng - Hướng dẫn về phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng*, xuất bản bởi Tổ chức y tế thế giới, 2010.

10. Hình thức và Phương pháp đánh giá học phần

- Hình thức đánh giá: Thi viết

- Phương thức đánh giá học phần:

TT	Căn cứ đánh giá	Trọng số
1	Tham gia học tập, thảo luận trên lớp (A)	0,1
2	Bài tập, tiểu luận, kiểm tra (B)	0,3
3	Thi kết thúc học phần (C)	0,6
ĐMH = A x 0,1 + B x 0,3 + C x 0,6		

11. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt:

A (8,5 – 9,1); A+ (9,2 – 10): Giỏi

B (7,0 – 7,6); B+ (7,7 – 8,4): Khá

C (5,5 – 6,1); C+ (6,2 – 6,9): Trung bình

+ Loại không đạt:

D (4,0 – 4,6); D+ (4,7 – 5,4): Trung bình yếu

F (dưới 2,0); F+ (2,0 – 3,9): Kém

12. Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Nội dung		Phân bổ thời gian (giờ)			
		Tài liệu	Tổng số	Lý thuyết	KT	Tự học
1	Chương 1: Tổng quan về khuyết tật và phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng cho người khuyết tật	[1], [7], [12]	6	6		12
2	Chương 2: Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng trong lĩnh vực y tế	[2]	6	6		12
3	Chương 3: Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng trong lĩnh vực giáo dục	[3]	8	7	1	16
4	Chương 4: Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng trong lĩnh vực sinh kế	[4]	7	7		14
5	Chương 5: Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng trong lĩnh vực xã hội	[5]	9	9		18
6	Chương 6: Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng`trong lĩnh vực tăng quyền	[5], [6]	8	8		16
	Tổng		**45**	**44**	**1**	**90**

B. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ KHUYẾT TẬT VÀ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG CHO NGƯỜI KHUYẾT TẬT

1.1. Khái niệm chung về khuyết tật

1.1.1. Khái niệm

1.1.2. Phân loại Quốc tế về chức năng, khuyết tật và sức khỏe (ICF- International classification of Functioning, Health and Disability)

1.1.3. Các quan điểm/mô hình khuyết tật

1.2. Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng

1.2.1. Lịch sử PHCNDVCĐ Quốc tế và Việt Nam

1.2.2. Khái niệm PHCNDVCĐ

1.2.3. Nguyên tắc của PHCNDVCĐ

1.2.4. Mục tiêu của PHCNDVCĐ cho người khuyết tật

1.2.5. Vai trò của nhân viên xã hội trong PHCNDVCĐ cho người khuyết tật

1.2.6. Rào cản đối với người khuyết tật trong hoạt động PHCNDVCĐ

1.3. Quản lý phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng

1.3.1. Khái niệm
1.3.2. Cấu trúc quản lý đối với phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng
1.3.3. Chu trình quản lý phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng
CHƯƠNG 2. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG TRONG LĨNH VỰC Y TẾ
2.1. Sức khỏe và các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe
2.1.1. Sức khỏe và chăm sóc sức khỏe
2.2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe
2.2.3. Mục tiêu PHCNDVCĐ trong lĩnh vực sức khỏe
2.2. Các thành tố trong lĩnh vực y tế
2.2.1. Nâng cao sức khỏe
2.2.2. Dự phòng
2.2.3. Chăm sóc y tế
2.2.4. Phục hồi chức năng
2.2.5. Thiết bị trợ giúp
CHƯƠNG 3. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC
3.1. Giáo dục và khái niệm liên quan
3.1.1. Giáo dục
3.1.2. Một số khái niệm liên quan
3.1.3. Mục tiêu của phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng trong lĩnh vực giáo dục
3.2. Các thành tố của lĩnh vực giáo dục
3.2.1. Chăm sóc và giáo dục mầm non
3.2.2. Giáo dục tiểu học
3.2.3. Giáo dục trung học và đại học
3.2.4. Giáo dục không chính quy
3.2.5. Học tập suốt đời
CHƯƠNG 4. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG TRONG LĨNH VỰC SINH KẾ
4.1. Khái niệm chung về sinh kế
4.1.1. Các khái niệm chính
4.1.2. Mục tiêu của phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng trong lĩnh vực sinh kế
4.2. Các thành tố của lĩnh vực sinh kế
4.2.1. Phát triển kỹ năng
4.2.2. Tự tạo việc làm/việc làm tự do
4.2.3. Việc làm hưởng lương
4.2.4. Các dịch vụ tài chính
4.2.5. An sinh xã hội
CHƯƠNG 5. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG TRONG LĨNH VỰC XÃ HỘI
5.1. Vai trò của xã hội và tầm quan trọng của vai trò xã hội

5.1.1. Vai trò của xã hội

5.2.2. Tầm quan trọng của vai trò xã hội

5.1.3. Mục tiêu của phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng trong lĩnh vực xã hội

5.2. Các thành tố của lĩnh vực sinh kế

5.2.1. Trợ giúp cá nhân

5.2.2. Các mối quan hệ hôn nhân và gia đình

5.2.3. Văn hóa và nghệ thuật

5.2.4. Vui chơi, giải trí và thể thao

5.2.5. Tư pháp

CHƯƠNG 3. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG TRONG LĨNH VỰC TĂNG QUYỀN

6.1. Khái niệm chung

6.1.1. Khái niệm

6.2.2. Các yếu tố tham gia vào quá trình tăng quyền

6.1.3. Mục tiêu của phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng trong lĩnh vực tăng quyền

6.2. Các thành tố trong lĩnh vực tăng quyền

6.2.1. Tự vận động ủng hộ và giao tiếp

6.2.2. Huy động cộng đồng

6.2.3. Tham gia vào lĩnh vực chính trị

6.2.4. Các nhóm tự lực

6.2.5. Các tổ chức của người khuyết tật

13. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Giảng viên cần chuẩn bị slide bài giảng, câu hỏi thảo luận, giới thiệu nguồn tham khảo thực tế.
- Nên sử dụng phương pháp thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.
- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
QUẢN LÝ TRƯỜNG HỢP VỚI TRẺ EM BỊ XÂM HẠI TRONG TRƯỜNG HỌC
CASE MANAGEMENT WITH CHILD ABSUSED IN SCHOOL

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLĐXH ngày / /2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Quản lý trường hợp với trẻ em bị xâm hại trong trường học
Mã học phần: CTX 314

2. Tên học phần (tiếng Anh): Case management with child abused in school

3. Số tín chỉ: 03

4. Điều kiện tiên quyết: Công tác xã hội với An sinh xã hội

5. Giảng viên tham gia giảng dạy

TT	Họ và tên, chức danh, học vị	Điện thoại liên hệ	Email
1	TS. Nguyễn Trung Hải	0985.869090	Haitrungnguyen1979@gmail.com
2	TS. Đặng Quang Trung	0979672464	trungulsa@gmail.com

6. Mục tiêu của học phần

- *Kiến thức:* Học phần nhằm trang bị kiến thức chuyên sâu, có tính lý luận và thực tiễn về hoạt động quản lý trường hợp với trẻ em bị xâm hại trong trường học.

- *Kỹ năng:* Học viên có khả năng phân tích và vận dụng vào quá trình làm việc với trẻ bị xâm hại trong trường học, đưa ra những đề xuất nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý trường hợp trong can thiệp với trẻ bị xâm hại trong trường học hiện nay ở nước ta.

- *Thái độ:* Học viên từ việc hiểu về những vấn đề chung về trẻ em bị xâm hại trong trường học sẽ hình thành thái độ tôn trọng, cảm thông, yêu thương và bảo vệ trẻ.

7. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Học phần này phân tích về các hoạt động quản lý trương hợp với trẻ em bị xâm hại trong trường học. Học phần đề cập đến những vấn đề chung về trẻ và trẻ bị xâm hại, gồm các khái niệm, nguyên tắc, vai trò của quản lý trường hợp với trẻ bị xâm hại.. .Tiếp đó là quy trình quản lý trường hợp và các kỹ năng sử dụng trong quản lý trường hợp với trẻ em bị xâm hại trong trường học

8. Nhiệm vụ của học viên:

- Thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu của giáo viên
- Tích cực phát biểu xây dựng bài, tích cực tham gia các bài thảo luận nhóm
- Thực hiện 01 bài kiểm tra giữa kỳ (hết 2/3 nội dung chương trình)
- Hoàn thành bài thi kết thúc học phần

9. Tài liệu học tập

- *Tài liệu bắt buộc:*

[1] Hoàng Phê (2003), "*Từ điển Tiếng Việt",* NXB Hồng Đức.

[2] Nguyễn Hiệp Thương và cộng sự (2020), Đại cương Công tác xã hội trong trường học, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam

[3] Nguyễn Trung Hải (2013), Quản lý trường hợp với người nghiện ma túy, Nhà

xuất bản Lao động – Xã hội.

- *Tài liệu tham khảo:*

[4]Luật số 102/2016/QH 13 ngày 5/4/2016 (Luật trẻ em).

[5]Sổ tay và chính sách bảo vệ trẻ em (2019), Renaissance International School Sai Gon,

[6]Nguyễn Thị Liên và cộng sự (2018), Tập bài giảng CTXH trong trường học, Trường ĐH Lao động Xã hội.

[7]Nguyễn Hồng Kiên (2018), Những vấn đề chung về công tác xã hội trường học, Trường Đại học Giáo dục – Đại học Quốc gia Hà Nội.

[8]Lương Quang Hưng và cộng sự (2019), CTXH với vấn đề bạo lực học đường, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.

10. Hình thức và phương pháp đánh giá học phần

- Hình thức đánh giá: Thi viết

- Phương thức đánh giá học phần

TT	Căn cứ đánh giá	Trọng số
1	Tham gia học tập, thảo luận trên lớp (A)	0,1
2	Bài tập, tiểu luận, kiểm tra (B)	0,3
3	Thi kết thúc học phần (C)	0,6
	ĐMH = A x 0,1 + B x 0,3 + C x 0,6	

11. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt:

A (8,5 – 9,1); A+ (9,2 – 10): Giỏi

B (7,0 – 7,6); B+ (7,7 – 8,4): Khá

C (5,5 – 6,1); C+ (6,2 – 6,9): Trung bình

+ Loại không đạt:

D (4,0 – 4,6); D+ (4,7 – 5,4): Trung bình yếu

F (dưới 2,0); F+ (2,0 – 3,9): Kém

12. Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian *(giờ)*			
			Tổng số	LT	KT	Tự học
1	Chương 1. Những vấn đề chung về trẻ em bị xâm hại	[1],[2], [4]	7	7		14

2	Chương 2. Những vấn đề chung về quản lý trường hợp với trẻ em bị xâm hại	[5],[7,] [8]	10	10		20
3	Chương 3. Quy trình quản lý trường hợp với trẻ em bị xâm hại trong trường học	[3]	15	14	1	30
4	Chương 4. Các kỹ năng quản lý trường hợp với trẻ em bị xâm hại trong trường học.	[6], [3]	13	13		26
	Tổng số		**45**	**44**	**1**	**90**

Ghi chú: LT: Lý thuyết; ThH: Thực hành; TL: Thảo luận; KT: Kiểm tra

B. Nội dung chi tiết

CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TRẺ EM BỊ XÂM HẠI

1.1. Khái niệm

1.1.1. Khái niệm trẻ em

1.1.2. Khái niệm xâm hại

1.1.3. Khái niệm trẻ em bị xâm hại

1.1.4. Khái niệm trẻ em bị xâm hại trong trường học

1.2. Một số hình thức xâm hại với trẻ em trong trường học

1.2.1. Xâm hại thể chất

1.2.2. Xâm hại tinh thần

1.3.3. Xâm hại tình dục

1.3.4. Trẻ bị bắt nạt

1.3.5. Trẻ bị bỏ mặc

1.3.6. An toàn trên mạng

1**.3. Một số nguyên nhân dẫn đến trẻ bị xâm hại trong trường học**

1.3.1. Bản thân trẻ

1.3.2. Gia đình

1.3.3. Nhà trường

1.3.4. Xã hội

1.3.5. Mạng internet

1.4. Nhu cầu của trẻ bị xâm hại trong trường học

1.4.1. Nhu cầu được an toàn

1.4.2. Nhu cầu chăm sóc y tế

1.4.3. Nhu cầu được hỗ trợ tâm lý

1.4.4. Nhu cầu hoà nhập xã hội

1.4.5. Nhu cầu khác

1.5. Một số văn bản luật, chính sách bảo vệ trẻ em trong trường học

1.5.1. Một số văn bản luật

1.5.2. Các chính sách bảo vệ trẻ em trong trường học

CHƯƠNG 2. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ QUẢN LÝ TRƯỜNG HỢP VỚI TRẺ EM BỊ XÂM HẠI

2.1. Các khái niệm

2.1.1. Khái niệm quản lý trường hợp

2.1.2. Khái niệm quản lý trường hợp với trẻ em bị xâm hại

2.2. Mục đích, ý nghĩa của quản lý trường hợp với trẻ em bị xâm hại

2.2.1. Mục đích

2.2.2. Ý nghĩa

2.3. Một số nhiệm vụ của nhân viên quản lý trường hợp trong trường học

2.3.1. Phát hiện, đánh giá các nguy cơ

2.3.2. Phòng ngừa

2.3.3. Can thiệp trợ giúp

2.3.4. Hỗ trợ phát triển

2.3.5. Khác

CHƯƠNG 3. QUY TRÌNH QUẢN LÝ TRƯỜNG HỢP VỚI TRẺ EM BỊ XÂM HẠI TRONG TRƯỜNG HỌC

3.1. Tiếp nhận và thu thập thông tin

3.1.1. Tiếp nhận thông báo

3.1.2. Thu thập thông tin ban đầu

3.1.3. Chuẩn bị hồ sơ trường hợp

3.1.4. Đánh giá sơ bộ về nguy cơ

3.1.5. Thiết lập mối quan hệ với thân chủ

3.2. Đánh giá

3.2.1. Mục đích của đánh giá

3.2.2. Các loại đánh giá (đánh giá sơ bộ và chi tiết)

3.3. Lập kế hoạch

3.3.1. Các yêu cầu lập kế hoạch can thiệp

3.3.2. Tham gia trong lập kế hoạch can thiệp

3.3.3. Các bước lập kế hoạch can thiệp

3.4. Thực hiện kế hoạch

3.4.1. Nguyên tắc triển khai kế hoạch can thiệp

3.4.2. Các bước thực hiện kế hoạch

3.5. Theo dõi, đánh giá

3.5.1. Theo dõi

3.5.2. Đánh giá

3.6. Kết thúc

3.6.1. Trường hợp kết thúc sự trợ giúp với thân chủ

3.6.2. Trường hợp không thúc sự trợ giúp với thân chủ

CHƯƠNG 4. CÁC KỸ NĂNG QUẢN LÝ TRƯỜNG HỢP VỚI TRẺ EM BỊ XÂM HẠI TRONG TRƯỜNG HỌC

4.1. Kỹ năng vận động nguồn lực

4.1.1. Khái niệm

4.1.1. Cách thức thực hiện

4.1.2. Vận dụng

4.2. Kỹ năng liên kết, chuyển gửi

4.2.1. Khái niệm

4.2.2. Cách thức thực hiện

4.2.3. Vận dụng

4.3. Kỹ năng điều phối

4.3.1. Khái niệm

4.3.1. Cách thức thực hiện

4.3.2. Vận dụng

4.4. Kỹ năng ghi chép và quản lý hồ sơ

4.4.1. Khái niệm

4.4.1. Cách thức thực hiện

4.4.2. Vận dụng

4.5. Kỹ năng biện hộ

4.5.1. Khái niệm

4.5.1. Cách thức thực hiện

4.5.2. Vận dụng

13. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Giảng viên cần chuẩn bị slide bài giảng, câu hỏi thảo luận, giới thiệu nguồn tham khảo thực tế.

- Nên sử dụng phương pháp thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.

- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
QUẢN LÝ TRƯỜNG HỢP VỚI NGƯỜI TÂM THẦN
CASE MANAGEMENT WITH METAL DISORDER PERSON

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLĐXH ngày / /2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Quản lý trường hợp với người tâm thần;
Mã học phần: CTX 315

2. Tên học phần (tiếng Anh): Case management with metal disorder person

3. Số tín chỉ: 03

4. Điều kiện tiên quyết: Công tác xã hội với An sinh xã hội

5. Giảng viên tham gia giảng dạy: thiếu

TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Điện thoại liên hệ	Email
1	PGS. TS Nguyễn Hồi Loan	0912048484	nguyenhoiloan@gmail.com
2	TS. Nguyễn Trung Hải	0985869090	hainguyentrung1979@gmail.com

6. Mục tiêu của học phần

- *Về kiến thức:* Học phần nhằm trang bị kiến thức chuyên sâu, có tính lý luận và thực tiễn về quản lý trường hợp với người tâm thần.

- *Về kỹ năng:* Học viên có khả năng thực hiện quy trình quản lý trường hợp và áp dụng những kỹ năng trong quá trình làm việc với người tâm thần.

- *Về thái độ:* Học viên từ việc hiểu về quy trình quản lý trường hợp, mục đích cũng như kỹ năng trong thực hành quản lý trường hợp từ đó sẽ hình thành thái độ ứng xử nghề nghiệp phù hợp với người tâm thần và gia đình họ.

7. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Học phần này cung cấp những kiến thức về quản lý trường hợp với người tâm thần. Học phần đề cập đến các nội dung như mục đích, nguyên tắc , vai trò của quản lý trường hợp với người tâm thần. Bên cạnh đó học phần cũng đưa ra quy trình quản lý trường hợp tròng chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần cũng như những kỹ năng cần thiết trong quá trình thực hiện quản lý trường hợp với người tâm thần.

8. Nhiệm vụ của học viên

- Thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu của giáo viên
- Tích cực phát biểu xây dựng bài, tích cực tham gia các bài thảo luận nhóm
- Thực hiện 01 bài kiểm tra giữa kỳ (hết 2/3 nội dung chương trình)
- Hoàn thành bài thi kết thúc học phần

9. Tài liệu học tập: bổ sung

- *Tài liệu bắt buộc:*

[1] Nguyễn Thị Thanh Hương (2016). Quản lý trường hợp với người tâm thần. Nhà xuất bản LĐXH

- Tài liệu tham khảo:

[2] Bộ Lao động- Thương Binh và Xã hội (2010). Hướng dẫn triển khai đề án trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng (giai đoạn 2011-2020). Nhà xuất bản thông tin và truyền thông.

[3] Thyer, Bruce A.; Wodarski, John S. (2007).*Social Work in Mental Health: an Evidence-Based Approach.* Hoboken, N.J.: J. Wiley.

10. Hình thức và Phương pháp đánh giá học phần

- Hình thức đánh giá: thi viết

- Phương thức đánh giá học phần:

TT	Căn cứ đánh giá	Trọng số
1	Tham gia học tập, thảo luận trên lớp (A)	0,1
2	Bài tập, tiểu luận, kiểm tra (B)	0,3
3	Thi kết thúc học phần (C)	0,6
ĐMH = A x 0,1 + B x 0,3 + C x 0,6		

11. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt:

A (8,5 – 9,1); A+ (9,2 – 10): Giỏi

B (7,0 – 7,6); B+ (7,7 – 8,4): Khá

C (5,5 – 6,1); C+ (6,2 – 6,9): Trung bình

+ Loại không đạt:

D (4,0 – 4,6); D+ (4,7 – 5,4): Trung bình yếu

F (dưới 2,0); F+ (2,0 – 3,9): Kém

12. Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Nội dung		Phân bổ thời gian (giờ)			
	Tài liệu	Tổng số	Lý thuyết	KT	Tự học
Chương 1. Những vấn đề chung về quản lý trường hợp	[1]	13	13		26
Chương 2. Quy trình quản lý trường hợp trong chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần	[1], [2]	15	14	1	30
Chương 3. Một số kỹ năng cơ bản trong thực hành quản lý trường hợp với người tâm thần	[1], [3]	17	17		34
Tổng		**45**	**44**	**1**	**90**

B. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ QUẢN LÝ TRƯỜNG HỢP

1.1. Mục đích của Quản lý trường hợp

1.2. Vai trò, nhiệm vụ và kỹ năng của nhân viên quản lý trường hợp làm công tác quản lý trường hợp

1.2.1. Vai trò

1.2.2. Nhiệm vụ và yêu cầu về kỹ năng đối với nhân viên quản lý trường hợp trong quản lý trường hợp với người có vấn đề tâm thần

1.3. Một số nguyên tắc trong quản lý trường hợp

1.3.1. Dịch vụ toàn diện

1.3.2. Dịch vụ liên tục

1.3.3. Đảm bảo công bằng

1.3.4. Dịch vụ chất lượng

1.3.5. Trao quyền

1.4. Khái quát các bước trong quy trình quản lý trường hợp

1.4.1. Tiếp nhận và đánh giá

1.4.2. Xây dựng kế hoạch can thiệp

1.4.3. Triển khai kế hoạch can thiệp

1.4.4. Giám sát, rà soát

1.4.5. Lượng giá và kết thúc

CHƯƠNG 2. QUY TRÌNH QUẢN LÝ TRƯỜNG HỢP TRONG CHĂM SÓC VÀ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG CHO NGƯỜI TÂM THẦN

2.1. Tiếp nhận và đánh giá người có vấn đề tâm thần

2.1.1. Tiếp nhận và đánh giá sơ bộ

2.1.2. Đánh giá

2.2. Lập kế hoạch quản lý trường hợp

2.2.1. Khái niệm về lập kế hoạch

2.2.2. Các phần của kế hoạch quản lý trường hợp

2.2.3. Quy trình lập kế hoạch quản lý trường hợp

2.2.4. Thời gian thực hiện các hoạt động trong bản kế hoạch quản lý trường hợp

2.3. Thực hiện kế hoạch

2.3.1. Một số hoạt động triển khai thực hiện kế hoạch

2.3.2. Một số chỉ dẫn và yêu cầu về thái độ của người cung cấp dịch vụ

2.4. Giám sát, rà soát

2.4.1. Giám sát

2.4.2. Rà soát

2.5. Lượng giá và kết thúc

2.5.1. Lượng giá

2.5.2. Kết thúc trường hợp

2.5.3. Kết thúc (Đóng/ chuyển gửi hồ sơ quản lý trường hợp)

13. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Giảng viên cần chuẩn bị slide bài giảng, câu hỏi thảo luận, giới thiệu nguồn tham khảo thực tế.
- Nên sử dụng phương pháp thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.
- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
QUẢN LÝ TRƯỜNG HỢP VỚI TRẺ TỰ KỶ
CASE MANAGEMENT WITH CHILD AUTISM

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLĐXH ngày / /2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Quản lý trường hợp với trẻ tự kỷ **Mã học phần:** CTX 316

2. Tên học phần (tiếng Anh): Case management with child autism

3. Số tín chỉ: 03

4. Điều kiện tiên quyết: Công tác xã hội với An sinh xã hội

5. Giảng viên tham gia giảng dạy

TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Điện thoại liên hệ	Email
1	TS. Nguyễn Trung Hải	0985869090	Hainguyentrung1979@gmail.com
2	TS. Đặng Quang Trung	0979672464	trungulsa@gmail.com

6. Mục tiêu của học phần

- *Về kiến thức:* Học phần nhằm trang bị kiến thức chuyên sâu, có tính lý luận và thực tiễn về quản lý trường hợp với trẻ tự kỷ.

- *Về kỹ năng:* Học viên có khả năng thực hiện quy trình quản lý trường hợp và áp dụng những kỹ năng trong quá trình làm việc với trẻ tự kỷ.

- *Về thái độ:* Học viên từ việc hiểu về quy trình quản lý trường hợp, mục đích cũng như kỹ năng trong thực hành quản lý trường hợp từ đó sẽ hình thành thái độ ứng xử nghề nghiệp phù hợp với trẻ tự kỷ và gia đình trẻ.

7. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Học phần này cung cấp những kiến thức về quản lý trường hợp với trẻ tự kỷ. Học phần đề cập đến các nội dung như mục đích, nguyên tắc , vai trò của quản lý trường hợp với trẻ tự kỷ. Bên cạnh đó học phần cũng đưa ra quy trình quản lý trường hợp trong chăm sóc và phục hồi chức năng cho trẻ tự kỷ cũng như những kỹ năng cần thiết trong quá trình thực hiện quản lý trường hợp với trẻ tự kỷ.

8. Nhiệm vụ của học viên

- Thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu của giáo viên
- Tích cực phát biểu xây dựng bài, tích cực tham gia các bài thảo luận nhóm
- Thực hiện 01 bài kiểm tra giữa kỳ (hết 2/3 nội dung chương trình)
- Hoàn thành bài thi kết thúc học phần

9. Tài liệu học tập

- *Tài liệu bắt buộc*

[1] Nguyễn Thị Liên (2016). Quản lý trường hợp với trẻ tự kỷ. NXB Lao động Xã hội

- Tài liệu tham khảo

[2] Nguyễn Trung Hải, Nguyễn Phương Anh (2016). Công tác xã hội với trẻ tự kỷ. NXB Lao động Xã hội

[3] Nguyễn Thị Thanh Hương (2014). Giáo trình Quản lý ca về chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần. Nhà xuất bản Lao động- Xã hội.

[4] Phạm Hương Trà, Phạm Trần Thăng Long (2016). Trẻ tự kỷ ở Việt Nam: một số thách thức cho gia đình, cộng đồng. Kỷ yếu Hội thảo quốc tế Công tác xã hội với gia đình và trẻ em. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

[5] Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội (2011). Hướng dẫn triển khai Đề án trợ giúp trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng giai đoạn 2011- 2020. Nhà xuất bản thông tin và truyền thông.

10. Hình thức và Phương pháp đánh giá học phần

- Hình thức đánh giá: Thi viết

- Phương thức đánh giá học phần:

TT	Căn cứ đánh giá	Trọng số
1	Tham gia học tập, thảo luận trên lớp (A)	0,1
2	Bài tập, tiểu luận, kiểm tra (B)	0,3
3	Thi kết thúc học phần (C)	0,6
ĐMH = A x 0,1 + B x 0,3 + C x 0,6		

11. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt:

A (8,5 – 9,1); A+ (9,2 – 10): Giỏi

B (7,0 – 7,6); B+ (7,7 – 8,4): Khá

C (5,5 – 6,1); C+ (6,2 – 6,9): Trung bình

+ Loại không đạt:

D (4,0 – 4,6); D+ (4,7 – 5,4): Trung bình yếu

F (dưới 2,0); F+ (2,0 – 3,9): Kém

12. Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Nội dung		Phân bổ thời gian (giờ)			
		Tài liệu	Tổng số	Lý thuyết	KT	Tự học
1	Chương 1. Những vấn đề chung về quản lý trường hợp	[1], [4] [5]	14	14		28
2	Chương 2. Quy trình quản lý trường hợp trong chăm sóc và phục hồi chức năng cho trẻ tự kỷ	[1], [2] [3]	18	17	1	36

3	Chương 3. Một số kỹ năng cơ bản trong thực hành quản lý trường hợp với trẻ tự kỷ	[1], [2] [3]	13	13		26
	Tổng		**45**	**44**	**1**	**90**

B. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ QUẢN LÝ TRƯỜNG HỢP

1.1.Mục đích của Quản lý trường hợp

1.2. Vai trò, nhiệm vụ và kỹ năng của nhân viên quản lý trường hợp làm công tác quản lý trường hợp

1.2.1. Vai trò

1.2.2. Nhiệm vụ và yêu cầu về kỹ năng đối với nhân viên quản lý trường hợp trong quản lý trường hợp với trẻ tự kỷ

1.3. Một số nguyên tắc trong quản lý trường hợp

1.3.1. Dịch vụ toàn diện

1.3.2. Dịch vụ liên tục

1.3.3. Đảm bảo công bằng

1.3.4. Dịch vụ chất lượng

1.3.5. Trao quyền

1.4. Khái quát các bước trong quy trình quản lý trường hợp

1.4.1. Tiếp nhận và đánh giá

1.4.2. Xây dựng kế hoạch can thiệp

1.4.3. Triển khai kế hoạch can thiệp

1.4.4. Giám sát, rà soát

1.4.5. Lượng giá và kết thúc

CHƯƠNG 2. QUY TRÌNH QUẢN LÝ TRƯỜNG HỢP TRONG CHĂM SÓC VÀ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG CHO TRẺ TỰ KỶ

2.1. Tiếp nhận và đánh giá trẻ tự kỷ

2.1.1. Tiếp nhận và đánh giá sơ bộ

2.1.2. Đánh giá

2.2. Lập kế hoạch quản lý trường hợp

2.2.1. Khái niệm về lập kế hoạch

2.2.2. Các phần của kế hoạch quản lý trường hợp

2.2.3. Quy trình lập kế hoạch quản lý trường hợp

2.2.4. Thời gian thực hiện các hoạt động trong bản kế hoạch quản lý trường hợp

2.3. Thực hiện kế hoạch

2.3.1. Một số hoạt động triển khai thực hiện kế hoạch

2.3.2. Một số chỉ dẫn và yêu cầu về thái độ của người cung cấp dịch vụ

2.4. Giám sát, rà soát

2.4.1. Giám sát

2.4.2. Rà soát

2.5. Lượng giá và kết thúc

2.5.1. Lượng giá

2.5.2. Kết thúc trường hợp

2.5.3. Kết thúc (Đóng/ chuyển gửi hồ sơ quản lý trường hợp)

CHƯƠNG 3. MỘT SỐ KỸ NĂNG CƠ BẢN TRONG THỰC HÀNH QUẢN LÝ TRƯỜNG HỢP VỚI TRẺ TỰ KỶ

3.1. Kỹ năng thu thập thông tin

3.2. Kỹ năng vẽ sơ đồ phả hệ

3.3. Kỹ năng biện hộ

3.4. Kỹ năng huy động nguồn nhân lực

3.5. Kỹ năng vãng gia

3.6. Kỹ năng lưu trữ hồ sơ

13. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Giảng viên cần chuẩn bị slide bài giảng, câu hỏi thảo luận, giới thiệu nguồn tham khảo thực tế.

- Nên sử dụng phương pháp thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.

- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
QUẢN LÝ TRƯỜNG HỢP TRONG HỖ TRỢ SINH KẾ NGƯỜI NGHÈO
CASE MANAGEMENT IN SUPPORTING LIVELIHOODS OF THE POOR

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLĐXH ngày / /2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

1. **Tên học phần:** Quản lý trường hợp trong hỗ trợ sinh kế người nghèo
   Mã học phần: CTX 317
2. **Tên học phần (Tiếng Anh):** Case management in supporting livelihoods of the poor
3. **Số tín chỉ:** 03
4. **Điều kiện tiên quyết:** Công tác xã hội với An sinh xã hội
5. **Giảng viên tham gia giảng dạy**

TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Điện thoại liên hệ	Email
1	TS. Nguyễn Hải Hữu	0913219815	haihuuhn@gmail.com
2	TS. Phạm Hồng Trang	0979082686	hongtrangctxh@gmail.com

6. Mục tiêu của học phần

- *Kiến thức:* Người học hiểu được những kiến thức tổng quan liên quan đến vấn đề nghèo, các vấn đề của người nghèo, kiến thức về sinh kế, các nguồn lực để phát triển sinh kế; các nguồn vốn trong sinh kế và các hoạt động công tác xã hội hỗ trợ sinh kế cho người nghèo

- *Kỹ năng:* Người học phát hiện và áp dụng kỹ năng làm việc với các cá nhân, gia đình, làm việc với nhóm, làm việc với cộng đồng với đối tượng là người nghèo; kỹ năng huy động nguồn lực, kỹ năng kết nối trong hoạt động sinh kế hỗ trợ người nghèo hướng đến giảm nghèo bền vững, kỹ năng giúp cộng đồng nghèo tự giải quyết vấn đề của mình dựa trên nguồn vốn trong khung sinh kế

- *Thái độ:* Hình thành thái độ đúng đắn trong cách nhìn nhận về sinh kế và các hoạt động sinh kế hỗ trợ người nghèo ; có thái độ tích cực trong mối quan hệ giữa nhân viên xã hội và thân chủ, cam kết làm việc theo đúng các nguyên tắc và đạo đức nghề nghiệp.

7. Mô tả học phần

Học phần này cung cấp các kiến thức liên quan đến sinh kế, các nguồn lực để phát triển sinh kế, lý thuyết khung sinh kế bền vững; Các hoạt động công tác xã hội, các loại hình hỗ trợ sinh kế được thực hiện trên một số chính sách xã hội, các lý thuyết được vận dụng và thông qua vai trò và các của các nhân viên công tác xã hội trong hoạt động hỗ trợ sinh kế cho người nghèo.

8. Nhiệm vụ của học viên

- Thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu của giáo viên
- Tích cực phát biểu xây dựng bài, tích cực tham gia các bài thảo luận nhóm
- Thực hiện 01 bài kiểm tra giữa kỳ (hết 2/3 nội dung chương trình)
- Hoàn thành bài thi kết thúc học phần

9. Tài liệu học tập

- *Tài liệu bắt buộc:*

[1] Nguyễn Trung Hải (2019), Giáo trình Nhập môn Công tác xã hội, NXB Lao động- xã hội.

[2] Nguyễn Trung Hải, (2015) *Giáo trình Phát triển cộng đồng*, NXB Lao động- xã hội.

[3] Unicef (2016), Công tác xã hội với người nghèo.

[4] Nguyễn Đăng Hiệp Phổ, Tiếp cận lý thuyết khung sinh kế bền vững DFID trong nghiên cứu sinh kế, *Tạp chí khoa học- Đại học Đồng Nai số 02,* 2016

- *Tài liệu tham khảo:*

[5] Thông tư 15/2017/TT-BTC, Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020

[6] Nghị quyết số 76/2014/QH13 ngày 24/6/2014 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020.

[7] Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12/11/2015 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020.

[8] Lương Lệ Chi (2017), Công tác xã hội trong hỗ trợ sinh kế đối với người khuyết tật tại thành phố Bắc Ninh, Đại học Lao động- Xã Hội.

10. Hình thức và phương pháp đánh giá học phần

- Hình thức đánh giá: Thi viết

- Phương thức đánh giá học phần

TT	Căn cứ đánh giá	Trọng số
1	Tham gia học tập, thảo luận trên lớp (A)	0,1
2	Bài tập, tiểu luận, kiểm tra (B)	0,3
3	Thi kết thúc học phần (C)	0,6
	ĐMH = A x 0,1 + B x 0,3 + C x 0,6	

11. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt:

A (8,5 – 9,1); A+ (9,2 – 10): Giỏi

B (7,0 – 7,6); B+ (7,7 – 8,4): Khá

C (5,5 – 6,1); C+ (6,2 – 6,9): Trung bình

+ Loại không đạt:

D (4,0 – 4,6); D+ (4,7 – 5,4): Trung bình yếu

F (dưới 2,0); F+ (2,0 – 3,9): Kém

12. Nội dung học phần

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian *(giờ)*			Tự học *(giờ)*
			Tổng số	LT	KT	
1	Chương 1. Những vấn đề chung về công tác xã hội trong hỗ trợ sinh kế với người nghèo	[1],[5], [6],[7]	12	12		24
2	Chương 2. Các hoạt động công tác xã hội trong việc hỗ trợ sinh kế đối với người nghèo	[3] [6] [4]	17	17		34
3	Chương 3. Các kỹ năng công tác xã hội trong hỗ trợ sinh kế với người nghèo	[8] [6] [2]	16	15	1	32
	Tổng cộng		**45**	**44**	**1**	**90**

B. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG HỖ TRỢ SINH KẾ VỚI NGƯỜI NGHÈO

1.1. Khái niệm sinh kế người nghèo và vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ sinh kế người nghèo

1.1.1. Các khái niệm

1.1.2. Vai trò của CTXH trong việc hỗ trợ sinh kế đối với người nghèo

1.2. Mô hình sinh kế bền vững và các nguồn vốn sinh kế của người nghèo

1.2.1. Lý thuyết khung sinh kế bền vững DFID

1.2.2. Các nguồn vốn sinh kế

1.3. Cơ sở pháp lý trong hỗ trợ sinh kế với người nghèo

1.3.1. Cơ sở pháp lý về nghèo và và hỗ trợ giảm nghèo

1.3.2. Quan điểm, chủ trương của Đảng và nhà nước về thực hiện giảm nghèo

CHƯƠNG 2. CÁC HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG VIỆC HỖ TRỢ SINH KẾ ĐỐI VỚI NGƯỜI NGHÈO

2.1. Các hoạt động công tác xã hội trong việc hỗ trợ nguồn vốn tự nhiên của người nghèo

2.2. Các hoạt động công tác xã hội trong việc hỗ trợ nguồn vốn con người của người nghèo

2.3. Các hoạt động công tác xã hội trong việc hỗ trợ nguồn vốn xã hội của người nghèo

2.4. Các hoạt động công tác xã hội trong việc hỗ trợ nguồn vốn vật chất của người nghèo

2.5. Các hoạt động công tác xã hội trong việc hỗ trợ nguồn vốn tài chính của người nghèo

CHƯƠNG 3. CÁC KỸ NĂNG CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG VIỆC HỖ TRỢ SINH KẾ ĐỐI VỚI NGƯỜI NGHÈO

3.1. Các kỹ năng công tác xã hội trong việc hỗ trợ nguồn vốn tự nhiên của người nghèo

3.2. Các kỹ năng công tác xã hội trong việc hỗ trợ nguồn vốn con người của người nghèo

3.3. Các kỹ năng công tác xã hội trong việc hỗ trợ nguồn vốn xã hội của người nghèo

3.4. Các kỹ năng công tác xã hội trong việc hỗ trợ nguồn vốn vật chất của người nghèo

3.5. Các kỹ năng công tác xã hội trong việc hỗ trợ nguồn vốn tài chính của người nghèo

13. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Giảng viên cần chuẩn bị slide bài giảng, câu hỏi thảo luận, giới thiệu nguồn tham khảo thực tế.
- Nên sử dụng phương pháp thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.
- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
THAM VẤN ĐIỀU TRỊ NGHIỆN MA TÚY
COUNSELLING FOR DRUG ABUSED

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLĐXH ngày / /2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

1. **Tên học phần (tiếng Việt):** Tham vấn điều trị nghiện ma túy **Mã học phần:** CTX 318
2. **Tên học phần (tiếng Anh):** Counseling for drug abused
3. **Số tín chỉ:** 03
4. **Điều kiện tiên quyết:** Công tác xã hội và An sinh xã hội
5. **Giảng viên tham gia giảng dạy**

TT	Họ và tên, chức danh, học vị	Điện thoại liên hệ	Email
1	TS. Tiêu Thị Minh Hường	0975126800	Huongulsa0372@gmail.com
2	TS. Lê Thị Thuỷ	0985906793	Thuyexp123@gmail.com

6. **Mục tiêu của học phần**

- *Kiến thức:* Mô tả được khái niệm tham vấn cho người nghiện ma túy, các nguyên tắc đạo đức và yêu cầu chuyên môn của người tham vấn viên

- *Kỹ năng:* Nhận biết được những yêu cầu thái độ nghề nghiệp của tham vấn điều trị nghiện ma túy

- *Thái độ:* Thực hành các bước cơ bản trong quy trình tham vấn cho người nghiện, kỹ năng cơ bản trong tham vấn cho người nghiện ma túy

7. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản về tham vấn, tham vấn cho người nghiện ma túy, yêu cầu chuyên môn của người tham vấn và đặc biệt đi sâu vào quy trình, kỹ năng tham vấn cho người nghiện. Bên cạnh đó học phần còn cung cấp cho người học những nội dung tham vấn gia đình người nghiện và những đối tượng đặc thù (như phụ nữ trẻ em) tham gia vào quá tình tham vấn điều trị nghiện ma túy.

8. Nhiệm vụ của học viên:

- Thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu của giáo viên
- Tích cực phát biểu xây dựng bài, tích cực tham gia các bài thảo luận nhóm
- Thực hiện 01 bài kiểm tra giữa kỳ (hết 2/3 nội dung chương trình)
- Hoàn thành bài thi kết thúc học phần

9. **Tài liệu học tập**

- *Tài liệu bắt buộc:*

[1] Võ Văn Bản (2002), Thực hành điều trị tâm lý, Nhà xuất bản Y học.

[2] Ngọc Bừng, (1997) Phòng chống ma túy trong nhà trường, NXB Giáo dục

[3] Trần Thị Minh Đức (2002), Giáo trình tham vấn , Đại học Quốc gia Hà Nội.

[4] Bùi Thi Xuân Mai, (2013) Giáo trình Tham vấn điều trị nghiện

- *Tài liệu tham khảo:*

[5] Bùi tHị Xuân Mai, Nguyễn Tố Như (2013) Ma túy và xã hội, NXB…

[6] Bùi Thị Xuân Mai, (2008), Giáo trình tham vấn, NXB Lao động Xã hội

[7] UNODC(2011), Tìm hiểu thông tin về ma túy.

[8] Viện Matrix, Bộ Y tế và dịch vụ con người Hoa Kỳ, Mô hình điều trị

[9] ngoại trú chuyên sâu cho bệnh nhân mắc các rối loạn do sử dụng các chất kích thích

[10] Hướng dẫn điều trị thay thế nghiện các chất dạng thuốc phiện

10. Hình thức và phương pháp đánh giá học phần

- Hình thức đánh giá: Thi viết

- Phương thức đánh giá học phần

TT	Căn cứ đánh giá	Trọng số
1	Tham gia học tập, thảo luận trên lớp (A)	0,1
2	Bài tập, tiểu luận, kiểm tra (B)	0,3
3	Thi kết thúc học phần (C)	0,6
	ĐMH = A x 0,1 + B x 0,3 + C x 0,6	

11. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt:

A (8,5 – 9,1); A+ (9,2 – 10): Giỏi

B (7,0 – 7,6); B+ (7,7 – 8,4): Khá

C (5,5 – 6,1); C+ (6,2 – 6,9): Trung bình

+ Loại không đạt:

D (4,0 – 4,6); D+ (4,7 – 5,4): Trung bình yếu

F (dưới 2,0); F+ (2,0 – 3,9): Kém

12. Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian *(giờ)*			Tự học *(giờ)*
			Tổng số	LT	KT	
1	Chương 1. Tổng quan về tham vấn điều trị nghiện ma túy	[1], [2], [3]	4	4		8
2	Chương 2. Một số kỹ năng tham vấn điều trị nghiện ma túy	[1], [2], [3]	6	6		12
3	Chương 3. Một số kỹ thuật trong tham vấn điều trị nghiện ma túy	[1], [2], [4]	8	8		16
4	Chương 4. Quy trình tham vấn điều trị nghiện ma túy	[4], [5]	10	10		20

5	Chương 5. Làm việc với gia đình trong quá trình tham vấn điều trị nghiện	[3], [4], [5]	9	8	1	18
6	Chương 6. Giới thiệu về giảm nguy cơ và điều trị thay thế	[4], [5], [6]	8	8		16
	Tổng số		**45**	**44**	**1**	**90**

Ghi chú: LT: Lý thuyết; ThH: Thực hành; TL: Thảo luận; KT: Kiểm tra

B. Nội dung chi tiết

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ THAM VẤN ĐIỀU TRỊ NGHIỆN MA TÚY

1.1. Khái niệm chung về tham vấn điều trị ma túy

1.1.1. Khái niệm tham vấn điều trị nghiện ma túy

1.1.2. Phân biệt khái niệm tham vấn điều trị nghiện ma túy và một số khái niệm liên quan

1.1.3. Mục đích của Tham vấn điều trị nghiện ma túy

1.1.4. Các yêu cầu chuyên môn đối với tham vấn viên trong tham vấn điều trị nghiện ma túy

1.1.4.1. Về thái độ

1.1.4.2. Về kiến thức, kỹ năng

1.2. Các hình thức tham vấn điều trị nghiện ma túy

1.2.1. Tham vấn điều trị nghiện ma túy với cá nhân

1.2.2. Tham vấn điều trị nghiện ma túy với gia đình

1.2.3. Tham vấn điều trị nghiện ma túy với nhóm

1.3. Các nguyên tắc tham vấn điều trị nghiện ma túy

1.3.1. Nguyên tắc tự nguyện

1.3.2. Nguyên tắc bảo mật

1.3.3. Nguyên tắc tin cậy

1.3.4. Nguyên tắc không phán xét

1.3.5. Nguyên tắc tôn trọng

1.3.6. Nguyên tắc an toàn

1.3.7. Nguyên tắc gắn kết với các dịch vụ khác

CHƯƠNG 2. MỘT SỐ KỸ NĂNG THAM VẤN ĐIỀU TRỊ NGHIỆN MA TÚY

2.1. Các kỹ năng cơ bản trong tham vấn điều trị nghiện ma túy

2.1.1. Kỹ năng tạo lập mối quan hệ với thân chủ

2.1.2. Kỹ năng lắng nghe

2.1.3. Kỹ năng hỏi

2.1.4. Kỹ năng Diễn đạt

2.1.5. Kỹ năng Phản hồi cảm xúc

2.1.6. Kỹ năng Tóm tắt (tóm lược)

2.2. Các kỹ năng nâng cao trong tham vấn điều trị nghiện ma túy

2.2.1. Kỹ năng Khơi gợi

2.2.2. Kỹ năng Xử lý im lặng

2.2.3. Kỹ năng Xây dựng sự tự tin cho thân chủ
2.2.4. Kỹ năng Khen ngợi
2.2.5.Kỹ năng Chỉnh khung
2.2.6. Kỹ năng Lựa theo sự phản kháng
2.2.7. Kỹ năng Giúp thân chủ trực diện với vấn đề (đối kháng)
2.2.8. Kỹ năng Bộc lộ

CHƯƠNG 3. MỘT SỐ KỸ THUẬT TRONG THAM VẤN ĐIỀU TRỊ NGHIỆN MA TÚY

3.1. Các kỹ thuật cơ bản

3.1.1. Đánh giá thân chủ
3. 1.2. Giải quyết vấn đề
3.1. 3. Đặt mục tiêu

3.2. Các kỹ thuật chuyên sâu

3.2.1. Phỏng vấn tạo động lực
3.2.2.Dự phòng tái nghiện

CHƯƠNG 4. QUY TRÌNH THAM VẤN ĐIỀU TRỊ NGHIỆN MA TÚY

4.1. Tạo lập mối quan hệ và giới thiệu ban đầu
4.2. Đánh giá thân chủ
4.3. Xác định vấn đề cần giải quyết và giải pháp tối ưu
4.4. Đặt mục tiêu
4.5. Lập kế hoạch hành động
4.6. Hoàn thiện/điều chỉnh kế hoạch
4.7. Tóm tắt buổi làm việc
4.8. Một số lưu ý trong quá trình tham vấn điều trị nghiện ma túy

CHƯƠNG 5. LÀM VIỆC VỚI GIA ĐÌNH TRONG QUÁ TRÌNH THAM VẤN ĐIỀU TRỊ NGHIỆN

5.1. Tác động của gia đình và vấn đề nghiện của cá nhân trong gia đình

5.1.1. Ảnh hưởng của nghiện ma túy tới gia đình
5.1.2. Ảnh hưởng của gia đình đối với người nghiện ma tuý
5.1.3. Tầm quan trọng của tham vấn gia đình trong điều trị nghiện ma tuý

5.2. Quy trình làm việc với gia đình trong điều trị nghiện ma tuý

5.2.1. Các bước làm việc với gia đình trong điều trị nghiện ma tuý
5.2.2. Một số lưu ý khi làm việc gia đình trong điều trị nghiện ma tuý
5.2.3. Các mức độ tham gia của tham vấn viên khi làm việc với gia đình trong hỗ trợ điều trị nghiện ma tuý

CHƯƠNG 6. GIỚI THIỆU VỀ GIẢM NGUY CƠ VÀ ĐIỀU TRỊ THAY THẾ

6.1. Giảm nguy cơ

6.1.1. Khái niệm về giảm nguy cơ
6.1.2. Triết lí về giảm nguy cơ
6.1.3. Các nguyên tắc giảm nguy cơ
6.1.4. Chiến lược giảm nguy cơ

6.1.5. Các hoạt động giảm nguy cơ

6.2. Mô hình điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế

6.2.1. Methadone

6.2.2. Các thuốc khác

13. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Giảng viên cần chuẩn bị slide bài giảng, câu hỏi thảo luận, giới thiệu nguồn tham khảo thực tế.
- Nên sử dụng phương pháp thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.
- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
THAM VẤN TÂM LÝ CHO TRẺ BỊ XÂM HẠI
PSYCHOLOGY CONSULTATION FOR ABUSED CHILDREN

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLĐXH ngày / /2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

1. **Tên học phần (tiếng Việt):** Tham vấn tâm lý cho trẻ bị xâm hại
   Mã học phần: CTX 319
2. **Tên học phần (tiếng Anh):** Psychology consultation for abused children
3. **Số tín chỉ:** 03
4. **Điều kiện tiên quyết:** Công tác xã hội với An sinh xã hội
5. **Giảng viên tham gia giảng dạy**

TT	Họ và tên, chức danh, học vị	Điện thoại liên hệ	Email
1	TS. Tiêu Thị Minh Hường	0975126800	huongulsa0372@gmail.com
2	TS. Nguyễn Thị Hương	0976005476	thienhuongdhldxh@gmail.com
3	TS. Nguyễn Hữu Hùng	0912528024	nguyenhuuhungulsa@gmail.com
4	TS. Vũ Thúy Ngọc	0986902200	vtngocldxh@gmail.com

6. **Mục tiêu của học phần**

- *Kiến thức:* Học viên có kiến thức chuyên sâu về tham vấn trị liệu tâm lý cho trẻ em bị xâm hại.

- *Kỹ năng:* Học viên có kỹ năng phân tích, đánh giá, lập kế hoạch và triển khai tham vấn trị liệu tâm lý cho trẻ em bị xâm hại.

- *Thái độ:* Học viên có thái độ tích cực, thấu hiểu, chia sẻ với gia đình và trẻ em bị xâm hại

7. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Học phần nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng về tham vấn trị liệu tâm lý cho trẻ em bị xâm hại.

8. Nhiệm vụ của học viên:

- Thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu của giáo viên
- Tích cực phát biểu xây dựng bài, tích cực tham gia các bài thảo luận nhóm
- Thực hiện 01 bài kiểm tra giữa kỳ (hết 2/3 nội dung chương trình)
- Hoàn thành bài thi kết thúc học phần

9. **Tài liệu học tập**

- *Tài liệu bắt buộc:*

[1] Tiêu Thị Minh Hường và cộng sự (2021). Tham vấn tâm lý xã hội cho trẻ em bị xâm hại.

[2] Trần Thị Minh Đức (Chủ biên). (2014). Tham vấn tâm lý. Nhà xuất bản Đại học Quốc Gia Hà Nội.

- *Tài liệu tham khảo:*

[3] Bùi Thị Xuân Mai (Chủ biên). (2014). Tham vấn (Giáo trình). Nhà xuất bản Lao động – Xã hội.

[4] Trần Đình Tuấn (2014). Tham vấn tâm lý cá nhân và gia đình. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

[5] Nguyễn Minh Hằng và cộng sự (2020). Tâm lý học lâm sàng. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội

[6] Nguyễn Công Khanh (2000). Tâm lý trị liệu. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

[7] Nguyễn Khắc Viện (1999). Tâm lý học lâm sàng trẻ em Việt Nam. Nhà xuất bản Y học.

10. Hình thức và phương pháp đánh giá học phần

- Hình thức đánh giá: Thi viết

- Phương thức đánh giá học phần

TT	Căn cứ đánh giá	Trọng số
1	Tham gia học tập, thảo luận trên lớp (A)	0,1
2	Bài tập, tiểu luận, kiểm tra (B)	0,3
3	Thi kết thúc học phần (C)	0,6
	ĐMH = A x 0,1 + B x 0,3 + C x 0,6	

11. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt:

A (8,5 – 9,1); A+ (9,2 – 10): Giỏi

B (7,0 – 7,6); B+ (7,7 – 8,4): Khá

C (5,5 – 6,1); C+ (6,2 – 6,9): Trung bình

+ Loại không đạt:

D (4,0 – 4,6); D+ (4,7 – 5,4): Trung bình yếu

F (dưới 2,0); F+ (2,0 – 3,9): Kém

12. Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian *(giờ)*			Tự học *(giờ)*
			Tổng số	LT	KT	
1	Chương 1. Những vấn đề chung về tham vấn tâm lý cho trẻ em bị xâm hại	1,3,5	6	6		12

2	Chương 2. Một số liệu pháp tâm lý cơ bản cho trẻ em bị xâm hại	1,2,7	12	11	1	24
3	Chương 3. Quy trình tham vấn tâm lý cho trẻ em bị xâm hại	3,4,6	12	12		24
4	Chương 4. Một số ca tham vấn điển hình	2,7	15	15		30
	Tổng số		**45**	**44**	**1**	**90**

Ghi chú: LT: Lý thuyết; ThH: Thực hành; TL: Thảo luận; KT: Kiểm tra

B. Nội dung chi tiết

CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ THAM VẤN TÂM LÝ CHO TRẺ EM BỊ XÂM HẠI

1.1. Khái niệm chung về trẻ em bị xâm hại

1.1.1. Khái niệm trẻ em bị xâm hại

1.1.2. Các hình thức trẻ em bị xâm hại

1.1.3. Đặc điểm sinh - tâm lý của trẻ em bị xâm hại

1.1.4. Nguyên nhân, hậu quả khi trẻ em bị xâm hại

1.2. Khái niệm chung về tham vấn tâm lý xã hội cho trẻ em bị xâm hại

1.2.1. Khái niệm tham vấn tâm lý cho trẻ em bị xâm hại

1.2.2. Các hình thức tham vấn tâm lý cho trẻ em bị xâm hại

1.2.3. Mục đích, ý nghĩa của tham vấn tâm lý cho trẻ em bị xâm hại

1.2.4. Một số nguyên tắc tham vấn tâm lý cho trẻ em bị xâm hại

1.3. Đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu của tham vấn tâm lý cho trẻ em bị xâm hại

1.3.1. Đối tượng nghiên cứu của tham vấn tâm lý cho trẻ bị xâm hại

1.3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu của tham vấn tâm lý cho trẻ bị xâm hại

1.4. Một số khuynh hướng tiếp cận chính trong tham vấn tâm lý cho trẻ em bị xâm hại

1.4.1. Tiếp cận tâm động học

1.4.2. Tiếp cận nhân văn hiện sinh

1.4.3. Tiếp cận nhận thức - hành vi

1.4.4. Tiếp cận hành vi

CHƯƠNG 2. MỘT SỐ LIỆU PHÁP TÂM LÝ XÃ HỘI CƠ BẢN CHO TRẺ BỊ XÂM HẠI

2.1. Liệu pháp thư giãn

2.2. Liệu pháp trò chơi

2.3. Liệu pháp hình vẽ - tranh

2.4. Liệu pháp ứng phó theo kiểu nhận biết – chấp nhận – điều chỉnh

2.5. Liệu pháp tâm kịch

2.6 Liệu pháp tâm lý cá nhân

2.7. Liệu pháp tâm lý nhóm

2.8. Liệu pháp tâm lý gia đình

2.9. Liệu pháp nhận thức – hành vi

CHƯƠNG 3. QUY TRÌNH THAM VẤN TÂM LÝ CHO TRẺ BỊ XÂM HẠI

3.1. Quy trình tham vấn tâm lý cho trẻ em bị xâm hại

3.1.1. Giai đoạn 1: Tiếp xúc, tạo lập mối quan hệ

3.1.2. Giai đoạn 2: Thu thập thông tin, xác định vấn đề

3.1.3. Giai đoạn 3: Lựa chọn giải pháp và xây dựng kế hoạch thực hiện

3.1.4. Giai đoạn 4: Triển khai thực hiện giải quyết vấn đề

3.1.5. Giai đoạn 5: Lượng giá và kết thúc

3.1.6. Giai đoạn 6: Theo dõi sau khi kết thúc

3.2. Cách thức lập hồ sơ đánh giá

3.2.1. Buổi gặp đầu tiên

3.2.1.1. Thu thập tin tức

3.2.1.2. Đánh giá, chẩn đoán

3.2.1.3. Hợp đồng tham vấn

3.2.2. Một số mẫu giấy tờ mà nhà tham vấn cần có

3.2.2.1. Phiếu hẹn gặp lần đầu

3.2.2.2. Hồ sơ thân chủ

3.2.2.3. Hướng dẫn phân tích ca

3.2.2.4. Hướng dẫn tổng kết quá trình tham vấn

CHƯƠNG 4. MỘT SỐ CA THAM VẤN ĐIỂN HÌNH

4.1. Ca tham vấn phân tâm học

4.2. Ca tham vấn Nhận thức - hành vi

4.3. Ca tham vấn Nhân văn - hiện sinh

4.4. Ca tham vấn hệ thống gia đình

4.5. Ca tham vấn tổng hợp

13. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Giảng viên cần chuẩn bị slide bài giảng, câu hỏi thảo luận, giới thiệu nguồn tham khảo thực tế.

- Nên sử dụng phương pháp thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.

- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
THAM VẤN TRONG BỆNH VIỆN
COUNSELING IN HOSPITAL

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLĐXH ngày / /2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

1. **Tên học phần (tiếng Việt):** Tham vấn trong bệnh viện; **Mã học phần:** CTX 320
2. **Tên học phần (tiếng Anh):** Counseling in hospital
3. **Số tín chỉ:** 03
4. **Điều kiện tiên quyết:** Không
5. **Giảng viên tham gia giảng dạy**

TT	Họ và tên, chức danh, học vị	Điện thoại liên hệ	Email
1	TS. Lê Thị Thuỷ	0985906793	Thuyexp123@gmail.com
2	TS. Phạm Tiến Nam	0915170715	Phamtiennam1987@gmail.com

6. **Mục tiêu của học phần**

- *Kiến thức:* Học phần nhằm trang bị kiến thức chuyên sâu, có tính lý luận và thực tiễn về tham vấn và quá trình tham vấn cho bệnh nhân, người nhà bệnh nhân và đội ngũ y tế.

- *Kỹ năng:* Học viên có khả năng phân tích, đánh giá nhu cầu, các vấn đề bệnh nhân gặp phải, từ đó tiến hành tham vấn hiệu quả cho bệnh nhân, gia đình bệnh nhân.

- *Thái độ:* Học viên từ việc hiểu về quy trình tham vấn cho các nhóm đối tượng người bệnh và người nhà bệnh nhân trong bệnh viện sẽ hình thành thái độ hợp tác trong việc học tập và triển khai tổ chức thực hiện các chương trình tham vấn trong bệnh viện và các chương trình có liên quan, góp phần phát triển ổn định xã hội.

7. **Mô tả vắn tắt nội dung của học phần**

Học phần này thể hiện các nội dung về tham vấn trong bệnh viện, tham vấn cho cá nhân bệnh nhân, nhóm bệnh nhân, người thân, người nhà bệnh nhân, đội ngũ y tế. Nội dung được mô tả chi tiết qua khái niệm, mục đích, ỹ nghĩa, quy trình và kỹ năng tham vấn cá nhân, tham vấn nhóm, tham vấn gia đình. Học viên được tham vấn về các hoạt động trong bệnh viện và nội dung luật pháp, chính sách, các chương trình, dịch vụ cụ thể trong bệnh viện. Bên cạnh đó, học phần còn thể hiện quá trình tham vấn cho những nhóm bệnh cụ thể của bệnh nhân. Học viên có thể thực hiện được các ca tham vấn cá nhân, gia đình, và tham vấn nhóm tại bệnh viện.

8. **Nhiệm vụ của học viên:**

- Thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu của giáo viên
- Tích cực phát biểu xây dựng bài, tích cực tham gia các bài thảo luận nhóm
- Thực hiện 01 bài kiểm tra giữa kỳ (hết 2/3 nội dung chương trình)
- Hoàn thành bài thi kết thúc học phần

9. Tài liệu học tập

- *Tài liệu bắt buộc:*

[1] Bùi Thị Xuân Mai (2008), Tham vấn, Nhà xuất bản Lao động xã hội

[2] Trần Đình Tuấn (2011), Tham vấn tâm lý cá nhân và gia đình. Nhà xuất bản đại học Quốc Gia Hà Nội

[3] Phạm Huy Dũng & Phạm Huy Tuấn Kiệt (2013), Công tác xã hội trong y tế, Đại học Thăng Long.

[4] Nguyễn Thị Thanh Hương (2018), Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần

- *Tài liệu tham khảo:*

[5] Trần Thị Minh Đức (2014), Tham vấn tâm lý. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

[6] Bộ y tế (2015), Thông tư 43/2015/TT-BYT

[7] ED Neukrug (1999), The world of counselor, An introduction to the counseling proffession, Brooks/Cole Publishing Company, International Thomson Publishing Company, USA, 1999.

[8] Gerald Corey(1991), Theory and Practice of Counseling and Psychotherapy, Brooks/Cole Publisshing Company, 1991

10. Hình thức và phương pháp đánh giá học phần

- Hình thức đánh giá: Thi viết

- Phương thức đánh giá học phần

TT	Căn cứ đánh giá	Trọng số
1	Tham gia học tập, thảo luận trên lớp (A)	0,1
2	Bài tập, tiểu luận, kiểm tra (B)	0,3
3	Thi kết thúc học phần (C)	0,6
	ĐMH = A x 0,1 + B x 0,3 + C x 0,6	

11. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt:

A (8,5 – 9,1); A+ (9,2 – 10): Giỏi

B (7,0 – 7,6); B+ (7,7 – 8,4): Khá

C (5,5 – 6,1); C+ (6,2 – 6,9): Trung bình

+ Loại không đạt:

D (4,0 – 4,6); D+ (4,7 – 5,4): Trung bình yếu

F (dưới 2,0); F+ (2,0 – 3,9): Kém

12. Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian *(giờ)*			Tự học *(giờ)*
			Tổng số	LT	KT	
1	Chương 1. Các vấn đề lý luận cơ bản về tham vấn trong bệnh viện	[1],[2], [7], [5]	11	11		22
2	Chương 2. Tham vấn cho bệnh nhân và gia đình bệnh nhân	[7], [2], [4], [5]	18	17	1	36
3	Chương 3. Tham vấn về các vấn đề liên quan đến bệnh viện và đội ngũ cán bộ nhân viên trong bệnh viện	[1], [2], [4]. [5]	16	16		32
	Tổng số		**45**	**44**	**1**	**90**

Ghi chú: LT: Lý thuyết; ThH: Thực hành; TL: Thảo luận; KT: Kiểm tra

B. Nội dung chi tiết

CHƯƠNG 1. CÁC VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ THAM VẤN TRONG BỆNH VIỆN

1.1. Khái quát chung về tham vấn trong bệnh viện

1.1.1. Khái niệm tham vấn trong bệnh viện

1.1.2. Mục đích, ý nghĩa của tham vấn trong bệnh viện

1.1.2.1. Mục đích

1.1.2.2 Ý nghĩa

1.1.3. Nguyên tắc tham vấn trong bệnh viện

1.1.4 Yêu cầu đối với tham vấn trong bệnh viện

1.1.3.1. Yêu cầu đối với hoạt động tham vấn trong bệnh viên.

1.1.3.2 Yêu cầu đối với nhà tham vấn

1.2. Hình thức tham vấn trong bệnh viện

1.3 Quy trình và Kỹ năng tham vấn trong bệnh viện

1.3.1 Quy trình tham vấn trong bệnh viện

1.3.2 Kỹ năng tham vấn trong bệnh viện

1.4. Tham vấn về các vấn đề liên quan đến luật pháp, chính sách, an sinh xã hội tại bệnh viện

1.5. Sự hình thành và phát triển tham vấn trong bệnh viện

CHƯƠNG 2. THAM VẤN CHO BỆNH NHÂN VÀ GIA ĐÌNH BỆNH NHÂN

2.1. Tham vấn cá nhân cho bệnh nhân

2.1.1 Khái niệm, mục đích, ý nghĩa

2.1.2 Vận dụng một số lý thuyết và mô hình can thiệp trong tham vấn cá nhân cho bệnh nhân

2.1.3 Quy trình tham vấn cá nhân cho bệnh nhân

2.1.4 Kỹ năng và kỹ thuật tham vấn cá nhân cho bệnh nhân

2.1.5 Một số trường hợp tham vấn cá nhân cho bệnh nhân cụ thể.

2.2. Tham vấn gia đình cho gia đình bệnh nhân

2.2.1 Khái niệm, mục đích, ý nghĩa

2.2.2 Gia đình và các vấn đề của gia đình bệnh nhân

2.2.3 Vận dụng một số mô hình tham vấn gia đình cho gia đình bệnh nhân

2.2.4 Quy trình tham vấn gia đình cho gia đình bệnh nhân

2.2.5 Kỹ năng và kỹ thật tham vấn cho gia đình bệnh nhân

2.2.6 Một số trường hợp tham vấn cho gia đình

2.3. Tham vấn nhóm cho bệnh nhân và nhóm gia đình bệnh nhân.

2.3.1 Khái niệm, mục đích, ý nghĩa

2.3.2 Các loại hình nhóm bệnh nhân và nhóm gia đình bệnh nhân

2.3.3 Vận dụng một số lý thuyết vào tham vấn nhóm cho bệnh nhân và gia đình bệnh nhân

2.3.4 Quy trình tham vấn nhóm cho bệnh nhân và gia đình bệnh nhân

2.3.5 Một số kỹ năng và kỹ thuật tham vấn nhóm

2.3.6 Tham vấn nhóm cho nhóm bệnh nhân và gia đình bệnh nhân cụ thể.

CHƯƠNG 3. THAM VẤN VỀ CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN BỆNH VIỆN VÀ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ NHÂN VIÊN TRONG BỆNH VIỆN

3.1 Tham vấn với đội ngũ cán bộ, nhân viên y tế về các hoạt động của bệnh viện

3.1.1 Tham vấn về hoạt động khám, chữa bệnh

3.1.2 Tham vấn các hoạt động từ thiện, hỗ trợ chăm sóc bệnh nhân

3.1.3 Tham vấn về các hoạt động giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng.

3.2 Tham vấn với đội ngũ cán bộ, nhân viên y tế về luật pháp, chính sách, chương trình khám, chữa bệnh, hoạt động của bệnh viện

3.2.1 Tham vấn về luật pháp, chính sách liên quan đến đội ngũ y tế và người đến khám, chữa bệnh

3.2.2 Tham vấn về các chương trình, dịch vụ

3.2.3 Tham vấn về các hoạt động cụ thể

13. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Giảng viên cần chuẩn bị slide bài giảng, câu hỏi thảo luận, giới thiệu nguồn tham khảo thực tế.
- Nên sử dụng phương pháp thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.
- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
THAM VẤN CHO NẠN NHÂN BỊ BẠO LỰC GIA ĐÌNH
COUNSELING WITH VICTIM SUFFERING FROM DOMESTIC VIOLENCE

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLĐXH ngày / /2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

1. **Tên học phần:** Tham vấn cho nạn nhân bị bạo lực gia đình;
   Mã học phần: CTX. 321
2. **Tên học phần (tiếng Anh):** Counseling with victim suffering from domestic violence
3. **Số tín chỉ:** 03
4. **Điều kiện tiên quyết:** Công tác xã hội với An sinh xã hội
5. **Giảng viên tham gia giảng dạy**

TT	Họ và tên, chức danh, học vị	Điện thoại liên hệ	Email
1	TS. Tiêu Thị Minh Hường	0975126800	Huongulsa0372@gmail.com
2	TS. Lê Thị Thuỷ	0985906793	Thuyexp123@gmail.com

6. **Mục tiêu của học phần**

- *Kiến thức:* Học viên phân tích được khái niệm tham vấn, tham vấn cá nhân, tham vấn gia đình, tham vấn nhóm cho nạn nhân bị bạo lực gia đình, tầm quan trọng của tham vấn cho nạn nhân bị bạo lực gia đình. Đồng thời học viên thấm nhuần hệ thống giá trị nghề tham vấn, các nguyên tắc đạo đức và mối quan hệ đạo đức nghề nghiệp trong tham vấn; trình bày và phân tích được quy trình tham vấn và các kĩ năng tham vấn khi tham vấn cho các đối tượng là cá nhân, gia đình, nhóm nạn nhân bị bạo lực gia đình.

- *Về kĩ năng:* Có khả năng vận dụng được các kỹ năng cơ bản trong tham vấn cá nhân và tham vấn gia đình như kỹ năng quan sát, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng phỏng vấn, kỹ năng hướng dẫn, kỹ năng làm mẫu…Có kỹ năng tham vấn cho nạn nhân bị bạo lực gia đình một cách chuyên nghiệp khi tham vấn cho cá nhân, gia đình và nhóm nạn nhân bị bạo lực gia đình.

- *Về thái độ:* Nhận thức được tầm quan trọng của tham vấn với nạn nhân bị bạo lực gia đình, có lòng say mê, yêu thích và tâm huyết với chuyên ngành công tác xã hội. Luôn ý thức, tự giác trong việc tuân thủ nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp và giữ mối quan hệ đạo đức nghề nghiệp trong công tác xã hội. Có thái độ nghiêm túc, đúng đắn, hòa đồng với mọi người trong tập thể, cộng đồng, học tập và rèn luyện để trở thành một nhân cách hoàn hảo.

7. **Mô tả vắn tắt nội dung của học phần**

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức chung về tham vấn cho nạn nhân bị bạo lực gia đình, đặc điểm tâm sinh lý nạn nhân bị bạo lực gia đình cũng như nhu cầu mong muốn của nạn nhân trong gia đình có bạo lực; Các loại hình tham vấn cá nhân, nhóm và tham vấn gia đình nạn nhân bị bạo lực; Các khái niệm; Nguyên tắc tham vấn cho nạn nhân bị bạo lực gia đình và mối quan hệ đạo đức nghề nghiệp trong tham vấn; Quy

trình tham vấn và các kĩ năng, kỹ thuật tham vấn trong tham vấn cá nhân, tham vấn gia đình và tham vấn nhóm cho nạn nhân bị bạo lực gia đình.

8. Nhiệm vụ của học viên

- Học viên tích cực, chủ động tham gia phát biểu xây dựng bài, tham gia các hoạt động thảo luận nhóm và các hoạt động tạo sự thu hút của học viên trên lớp;
- Học viên làm đầy đủ các bài tập và bài kiểm tra đảm bảo đạt chất lượng tốt; nộp bài đúng thời hạn;
- Học viên trình bày và thực hiện đúng những nội dung theo yêu cầu của giảng viên;

9. Tài liệu học tập

[1] Bùi Thị Xuân Mai (2008). *Giáo trình Tham vấn*. NXB Lao động xã hội.

[2] Trần Thị Minh Đức (2014).*Giáo trình Tham vấn tâm lý.* NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

[3] Trần Đình Tuấn(2012) Tham vấn tâm lý cá nhân và gia đình. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[4] Lê Thị Thủy (2018). Tài liệu giảng dạy Công tác xã hội trong phòng chống bạo lực gia đình. Đại học Lao động xã hội.

10. Hình thức và phương pháp đánh giá học phần

- Hình thức đánh giá: thi viết

- Phương thức đánh giá học phần

TT	Căn cứ đánh giá	Trọng số
1	Tham gia học tập, thảo luận trên lớp (A)	0,1
2	Bài tập, tiểu luận, kiểm tra (B)	0,3
3	Thi kết thúc học phần (C)	0,6
	ĐMH = A x 0,1 + B x 0,3 + C x 0,6	

11. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt:

A+ (9,2 – 10); A (8,5 – 9,1): Giỏi

B+ (7,7 – 8,4); B (7,0 – 7,6): Khá

C+ (6,2 – 6,9); C (5,5 – 6,1): Trung bình

+ Loại không đạt:

D+ (4,7 – 5,4); D (4,0 – 4,6): Trung bình yếu

F+ (2,0 – 3,9); F (dưới 2,0): Kém

12. Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian *(giờ)*			Tự học *(giờ)*
			Tổng số	LT	KT	
1	Chương 1. Những vấn đề chung về Tham vấn với nạn nhân bị bạo lực gia đình	[1], [2], [3],[4]	9	9		18
2	Chương 2. Tham vấn cá nhân với nạn nhân bị bạo lực gia đình	[1], [2], [3].[4]	12	12		24
3	Chương 3. Tham vấn gia đình nạn nhân có bạo lực	[1], [2], [3],[4]	12	11	1	24
4	Chương 4. Tham vấn nhóm với nhóm nạn nhân bị bạo lực gia đình.	[1], [2], [3].[4]	12	12		24
	Tổng số		**45**	**44**	**1**	**90**

Ghi chú: LT: Lý thuyết; ThH: Thực hành; TL: Thảo luận; KT: Kiểm tra

B. Nội dung chi tiết

CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ THAM VẤN VỚI NẠN NHÂN BỊ BẠO LỰC GIA ĐÌNH

1.1. Khái quát về nạn nhân bị bạo lực gia đình

1.1.1 Khái niệm nạn nhân bị bạo lực gia đình và khái niệm liên quan

1.1.2 Tình hình nạn nhân bị bạo lực gia đình trên thế giới và Việt Nam

1.1.3 Các dạng chu trình của bạo lực gia đình

1.1.4 Nguyên nhân và hậu quả của bạo lực gia đình

1.2. Khái quát chung về tham vấn với nạn nhân bị bạo lực gia đình

1.2.1 Khái niệm tham vấn với nạn nhân bị bạo lực gia đình

1.2.2 Các loại hình tham vấn với nạn nhân bị bạo lực gia đình

1.2.2 Nguyên tắc và giá trị đạo đức trong tham vấn với nạn nhân bị bạo lực gia đình

1.3 Một số cách tiếp cận liên quan đến nạn nhân và tham vấn với nạn nhân bị bạo lực gia đình

1.3.1 Cách tiếp cận tham vấn dựa trên thuyết nữ quyền

1.3.2 Cách tiếp cận tham vấn dựa trên giới và bình đẳng giới

1.3.3 Cách tiếp cận tham vấn dựa vào mô hình tập trung vào giải pháp

1.3.4 Cách tiếp cận tham vấn dựa vào mô hình can thiệp cấu trúc gia đình

1.3.5 Cách tiếp cận tham vấn dựa trên mô hình học tập xã hội

CHƯƠNG 2. THAM VẤN CÁ NHÂN VỚI NẠN NHÂN BỊ BẠO LỰC GIA ĐÌNH

2.1. Khái quát chung về tham vấn cá nhân bị bạo lực gia đình

2.1.1 Khái niệm

2.1.2 Mục đích, ý nghĩa

2.1.3 Đặc điểm và nhu cầu của nạn nhân bị bạo lực gia đình

2.2. Quy trình tham vấn cá nhân bị bạo lực gia đình

2.2.1 Tiếp nhận, xây dựng lòng tin

2.2.2 Thu thập thông tin và xác định vấn đề

2.2.3 Lựa chọn giải pháp tối ưu

2.2.4 Xây dựng kế hoạch

2.2.5 Triển khai kế hoạch

2.2.6 Kết thúc/theo dõi

2.3 Một số kỹ năng và kỹ thuật tham vấn cá nhân với nạn nhân bị bạo lực gia đình

2.3.1 Kỹ năng hỏi

2.3.2 Kỹ năng thấu hiểu

2.3.3 Kỹ năng phản hồi

2.3.4 Kỹ năng tóm lược

2.3.5 Kỹ năng khơi gợi, khuyến khích làm rõ ý

2.3.6 Kỹ năng giúp thân chủ trực diện với vấn đề

2.3.7 Kỹ thuật sử dụng ngôn ngữ tích cực

2.3.8 Kỹ thuật liên tưởng tự do

2.3.9 Kỹ thuật thư giãn, tưởng tượng

2.3.10 Kỹ thuật ứng phó với hành vi bạo hành gia đình

2.4 Bài tập thực hành tham vấn cá nhân với nạn nhân bị bạo lực gia đình

CHƯƠNG 3. THAM VẤN GIA ĐÌNH VỚI GIA ĐÌNH NẠN NHÂN CÓ BẠO LỰC

3.1 Khái quát chung về tham vấn gia đình với gia đình nạn nhân có bạo lực

3.1.1 Khái niệm

3.1.2 Mục đích, ý nghĩa

3.1.3 Đặc điểm và nhu cầu của gia đình nạn nhân có bạo lực

3.1.4 Đặc điểm của người gây ra bạo lực trong gia đình

3.2 Quy trình tham vấn gia đình với gia đình nạn nhân có bạo lực

3.2.1 Giai đoạn tiếp cận và xây dựng lòng tin

3.2.2 Giai đoạn triển khai

3.2.2 Giai đoạn kết thúc/theo dõi

3.3 Một số kỹ năng và kỹ thuật tham vấn gia đình

3.3.1 Kỹ năng lắng nghe thấu hiểu các thành viên trong gia đình

3.3.2 Kỹ năng hỏi xoay vòng

3.3.3 Kỹ năng hướng dẫn sử dụng mệnh đề tôi

3.3.4 Kỹ năng hiểu và phản hồi với các thành viên trong gia đình

3.3.5 Kỹ năng tóm tắt

3.3.6 Kỹ thuật tâm kịch

3.3.7 Kỹ thuật sắm vai/tổ chức hoạt động cho gia đình

3.3.8 Kỹ thuật viết, vẽ và sử dụng tranh ảnh/video

3.4 Bài tập thực hành

CHƯƠNG 4. THAM VẤN VỚI NHÓM NẠN NHÂN BỊ BẠO LỰC GIA ĐÌNH

4.1 Khái quát chung về tham vấn gia đình với gia đình nạn nhân có bạo lực

4.1.1 Khái niệm

4.1.2 Mục đích, ý nghĩa

4.1.3 Đặc điểm và nhu cầu của nhóm nạn nhân bị bạo lực gia đình

4.2 Quy trình tham vấn gia đình với gia đình nạn nhân có bạo lực

4.2.1 Chuẩn bị thành lập nhóm

4.2.2 Tiến hành tham vấn nhóm

4.2.3 Kết thúc/Theo dõi

4.3 Một số kỹ năng và kỹ thuật tham vấn gia đình

4.3.1 Kỹ năng điều phối sự tham gia của các thành viên trong nhóm

4.3.2 Kỹ năng xử lý tình huống trong nhóm

4.3.3 Kỹ năng làm việc với thành viên không hợp tác

4.3.4 Kỹ năng thấu hiểu và phản hồi với các thành viên trong nhóm nạn nhân

4.3.5 Kỹ năng xử lý hành vi lệch chuẩn trong nhóm

4.3.6 Kỹ thuật trải nghiệm sự kiện

4.3.7 Kỹ thuật tổ chức hoạt động nhóm

4.3.8 Kỹ thuật động não về giải pháp giải quyết vấn đề

4.3.9. Kỹ thuật khám phá các sự kiện và hậu quả của hành vi bạo lực gia đình

4.4 Bài tập thực hành

13. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Giảng viên cần chuẩn bị slide bài giảng, câu hỏi thảo luận, giới thiệu nguồn tham khảo thực tế.
- Nên sử dụng phương pháp thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.
- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
QUẢN LÝ TRƯỜNG HỢP VỚI NGƯỜI NGHIỆN MA TÚY
CASE MANAMENT WITH DRUG ABUSER

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLĐXH ngày / /2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

1. Tên học phần: Quản lý trường hợp với người nghiện ma túy
Mã học phần: CTX. 322
2. Tên học phần (Tiếng Anh): Case management with drug abuser
3. Số tín chỉ: 03
4. Điều kiện tiên quyết: Công tác xã hội với An sinh xã hội
5. Giảng viên tham gia giảng dạy

TT	Họ và tên, chức danh, học vị	Điện thoại liên hệ	Email
1	TS. Nguyễn Trung Hải	0985.869090	Haitrungnguyen1979@gmail.com
2	TS. Đặng Quang Trung	0979672464	trungulsa@gmail.com

6. Mục tiêu của học phần

- *Kiến thức*:

Mô tả được các mức độ lạm dụng ma túy, hậu quả và các phương pháp giảm tác hại liên quan tới sử dụng ma túy trong bối cảnh ở Việt Nam;

Chỉ ra được các vai trò và nhiệm vụ chính của cán bộ xã hội/người làm công tác quản lý trường hợp với người nghiện ma túy;

Phân biệt rõ các nguyên tắc cơ bản của quản lý trường hợp với người nghiện ma túy;

Mô tả được các giai đoạn thay đổi hành vi và việc áp dụng mô hình thay đổi hành vi trong việc thực hiện các biện pháp hỗ trợ khách hàng thay đổi;

Chỉ rõ được các bước trong quy trình quản lý trường hợp với người nghiện ma túy.

- *Kỹ năng*:

Đánh giá được nhu cầu của khách hàng và xây dựng một kế hoạch chuyển gửi hiệu quả để đáp ứng nhu cầu bao gồm cả một kế hoạch dự phòng tái nghiện hiệu quả;

Áp dụng được các kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng giao tiếp, lắng nghe tích cực và giúp khách hàng xác định mục đích thay đổi hành vi và xây dựng kế hoạch thay đổi hành vi cá nhân;

Liên kết, giám sát, điều phối nguồn lực và quản lý hồ sơ.

- *Thái độ*:

Hình thành thái độ đúng đắn và sự nhiệt huyết đối với công tác quản lý trường hợp với người nghiện ma túy, có thái độ tích cực trong mối quan hệ giữa nhân viên xã hội và thân chủ, cam kết làm việc theo đúng các nguyên tắc nghề nghiệp. Đồng thời, hiểu được tầm quan trọng của việc chăm sóc bản thân cũng như thảo luận nhằm xác định được các cơ hội và thách thức trong công việc tương lai.

Không phân biệt kỳ thị với người sử dụng ma túy.

7. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức nền tảng chung về công tác quản lý trường hợp với người sử dụng ma túy: Vai trò, yêu cầu và nguyên tắc nền tảng trong

quản lý trường hợp với người nghiện ma túy; Các kỹ năng như cần thiết trong quản lý trường hợp với người nghiện ma túy như kỹ năng thiết lập mối quan hệ, kỹ năng lắng nghe tích cực, kỹ năng thấu cảm, kỹ năng gắn kết thân chủ, kỹ năng liên kết, điều phối nguồn lực, kỹ năng vận động, kỹ năng giám sát.

8. Nhiệm vụ của học viên:

- Thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu của giáo viên
- Tích cực phát biểu xây dựng bài, tích cực tham gia các bài thảo luận nhóm
- Thực hiện 01 bài kiểm tra giữa kỳ (hết 2/3 nội dung chương trình)
- Hoàn thành bài thi kết thúc học phần

9. Tài liệu học tập

[1] Nguyễn Trung Hải (2013). Giáo trình Quản lý trường hợp với người sử dụng ma túy. NXB Lao động - Xã hội

[2] Nguyễn Hồi Loan (2013). Tài liệu Quản lý trường hợp với người sử dụng ma túy (Tài liệu tập huấn cho cán bộ cơ sở). NXB Lao động- xã hội

[3] Ths. Lê Thị Mỹ Hiền (2013). Tài liệu Thực hành quản lý trường với người sử dụng ma túy. NXB Lao động - Xã hội

[4] TS. Bùi Thị Xuân Mai (2013). Giáo trình chất gây nghiện và xã hội. NXB Lao động – Xã hội

10. Hình thức và phương pháp đánh giá học phần

- Hình thức đánh giá: Thi viết

- Phương thức đánh giá học phần

TT	Căn cứ đánh giá	Trọng số
1	Tham gia học tập, thảo luận trên lớp (A)	0,1
2	Bài tập, tiểu luận, kiểm tra (B)	0,3
3	Thi kết thúc học phần (C)	0,6
	ĐMH = A x 0,1 + B x 0,3 + C x 0,6	

11.Thang điểm:

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân
- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt:

A (8,5 – 9,1); A+ (9,2 – 10): Giỏi

B (7,0 – 7,6); B+ (7,7 – 8,4): Khá

C (5,5 – 6,1); C+ (6,2 – 6,9): Trung bình

+ Loại không đạt:

D (4,0 – 4,6); D+ (4,7 – 5,4): Trung bình yếu

F (dưới 2,0); F+ (2,0 – 3,9): Kém

12.Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian			
			Tổng số	LT	Kiểm tra	Tự học
1	Chương I: Tổng quan về quản lý trường hợp với người nghiện ma túy	[1], [2], [4]	10	10		20
2	Chương II: Một số kỹ năng trong quản lý trường hợp với người nghiện ma túy	[1], [2], [3]	15	14	1	35
3	Chương III: Quy trình quản lý trường hợp với người nghiện ma túy	[1], [2], [3]	20	20		35
	Tổng số		**45**	**44**	**1**	**90**

Ghi chú: LT: Lý thuyết; ThH: Thực hành; TL: Thảo luận; BTL: Bài tập lớn.

B. Nội dung chi tiết

CHƯƠNG I: TỔNG QUAN VỀ QUẢN LÝ TRƯỜNG HỢP VỚI NGƯỜI NGHIỆN MA TÚY

1. Khái niệm chung về quản lý trường hợp với người nghiện ma túy

1.1. Khái niệm quản lý trường hợp

1.2. Mục đích và các hoạt động

1.3. Công tác quản lý trường hợp với người nghiện ma túy

2. Một số hoạt động quản lý trường hợp tại Việt Nam

3. Vai trò nhân viên quản lý trường hợp với người nghiện ma túy

3.1. Kết nối dịch vụ

3.2. Điều phối

3.3. Vận động

3.4. Truyền thông

3.5. Biện hộ

3.6. Giám sát

4. Các yêu cầu đối với nhân viên quản lý trường hợp với người nghiện ma túy

4.1. Về kiến thức

4.2. Về kỹ năng

4.3. Về thái độ

4.4. Những điều cần tránh

5. Các nguyên tắc nền tảng trong quản lý trường hợp với người nghiện ma túy

5.1. Nguyên tắc chấp nhận thân chủ

5.2. Nguyên tắc cá thể hóa

5.3. Nguyên tắc bảo mật thông tin cho thân chủ

5.4. Nguyên tắc dịch vụ toàn diện

5.5. Nguyên tắc tôn trọng quyền tự quyết của thân chủ

5.6. Nguyên tắc chuyên nghiệp

5.7. Nguyên tắc liên tục của dịch vụ

5.8. Nguyên tắc dịch vụ công bằng

5.9. Nguyên tắc linh hoạt và kiên nhẫn

6. Các biện pháp can thiệp dành cho người nghiện ma túy tại Việt Nam hiện nay

6.1. Các can thiệp dự phòng

6.2. Can thiệp giảm tác hại

6.3. Can thiệp chuyên sâu

6.4. Các hỗ trợ xã hội

CHƯƠNG II: MỘT SỐ KỸ NĂNG TRONG QUẢN LÝ TRƯỜNG HỢP VỚI NGƯỜI NGHIỆN MA TÚY

1. Các kỹ năng cơ bản trong quản lý trường hợp với người nghiện ma túy

1.1. Kỹ năng thiết lập mối quan hệ với thân chủ

1.2. Thiết lập mối quan hệ trong buổi gặp đầu tiên

1.3. Duy trì mối quan hệ trong quá trình làm việc với thân chủ

1.4. Kỹ năng lắng nghe tích cực

1.5. Khái niệm, mục đích của lắng nghe tích cực

1.6. Phân loại lắng nghe tích cực

1.7. Biểu hiện của lắng nghe tích cực

1.8. Các kỹ thuật được sử dụng giúp nhân viên quản lý trường hợp lắng nghe tích cực

1.9. Các rào cản của lắng nghe tích cực

1.10. Kỹ năng thấu cảm

1.11. Khái niệm

1.12. Vai trò của thấu cảm

1.13. Các nguyên tắc hướng dẫn việc sử dụng kỹ năng thấu cảm

2. Các kỹ thuật chuyên biệt

2.1. Kỹ năng gắn kết thân chủ

2.2. Kỹ năng liên kết, điều phối nguồn lực

2.3. Kỹ năng vận động

2.4. Kỹ năng giám sát hỗ trợ thân chủ

2.5. Kỹ năng xây dựng và quản lý hồ sơ

CHƯƠNG III: QUY TRÌNH QLTH VỚI NGƯỜI NGHIỆN MA TÚY

1. Bước 1: Xây dựng mối quan hệ và đánh giá nhu cầu của thân chủ

1.1. Xây dựng mối quan hệ

1.2. Đánh giá thân chủ

1.3. Các yếu tố về nhân thân – xã hội – luật pháp

1.4. Điều kiện sức khỏe và những vấn đề nghiêm trọng về sức khỏe

1.5. Sử dụng và điều trị nghiện ma túy

1.6. Hành vi tình dục

1.7. Các giai đoạn thay đổi hành vi và các chiến lược can thiệp

2. Bước 2: Xây dựng kế hoạch

2.1. Xác định các mục tiêu

2.2. Xác định mục tiêu ưu tiên

2.3. Lựa chọn dịch vụ chuyển gửi

2.4. Lập kế hoạch chi tiết tiếp cận dịch vụ

3. Bước 3: Hỗ trợ thân chủ tiếp cận dịch vụ được chuyển gửi

3.1. Liên hệ nối kết cơ sở chuyển gửi

3.2. Chuẩn bị tâm lý cho thân chủ và những khó khăn có thể nẩy sinh

3.3. Chuẩn bị điều kiện hành chính

4. Bước 4: Theo dõi giám sát và hỗ trợ thân chủ

4.1. Gặp gỡ thảo luận sự tiến triển của quá trình tiếp cận dịch vụ

4.2. Trao đổi, phản hồi về chất lượng các dịch vụ

4.3. Duy trì mối quan hệ với cơ sở cung cấp dịch vụ

4.4. Hỗ trợ thân chủ tiến trình thực hiện và điều chỉnh nếu cần

5. Bước 5: Lượng giá và kết thúc

5.1. Lượng giá các hoạt động, mục tiêu đề ra trong kế hoạch

5.2. Lượng giá những thay đổi của thân chủ

5.3. Lượng giá các dịch vụ được triển khai

5.4. Đánh giá lại nhu cầu thân chủ và gắn kết với dịch vụ hỗ trợ hác

5.5. Hỗ trợ thân chủ xây dựng kế hoạch tiếp theo (nếu cần)

5.6. Kết thúc: Chia tay, động viên, chỉ ra những khó khăn có thể gặp phải khi không còn tiếp tục kết nối với nhân viên quản lý trường hợp.

13.Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Giảng viên cần chuẩn bị slide bài giảng, câu hỏi thảo luận, giới thiệu nguồn tham khảo thực tế.
- Nên sử dụng phương pháp thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.
- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
THỰC TẬP NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI
FINAL INTERNSHIP

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLĐXH ngày / /2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

1. **Tên học phần (tiếng Việt):** Thực tập ngành Công tác xã hội
   Mã học phần: CTX. 423
2. **Tên học phần (tiếng Anh):** Final Internship
3. **Số tín chỉ: 0**6
4. **Điều kiện tiên quyết:** Hoàn thành các học phần trong CTĐT thạc sĩ ngành CTXH
5. **Giảng viên tham gia giảng dạy**

TT	Họ và tên, chức danh, học vị	Điện thoại liên hệ	Email
1	TS. Nguyễn Trung Hải	0985 86 90 90	hainguyentrung1979@gmail.com
2	TS. Đặng Quang Trung	0979 672 464	trungulsa@gmail.com
3	TS Lê Thị Thuỷ	091 698 4468	thuyexp123@gmail.com
4	TS. Nguyễn Thị Hoài An	0912 338 618	hoaianctxh34@gmail.com
5	TS. Nguyễn Huyền Linh	0912223599	linh171176@gmail.com

6. **Mục tiêu của học phần**

Sau khi hoàn thành học phần, học viên có thể:

+ Kiến thức

- Có kiến thức toàn diện về thực hành công tác xã hội nâng cao ở cấp vi mô, trung mô và vĩ mô.
- Nhận diện và phân tích được phương pháp quản trị CTXH đối với hệ thống các cơ sở cung cấp dịch vụ xã hội, hệ thống các chính sách xã hội và việc chuyển giao các chính sách này vào thực tiễn thế nào để đảm bảo an sinh xã hội và công bằng xã hội.
- Tổng quát và đánh giá được các dịch vụ xã hội đang cung cấp tại các cơ sở, tại các tổ chức, các cơ quan cho các nhóm đối tượng có nhu cầu
- Phát hiện, xác định và phân tích được các rào cản liên quan trong thực hiện quản trị CTXH tại các cơ sở cung cấp dịch vụ xã hội.
- Đề xuất các khả năng cải thiện quản trị CTXH tại các cơ sở quản lý và cung cấp dịch vụ xã hội ngày càng chuyên nghiệp hơn đảm bảo các nguyên tắc và giá trị đạo đức của công tác xã hội

+ Kỹ năng:

- Giúp học viên thực hành kỹ năng quản trị công tác xã hội nâng cao, chuyên nghiệp góp phần đảm bảo quyền con người hướng tới công bằng xã hội . Đồng thời học viên có khả năng phát triển cung cấp các dịch vụ xã hội.

+ *Thái độ*:

- Có thái độ chuyên nghiệp, thực hiện các chuẩn mực đạo đức, giá trị, nguyên tắc của quản trị CTXH . Học viên sẽ ý thức được việc tuân thủ các nguyên tắc đạo đức trong thực hành nghề nghiệp.

7. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Học phần thực tập tốt nghiệp tập trung vào hoàn thiện và nâng cao khả năng vận dụng kiến thức quản trị CTXH của học viên để hình thành các kỹ năng làm việc với các đối tượng ở các cấp độ quản trị. Thông qua vận dụng một số phương pháp tiếp cận đa dạng trong quản trị CTXH từ cấp độ nhân viên, cấp độ tổ chức trên cơ sở trao quyền cho các nhóm đối tượng thực hiện quản trị tự nâng cao năng lực giải quyết vấn đề. Đồng thời học phần cũng giúp học viên vận dụng các kiến thức để nhận diện, đánh giá, tổng hợp và phân tích các chính sách an sinh xã hội của Nhà nước, các chương trình xã hội trong việc hỗ trợ đối tượng giải quyết vấn đề và đề xuất những giải pháp mang tính hệ thống phù hợp và hiệu quả tới những nhà hoạch định chính sách và các cơ sở, tổ chức cung cấp dịch vụ xã hội để góp phần thực hiện an sinh xã hội.

8. Nhiệm vụ của học viên

- Đọc các tài liệu do giảng viên cung cấp.
- Tham gia và đóng góp đầy đủ trong các buổi hướng dẫn, kiểm huấn về nội dung, hình thức và phương pháp tiến hành thực tập
- Lựa chọn và liên hệ địa điểm thực tập phù hợp với phương pháp quản trị CTXH
- Xây dựng kế hoạch thực tập và mục tiêu thực tập với phương pháp quản trị CTXH
- Triển khai thực tập công tác quản trị CTXH tại cơ sở, vận dụng các lý thuyết quản trị CTXH vào cơ sở thực tập
- Tham dự các hội thảo, thảo luận, nghiên cứu liên quan tới kế hoạch thực tập quản trị CTXH
- Tiếp nhận đánh giá của cơ sở thực tập
- Viết báo cáo tổng hợp
- Thông qua báo cáo với kiểm huấn viên và với cơ sở thực tập
- Báo cáo tại hội thảo của lớp/khoa
- Hoàn chỉnh và nộp báo cáo thực tập
- Chia sẻ báo cáo rộng rãi với các các bên liên quan như cơ sở thực tập, cơ sở đào tạo và các bên quan tâm khác

9. Tài liệu học tập

- *Tài liệu bắt buộc:*

[1]. Đề cương thực tập tốt nghiệp thạc sĩ ngành Công tác xã hội theo quy định của nhà trường.

[2]. *Tài liệu Hướng dẫn thực tập tốt nghiệp*, Trường Đại học Lao động - Xã hội

- Tài liệu tham khảo:

[3] Quy định về thể thức báo cáo thực tập tốt nghiệp

[4] University of Mississppi, Department of Social Work, *Internship Mannual for master of social work student and Field Instructor,* 2016

[5] Các sách, giáo trình và tài liệu chuyên ngành CTXH…

10. Hình thức và phương pháp đánh giá học phần

- Hình thức đánh giá: Nộp báo cáo (Tiểu luận)

- Phương thức đánh giá học phần

TT	Căn cứ đánh giá	Trọng số
1	Giảng viên đánh giá ý thức, thái độ, tinh thần của học viên, quá trình gặp gỡ, trao đổi và làm việc với giảng viên hướng dẫn, kết quả nghiên cứu trong từng giai đoạn của quá trình thực tập	0,4
2	Báo cáo thực tập cuối khóa theo quy định của Trường	0,6
ĐMH = A x 0,4 + B x 0,6		

11. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt:

A (8,5 – 9,1); A+ (9,2 – 10): Giỏi

B (7,0 – 7,6); B+ (7,7 – 8,4): Khá

C (5,5 – 6,1); C+ (6,2 – 6,9): Trung bình

+ Loại không đạt:

D (4,0 – 4,6); D+ (4,7 – 5,4): Trung bình yếu

F (dưới 2,0); F+ (2,0 – 3,9): Kém

12. Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian *(giờ)*			Tự học *(giờ)*
			Tổng số	LT	TH	
1	Phần 1. Khái quát về cơ quan/cơ sở /tổ chức/ địa phương	[1], [2] [4]	55		65	40
2	Phần 2. Chuyên đề chuyên sâu	[1], [2] [3], [5]	135		155	105
3	Phần 3. Kết luận và giải pháp	[1], [2] [4]	20		50	10
	Tổng số		**270**		**270**	**155**

Ghi chú: LT: Lý thuyết; ThH: Thực hành; TL: Thảo luận;

B. Nội dung chi tiết

Phần 1: Khái quát cơ sở thực tập (theo hướng quản trị CTXH)

1.Những vấn đề chung về cơ sở thực tập

1.1 Thông tin chung của cơ quan/ tổ chức

1.2 Chức năng nhiệm vụ của cơ quan/ tổ chức

1.3 Sơ đồ cấu trúc hệ thống cơ quan/tổ chức

1.4 Các yếu tố ảnh hưởng hoạt động quản trị CTXH của cơ sở thực tập

- Các nhân tố bên trong
- Các nhân tố bên ngoài

Phần 2. Chuyên đề chuyên sâu (lựa chọn nội dung thuộc quản trị CTXH như cơ cấu hệ thống tổ chức, chức năng nhiệm vụ, các hoạt động quản trị hoạch định, nguồn nhân lực, giám sát và đánh giá, truyền thông …)

2.1 Lý luận về các hoạt động quản trị CTXH của cơ sở thực tập

2.2 Mô tả thực trạng công tác quản trị cơ sở thực tập (tập trung vào một nội dung công tác Hoạch định, Tổ chức, Quản trị con người (Lãnh đạo), Kiểm tra, Truyền thông..)

- Công tác lập kế hoạch hoạt động/tài chính
- Số lượng cán bộ, nhân viên CTXH, trình độ , năng lực, tính đáp ứng với chức năng, nhiệm vụ
- Tổ chức hoạt động cung cấp dịch vụ; phân bổ quyền lực nội bộ; công tác giám sát, kiểm tra, kiểm huấn, đánh giá hiệu quả công việc …

2.3. Đánh giá thực trạng (vận dụng các kiến thức tổng quát của quản trị CTXH để phân tích đánh giá)

- Phân tích và đánh giá những điểm tich cực/ điểm hạn chế trong công tác quản trị cơ sở

2.4. Những hoạt động, phương pháp quản trị CTXH mà học viên vận dụng/can thiệp/ đóng góp

- Những đóng góp của học viên với cơ sở thực tập

- Những nội dung học hỏi được của học viên trong quá trình thực tập

Phần 3. Kết luận và khuyến nghị

3.1 . Kết luận

3.2. Khuyến nghị

13. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Giảng viên cần chuẩn bị câu hỏi thảo luận, giới thiệu nguồn tham khảo thực tế.

- Giảng viên hướng dẫn giám sát quá trình thực tập của học viên tại đơn vị thực tập, Phối hợp với cơ sở thực tập để kiểm tra việc thực hiện nội quy, quy chế, kế hoạch thực tập của học viên

- Giảng viên và học viên cần thường xuyên trao đổi, thảo luận trong quá trình thực tập và viết báo cáo

- Bảo đảm nội dung thực tập và hướng dẫn học viên hoàn thành kế hoạch, nội dung thực tập;

- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
GRADUATION THESIS OF SOCIAL WORK
ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLĐXH ngày / /2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

1. **Tên học phần (tiếng Việt):** Đề án tốt nghiệp thạc sĩ ngành công tác xã hội
   Mã học phần: CTX.524
2. **Tên học phần (tiếng Anh):** Graduation thesis of Social work
3. **Số tín chỉ:** 09
4. **Điều kiện tiên quyết:** Thực tập
5. **Giảng viên tham gia giảng dạy**

TT	Họ và tên, chức danh, học vị	Điện thoại liên hệ	Email
1	TS. Tiêu Thị Minh Hường	0975126800	huongulsa0372@gmail.com
2	TS. Nguyễn Trung Hải (79)	0985869090	hainguyentrung1979@gmail.com
3	TS. Đặng Thị Lan Anh	0912171971	lananh91176@gmail.com
4	TS. Phạm Hồng Trang	0979082686	hongtrangctxh@gmail.com
5	TS. Đặng Quang Trung	0979672464	trungulsa@gmail.com
6	TS. Nguyễn Hồng Linh	0989088977	nguyenhonglinhulsa@gmail.com
7	TS. Chu Thị Huyền Yến	0982441080	chuhuyenyen@gmail.com
8	TS. Nguyễn Thanh Huyền	0985116839	nguyenthanhhuyenctxh@gmail.com
9	TS. Nguyễn Thị Hoài An	0912338618	hoaianctxh34@gmail.com
10	TS. Lê Thị Thủy	0916984468	thuyexp123@gmail.com
11	TS. Nguyễn Huyền Linh	0912223599	linh171176@gmail.com
12	TS. Nguyễn Thị Hiền	0968906132	nguyenhienulsa@gmail.com

6. **Mục tiêu của học phần**

Học phần đề án tốt nghiệp của ngành công tác xã hội được xây dựng nhằm giúp cho học viên cao học nắm vững phương pháp luận trong việc triển khai một nghiên cứu. Ngoài ra thông qua việc ứng dụng can thiệp 1 trường hợp công tác xã hội, học phần cũng giúp học viên triển khai các can thiệp hỗ trợ thân chủ thông qua các nghiên cứu ứng dụng từ đó giúp nâng cao tay nghề chuyên môn trong lĩnh vực này.

7. **Mô tả vắn tắt nội dung của học phần**

Học phần đề án tốt nghiệp dựa trên những kiến thức nâng cao ở bậc sau đại học trong lĩnh vực công tác xã hội trong việc giúp người học áp dụng kiến thức lý thuyết và kỹ năng tư duy phản biện vào việc nghiên cứu và ứng dụng một vấn đề cụ thể gắn với hoạt

động của ngành công tác xã hội.

8. Nhiệm vụ của học viên

- Học viên nghiên cứu tài liệu chuyên ngành, luật pháp chính sách cũng như các công trình nghiên cứu khoa học liên quan tới chủ đề của đồ án để lựa chọn chủ đề và tên đề án tốt nghiệp
- Học viên trao đổi với giảng viên hướng dẫn để xây dựng đề cương chi tiết, chỉnh sửa hoàn thiện theo hướng dẫn của giảng viên
- Học viên xây dựng công cụ khảo sát, triển khai và xử lý dữ liệu của đề án tốt nghiệp
- Học viên phân tích số liệu, triển khai ứng dụng can thiệp 1 trường hợp công tác xã hội và viết báo cáo theo hướng dẫn của giảng viên
- Học viên chỉnh sửa và hoàn thiện đề án tốt nghiệp

9. Tài liệu học tập

- *Tài liệu bắt buộc:*

[1]. Nguyễn Trung Hải (2019). *Phương pháp nghiên cứu trong công tác xã hội.* Tài liệu lưu hành nội bộ của Trường đại học Lao động Xã hội

- *Tài liệu tham khảo:*

[2]. Hướng dẫn và các chủ đề gợi ý đồ án tốt nghiệp ngành công tác xã hội, Khoa Công tác xã hội - Trường Đại học Lao động - Xã hội.

[3]. Phạm Văn Quyết: Nguyễn Quý Thanh (2011). *Phương pháp nghiên cứu Xã hội học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

10. Hình thức và phương thức đánh giá học phần

- Hình thức đánh giá: Bảo vệ Đề án trước Hội đồng

- Phương thức đánh giá học phần

TT	Căn cứ đánh giá	Trọng số
1	Bảo vệ đề án tốt nghiệp theo quy định	100%

11. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt:

A (8,5 – 9,1); A+ (9,2 – 10): Giỏi

B (7,0 – 7,6); B+ (7,7 – 8,4): Khá

C (5,5 – 6,1); C+ (6,2 – 6,9): Trung bình

+ Loại không đạt:

D (4,0 – 4,6); D+ (4,7 – 5,4): Trung bình yếu

F (dưới 2,0); F+ (2,0 – 3,9): Kém

12. Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian *(giờ)*			Tự học *(giờ)*
			Tổng số	**LT**	**KT/TH**	
1	Phần mở đầu	[1], [2]	70		70	
2	Chương 1. Cơ sở lý luận về chủ đề của đề án	[1], [2], [3]	100		100	
3	Chương 2. Thực trạng thực hiện về chủ đề của đề án	[1], [3]	130		130	
4	Chương 3. Ứng dụng trường hợp và giải pháp kết luận về chủ đề của đề án	[1], [3].	105		105	
	Tổng số		**405**		**405**	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; ThH: Thực hành; TL: Thảo luận; KT: Kiểm tra

B. Nội dung chi tiết

Phần mở đầu

- Lý do chọn chủ đề đồ án tốt nghiệp
- Mục đích, ý nghĩa và đối tượng nghiên cứu
- Nhiệm vụ nghiên cứu
- Phạm vi nghiên cứu
- Phương pháp nghiên cứu
- Kết cấu nghiên cứu

Chương 1. Cơ sở lý luận về chủ đề của đề án

1.1. Các khái niệm nghiên cứu

1.2. Đặc điểm và nhu cầu của nhóm đối tượng nghiên cứu

1.3. Lý luận về vấn đề nghiên cứu

1.4. Những yếu tố ảnh hưởng tới vấn đề nghiên cứu

Chương 2. Thực trạng về chủ đề của đề án

2.1. Mô tả về địa bàn và đặc điểm của khách thể nghiên cứu

2.2. Thực trạng về vấn đề nghiên cứu

2.3. Các yếu tố ảnh hưởng tới vấn đề nghiên cứu

Chương 3. Ứng dụng trường hợp và giải pháp kết luận về chủ đề của đề án

3.1. Ứng dụng trường hợp can thiệp

3.2. Giải pháp

3.3. Kết luận

Lưu ý: Các nội dung trên mang tính chất gợi ý. Trong quá trình triển khai thực hiện đề án, tùy vào từng đề tài của đề án tốt nghiệp, học viên và GVHD cần trao đổi, thống nhất các nội dung phù hợp với tên đề tài và mục tiêu của đề án tốt nghiệp.

13. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Giảng viên cần chuẩn bị slide các nội dung hướng dẫn học viên thực hiện đề án, giới thiệu tài liệu và nguồn tham khảo thực tế phù hợp với tên đề án đã chọn.
- Hướng dẫn học viên thực hành thiết kế và thực hiện đề án
- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng